BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ - KẾ TOÁN

---ꕥ---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

DANANG ARCHITECTURE UNIVERSITY

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

Giáo viên hướng dẫn:	Ths. Nguyễn Thị Thanh Phương
Sinh viên thực hiện:	Lê Thị Lan
Khóa học:	2020-2024
Lớp:	20KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 1

1.1. Khái quát chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh..... 1

1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp 1

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh ... 2

1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

1.2.1. Khái niệm 3

1.2.2. Chứng từ sử dụng 4

1.2.3. Tài khoản sử dụng 4

1.2.4. Phương pháp hạch toán 4

1.3. Kế toán giá vốn hàng bán 6

1.3.1. Nội dung 6

1.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho 7

1.3.3. Chứng từ sử dụng 8

1.3.4. Tài khoản sử dụng 8

1.3.5. Phương pháp hạch toán..... 9

1.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 10

1.4.1. Nội dung 10

1.4.2. Chứng từ sử dụng 10

1.4.3. Tài khoản sử dụng 10

1.4.4. Phương pháp hạch toán 11

1.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 11

1.5.1. Nội dung 11

1.5.2. Chứng từ sử dụng 11

1.5.3. Tài khoản sử dụng 12

1.5.4. Phương pháp hạch toán 12

1.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính 13

1.6.1. Nội dung 13
1.6.2. Chứng từ sử dụng 13
1.6.3. Tài khoản sử dụng 13
1.6.4. Phương pháp hạch toán 14
1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác 14
1.7.1. Kế toán thu nhập khác 14
1.7.2. Kế toán chi phí khác 16
1.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....18
1.8.1. Nội dung 18
1.8.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng 18
1.8.3. Phương pháp hạch toán 19
1.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....19
1.9.1. Nội dung 19
1.9.2. Tài khoản sử dụng 20
1.9.3. Phương pháp hạch toán 20
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA..... 21
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thiết bị Medda..... 21
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thiết bị Medda 21
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty 22
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda 22
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thiết bị Medda 23
2.1.5 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty..... 25
2.1.6 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty 26
2.1.7 Phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty 27
2.2. Tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị Medda năm 2022-2023 28

2.3. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda..... 30

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty..... 30

2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán..... 44

2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 52

2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 65

2.3.5. Kế toán chi phí họat động tài chính 69

2.3.6. Kế toán thu nhập khác..... 70

2.3.7. Kế toán chi phí khác..... 72

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA 92

3.1. Nhận xét về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết Bị Medda.....92

3.1.1 Ưu điểm 92

3.1.2 Hạn chế 93

3.1.3 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda..... 93

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BTC	Bộ tài chính
CCDC	Công cụ dụng cụ
CNV	Công nhân viên
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐ	Hóa đơn
KD	Kinh doanh
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
KKTX	Kê khai thường xuyên
LĐ	Lao động
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NVL	Nguyên vật liệu
QĐ	Quyết định
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
TK	Tài khoản
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNNN	Trách nhiệm nghề nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
ĐN	Đà Nẵng
VNĐ	Việt Nam đồng

LỜI MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài:

Những năm vừa qua là cột mốc đánh dấu sự chuyển mình đổi mới vô cùng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam. Cùng với việc mở rộng nền kinh tế, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, mở rộng giao lưu, hợp tác trên thị trường kinh tế rộng lớn. Đặc biệt sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới, đã mở ra rất nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp song cũng tiềm ẩn không ít những khó khăn thử thách nhất là tại thời điểm hiện tại nền kinh tế đang ở trong tình trạng khủng hoảng. Trước tình hình đó đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực hết mình để tồn tại và phát triển.

Cũng như các doanh nghiệp khác, doanh nghiệp thương mại khi tiến hành hoạt động kinh doanh không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh, khi sản phẩm của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Từ những nhận thức đó, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thiết bị Medda, em đã chọn đề tài: **"Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda"** làm đề tài tốt nghiệp cho mình.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu:

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác so với những gì đã học được ở trường đại học hay không? Qua đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả.

1.3. Phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị Medda
- Nội dung nghiên cứu thuộc kế toán tài chính
- Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Thiết bị Medda
- Số liệu được lấy từ kết quả kinh doanh năm 2023.

1.4. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung đề tài gồm 3 phần sau:

Chương 1: Cơ sở lí luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

Chương 3: Nhận xét và một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế và chỉ thực tập tại doanh nghiệp thời gian có hạn nên đề tài chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn chuyên đề của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

a) Khái niệm bán hàng

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Bán hàng là một hoạt động giao tiếp mà trong đó người bán tìm hiểu, khám phá nhu cầu hoặc làm phát sinh nhu cầu của người mua đồng thời khẳng định khả năng đáp ứng nhu cầu đó bằng lợi ích của sản phẩm nhằm thỏa mãn quyền lợi thỏa đáng, lâu dài của hai bên.

Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

b) Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo quy định tại điều 68, Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành vào ngày 26/08/2016 của bộ tài chính về "Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa".

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định.
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp

a) Phương thức bán hàng

- Phương thức bán hàng tại kho của doanh nghiệp: ngay tại kho doanh nghiệp xuất hàng giao trực tiếp cho đại diện bên mua
- Phương thức bán hàng gửi đi bán: bên bán tự vận chuyển hàng từ địa điểm nhận hàng đến địa điểm của bên mua theo hợp đồng bằng phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Nếu trong quá trình vận chuyển mà có hư hỏng gì thì bên bán sẽ là người chịu trách nhiệm.
- Phương thức bán hàng đại lý: là hình thức bán hàng mà doanh nghiệp giao cho đơn vị hoặc cá nhận bán hộ và phải trả hoa hồng cho họ, số hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Hoa hồng đại lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán chưa có thuế GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương

pháp khấu trừ) hoặc thanh toán bao gồm cả GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT) và được hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính, ...

b) Phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt: Theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hoá mà mình đã bán.
- Thanh toán qua ngân hàng: Ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại. Phương thức này có nhiều hình thức thanh toán như: Thanh toán bằng séc, thư tín dụng, thanh toán bù trừ, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, …
- Thanh toán trả chậm: Áp dụng cho khách hàng thường xuyên hoặc những khách hàng đã ký hợp đồng mua hàng với khối lượng lớn. Căn vào vào hợp đồng mua hàng có khối lượng lớn. Căn cứ vào thỏa thuận, khách hàng có thể thanh toán sau thời điểm nhận hàng. Đến thời hạn thanh toán, khách hàng có thể trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép đầy đủ, kịp thời khối lượng hàng hóa mua vào, bán ra và tiêu thụ nội bộ của doanh nghiệp.
- Xác định chính xác giá vốn hàng bán, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác nhằm xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính à thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, kế hoạch bán hàng và cung cấp thông tin cần thiết với ban lãnh đạo về tình hình bán hàng phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và tính thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước.

1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1. Khái niệm

a) Doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu".

Doanh thu = (Số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong kỳ) x Đơn giá

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu.
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

c) Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo quy định tại điều 57 trong Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh nghiệp được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh

nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.2. Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu Bảng kê bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
- Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng

1.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511-"Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.
- TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

  TK 5111 - Doanh thu bán hàng

  TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

  TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

  TK 5118 - Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản:

<u>Bên Nợ:</u>

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

<u>Bên Có:</u>

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.2.4. Phương pháp hạch toán

a) Trường hợp 1: Kế toán doanh thu BH theo phương thức BH tại kho của DN

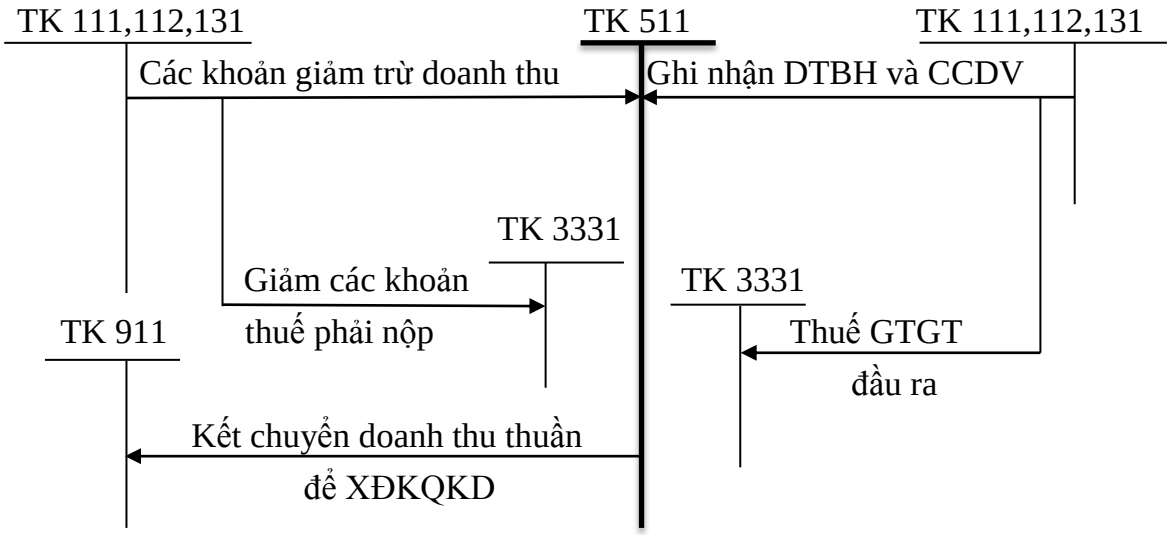

Sơ đồ 1.1 : Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức BH tại kho của DN

b) Trường hợp 2: Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán

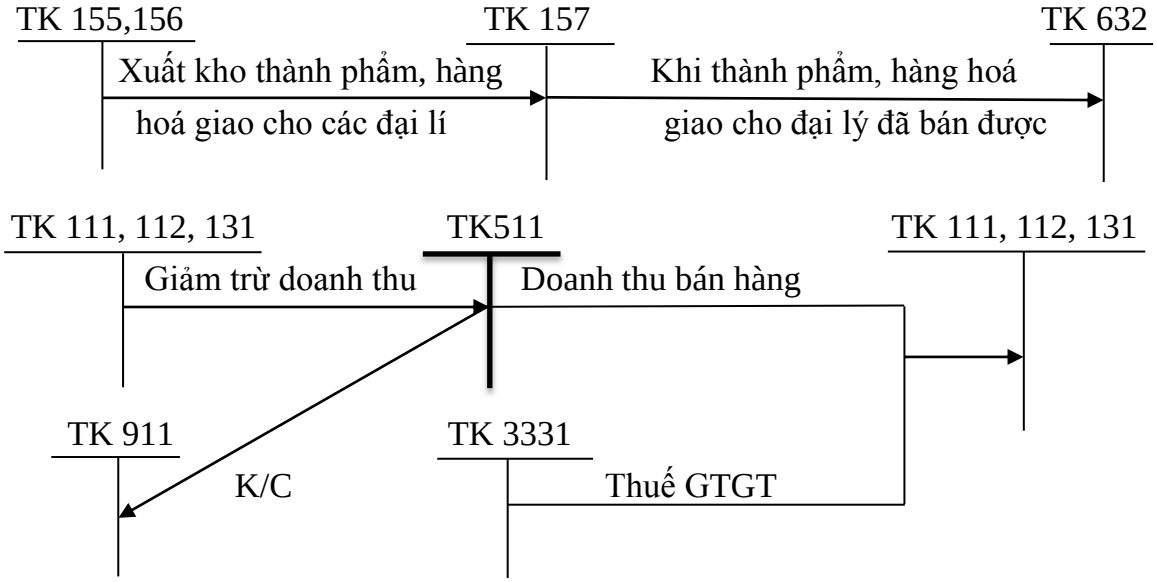

Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán

c) Trường hợp 3: Bán hàng tại đơn vị giao hàng đại lý

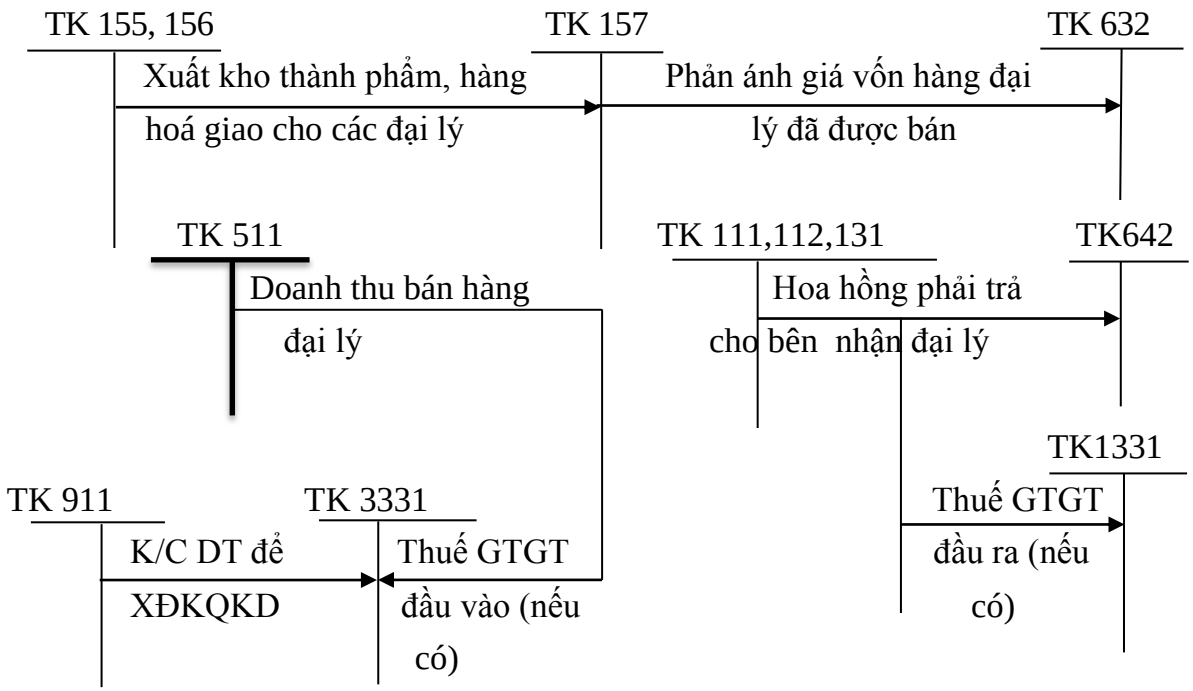

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng tại đơn vị giao hàng đại lý

d) Trường hợp 4: Doanh thu hàng trả góp, trả chậm

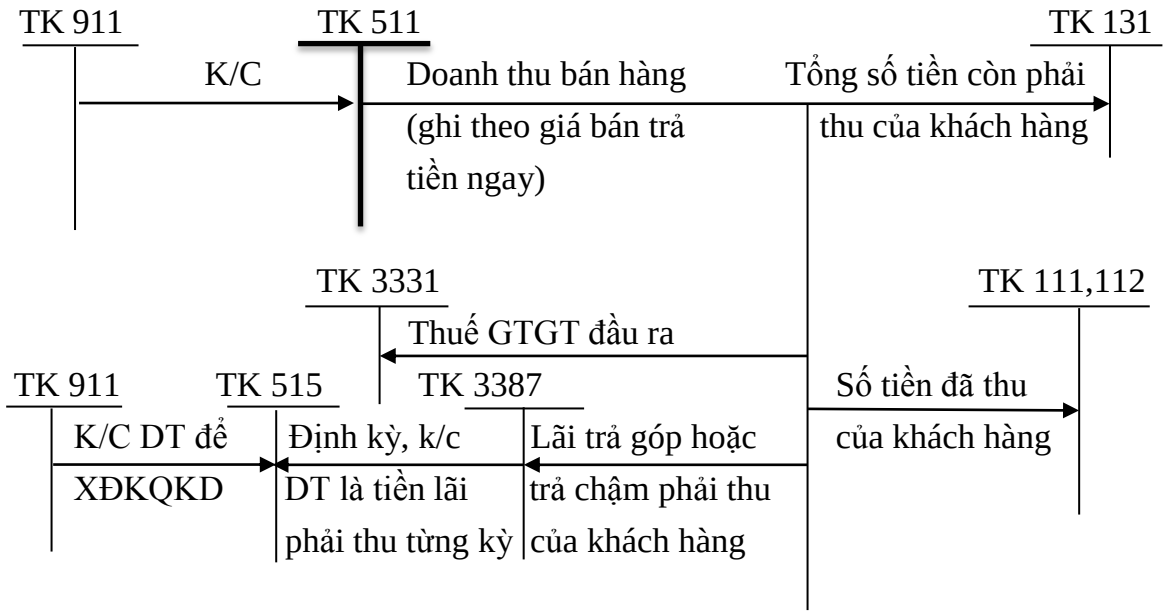

Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu hàng trả góp, trả chậm

1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1. Nội dung

Thông tư 133/2016/TT-BTC: "Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như : Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức

cho thuê hoạt động chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư".

1.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

Tùy theo từng đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh của mình, tùy đặc điểm hàng hóa mà các DN có thể áp dụng một trong 3 phương pháp sau:

– Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này người ta căn cứ vào đơn giá mua hàng của từng lần nhập theo thứ tự, hàng nhập trước sẽ lấy đơn giá đó làm giá xuất trước nhưng phải đảm bảo mối tương quan về lượng của hàng có đơn giá đó. Vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất trước tiên, số hàng xuất thêm sau đó được xuất đúng thứ tự như được mua vào nhập kho. Như vậy giá mua của hàng xuất kho được tính theo giá của hàng mua vào nhập kho tại các thời điểm đầu, giá mua của hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá mua của hàng mua vào nhập vào sau cùng.

– Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Cụ thể:

- Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau lần nhập thứ n	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

– Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này hàng xuất kho thuộc lô nào thì lấy đúng đơn giá mua của lô hàng đó để tính giá mua của hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này đượcáp dụng trong trường hợp hàng tồn kho có giá trị lớn, số lần nhập, xuất ít.

– Phương pháp giá bán lẻ:

Một số đơn vị có đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp giá bán lẻ. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng các lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn.

1.3.4. Tài khoản sử dụng

TK 632 - "Giá vốn hàng bán": Dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 632

TK 632

• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; • Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; • Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	• Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; • Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); • Trị giá hàng bán bị trả lại; • Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; • Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.5. Phương pháp hạch toán

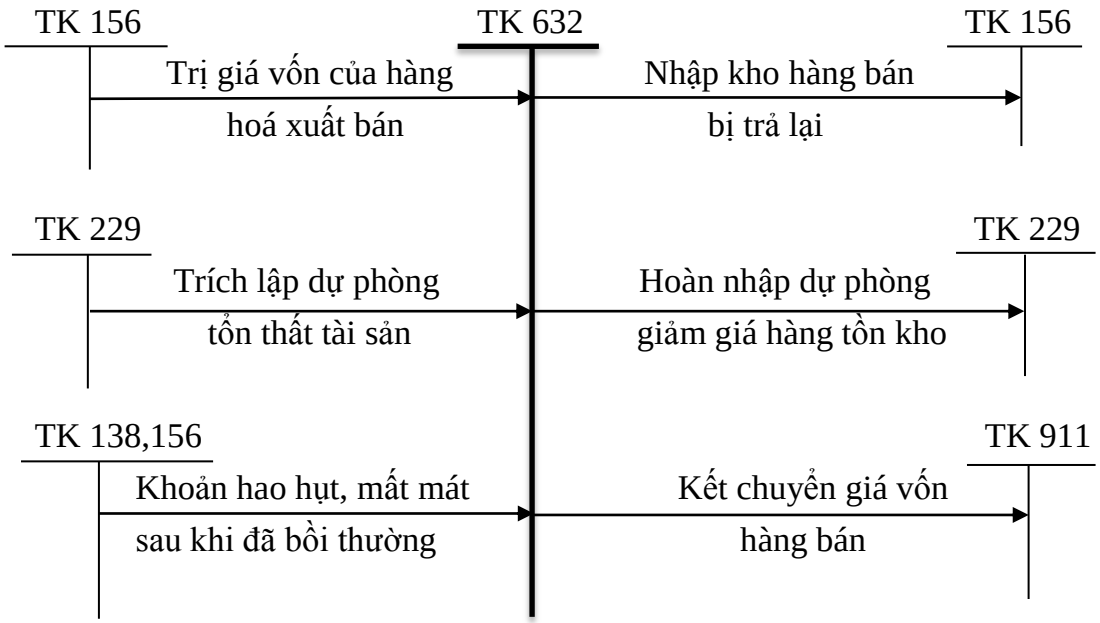

1.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.4.1. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm :

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa. Ví dụ như chi phí vận chuyển bán hàng, chí phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: chi phí hành chính, chi phí văn phòng..

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ…
- Hóa đơn ăn uống, tiếp khách, …
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh" dùng để phản ánh các khoản chi phí kinh doanh như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiêp .

- TK 6421- Chi phí bán hàng
- TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642

TK 642

• Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; • Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	• Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; • Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); • Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán

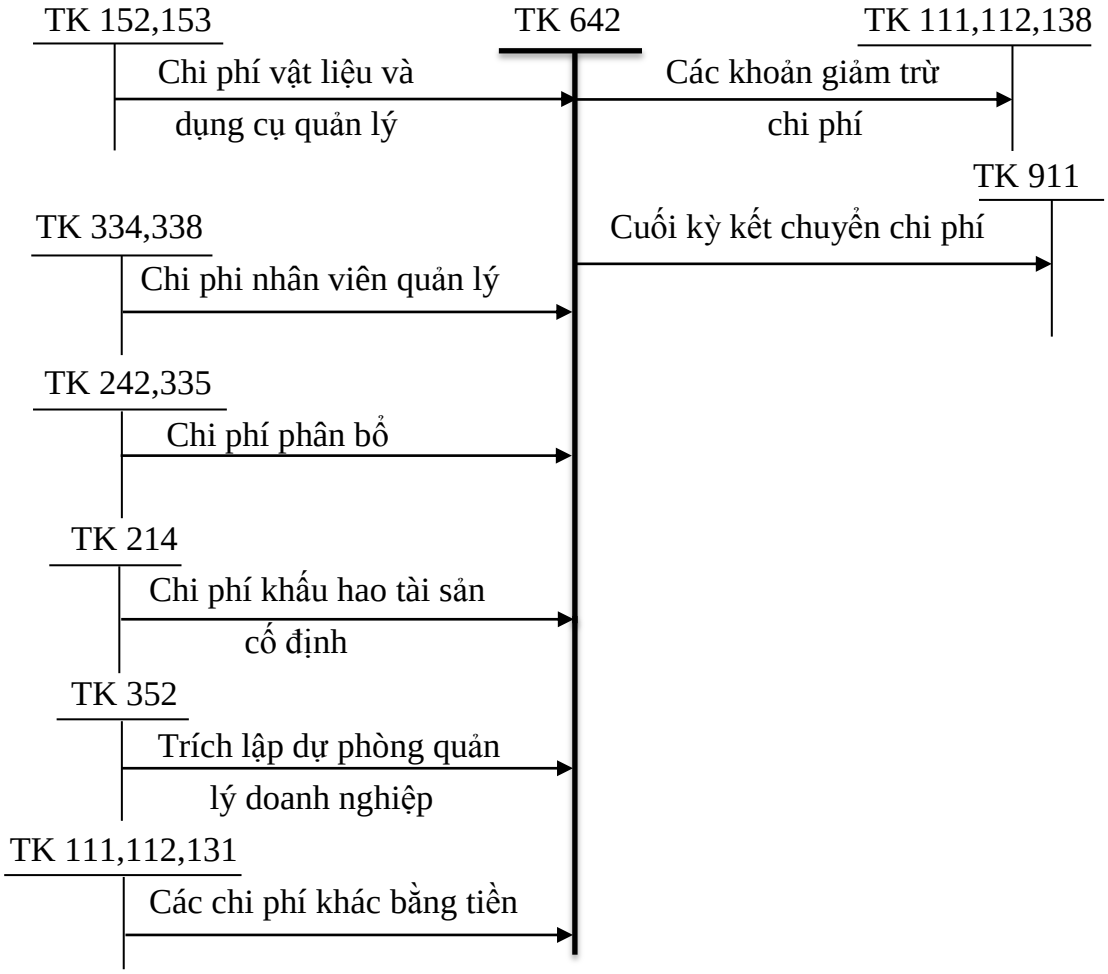

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.5.1. Nội dung

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do người mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, …
- Thu nhập từ thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính, …)
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

1.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán liên quan khác.

1.5.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

– Kết cấu và nộ dung phản ánh TK 515:

TK 515	
• Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".	• Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.5.4. Phương pháp hạch toán

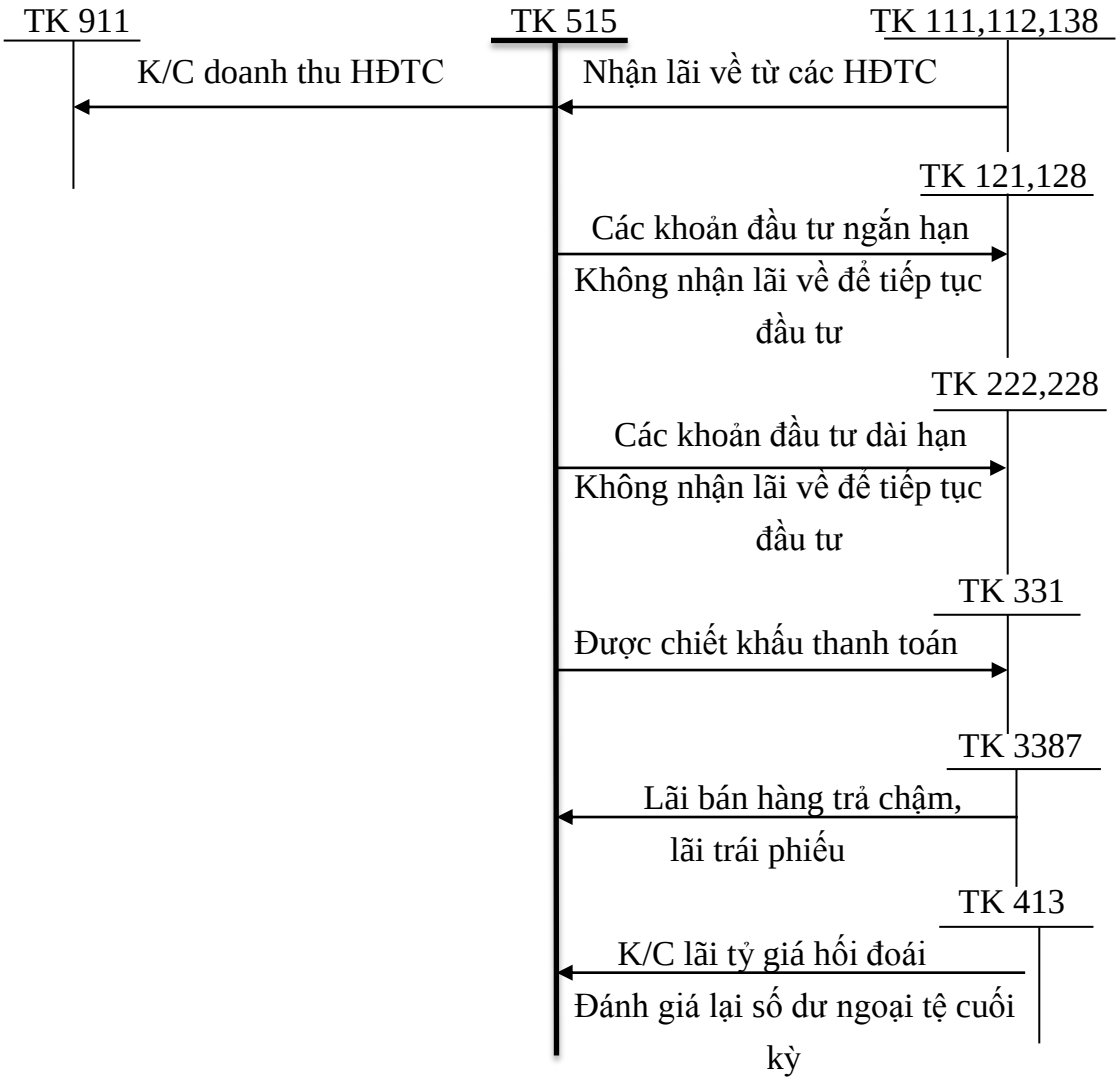

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.6.1. Nội dung

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi, thuê tài sản tài chính; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán; lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác; Các khoản chi phí tài chính.

1.6.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Sổ tiền vay Ngân hàng
- Và các chứng từ liên quan,…

1.6.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635- " Chi phí tài chính" dùng để phản ánh những chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 635:

TK 635

• Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ; • Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	• Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết); • Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.6.4. Phương pháp hạch toán

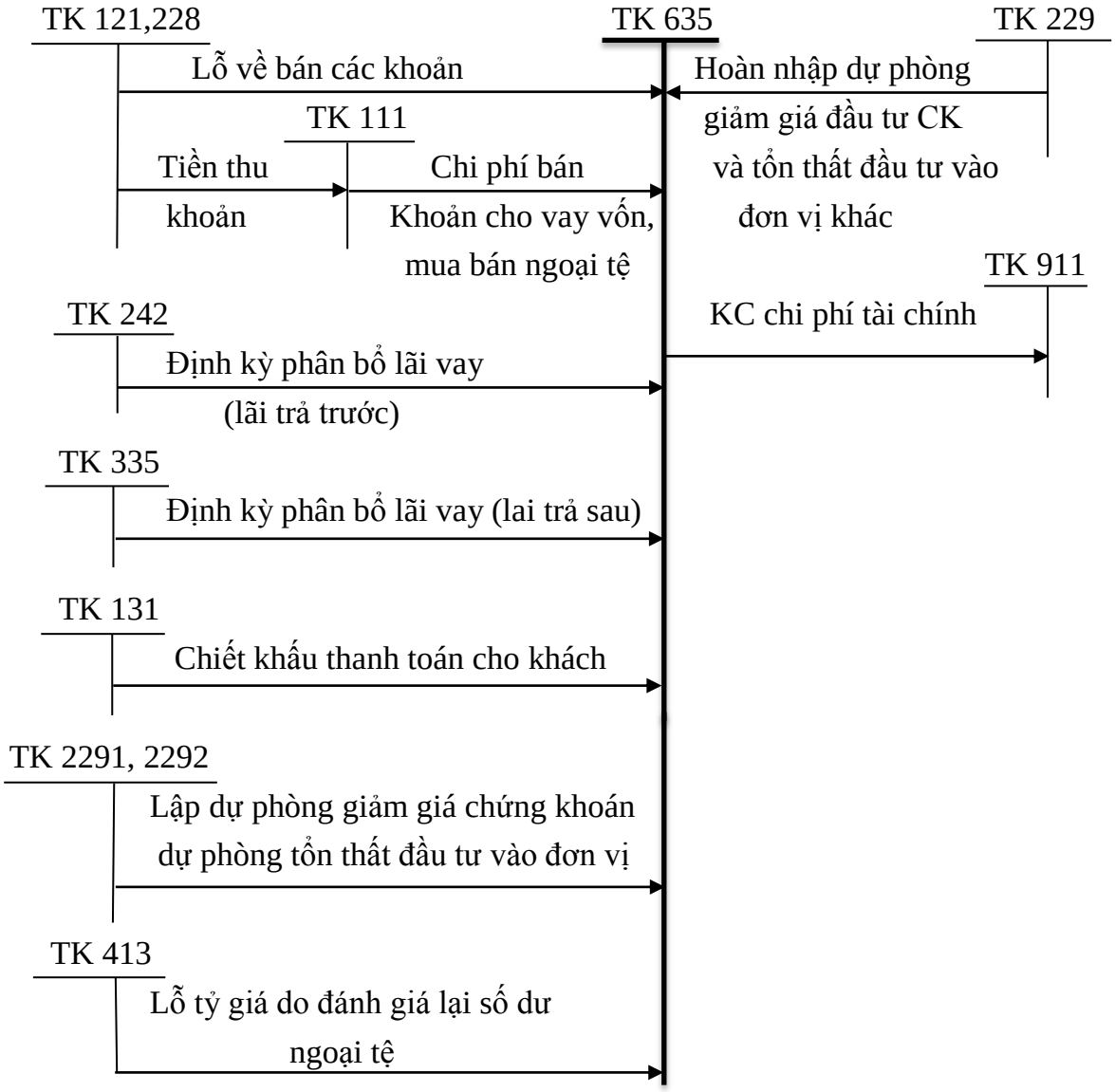

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.7.1. Kế toán thu nhập khác

1.7.1.1. Nội dung

Thu nhập khác là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

– Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
– Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;

– Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
– Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).

1.7.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

– Chứng từ sử dụng:
  + Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có
  + Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
  + Hợp đồng, quyết định, hóa đơn thanh lý, nhượng bán TSCĐ
– Tài khoản sử dụng:

TK 711 – Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung:

TK 711

• Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	• Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.7.1.3. Phương pháp hạch toán

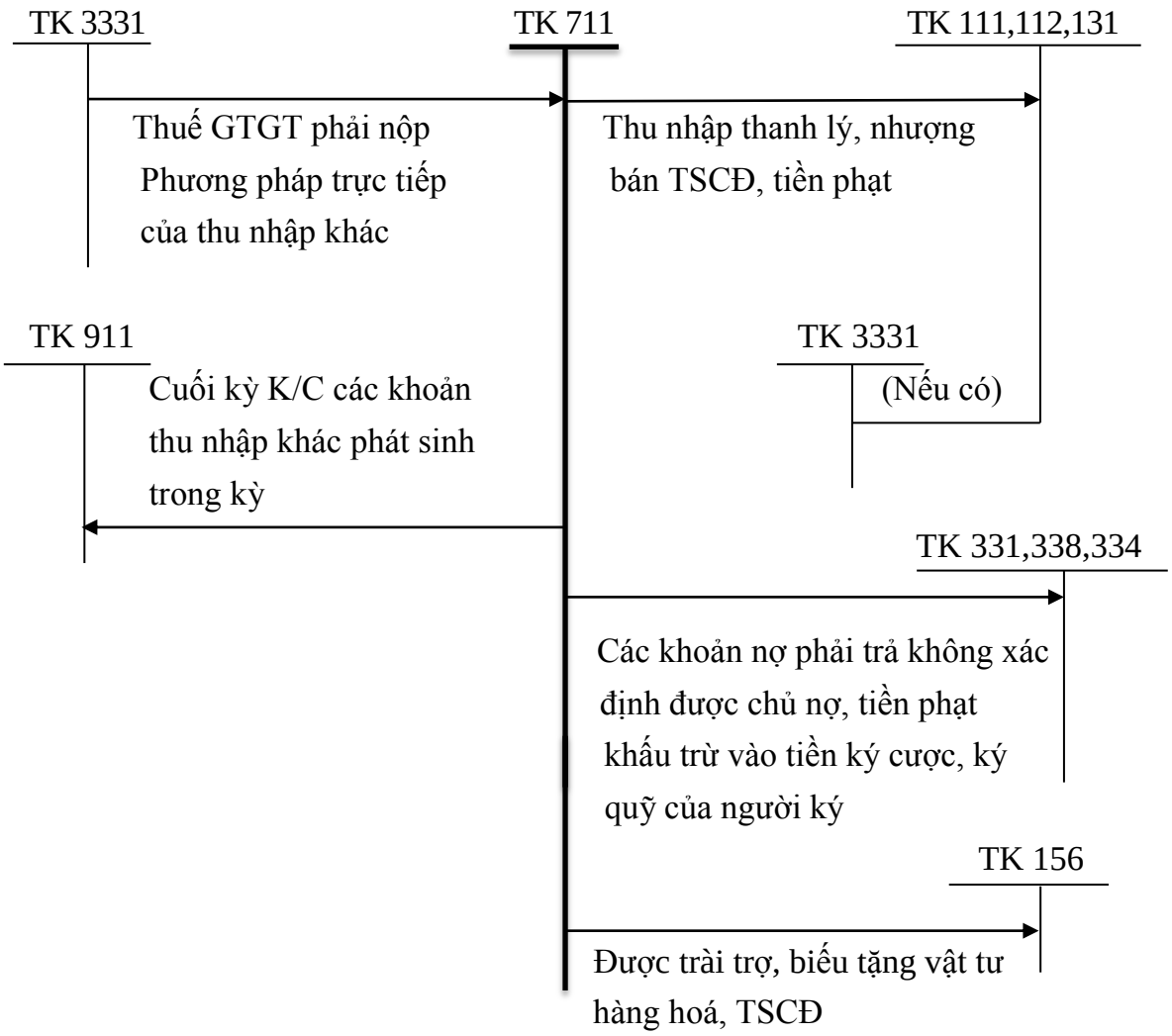

Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.7.2. Kế toán chi phí khác

1.7.2.1. Nội dung:

Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh ngoài các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ đượcghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát; Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính; Các khoản chi phí khác

1.7.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

– Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

– Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811 – "Chi phí khác": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

– Kết cấu và nội dung phản ánh TK 811:

TK 811

• Các khoản chi phí khác phát sinh.	• Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh."

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.7.2.3. Phương pháp hạch toán

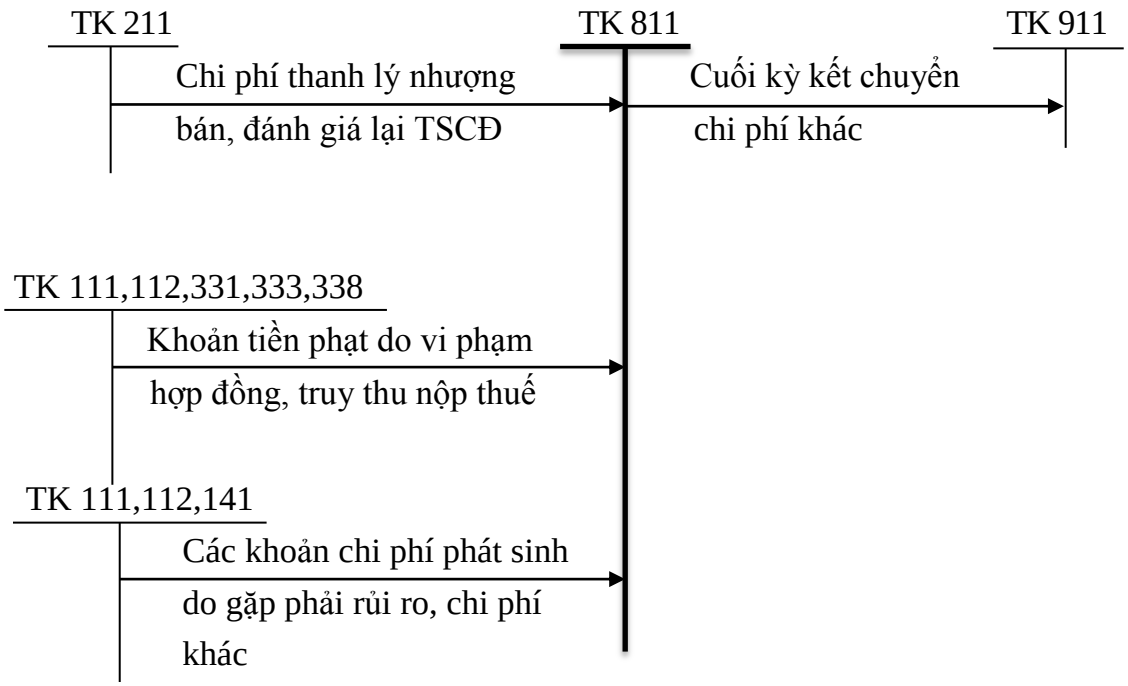

Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.8.1. Nội dung

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.8.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

1.8.2.1. Chứng từ sử dụng:

– Giấy báo nợ

– Tờ khai quyết toán thuế TNDN

1.8.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp": Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

1.8.2.3. Kết cấu và nội dung phản ánh TK 821:

TK 821

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; • Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	• Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; • Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; • Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911

TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.8.3. Phương pháp hạch toán

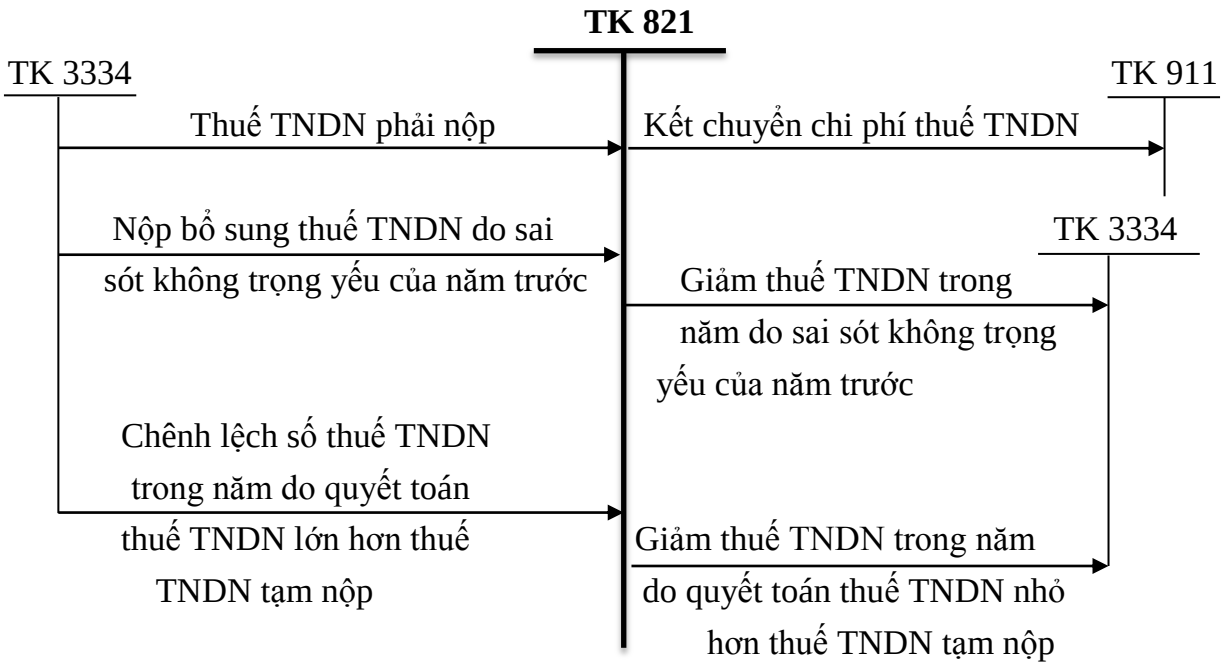

Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán thuế TNDN

1.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.9.1. Nội dung

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Các công thức tính lợi nhuận:

Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	=	Doanh thu thuần về BH & CCDV	–	Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác – Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.9.2. Tài khoản sử dụng

– ***Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh":*** Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Tài khoản 911 có thể được mở chi tiết cho từng hoạt động và từng loại sản phẩm.

– Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

TK 911

• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; • Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; • Chi phí quản lý kinh doanh • Kết chuyển lãi.	• Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụđã bán trong kỳ; • Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanhnghiệp; • Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ

1.9.3. Phương pháp hạch toán

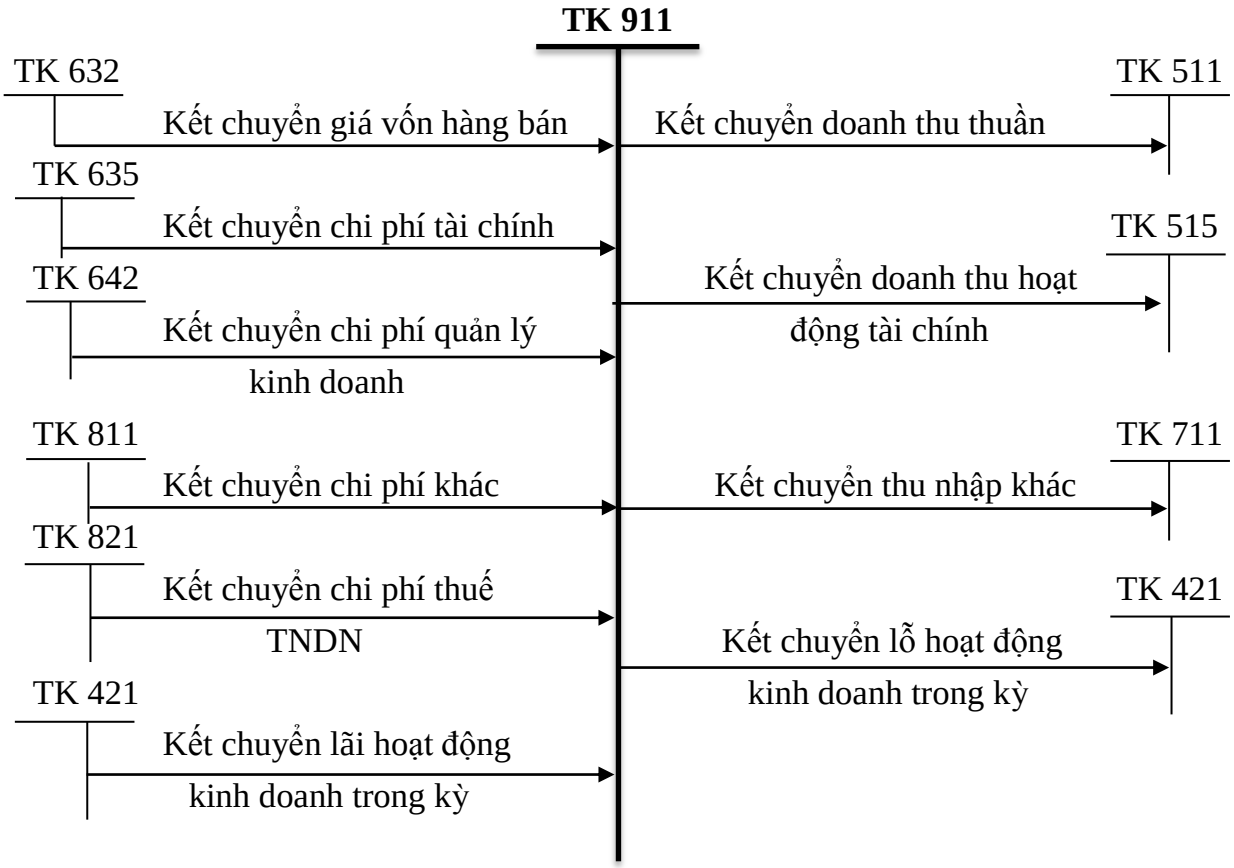

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thiết bị Medda

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thiết bị Medda

Công ty TNHH Thiết bị Medda được thành lập trên cơ sở giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0402117752 do phòng đăng kí kinh doanh Sở Kế Hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2021.

Tên công ty: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

Mã số thuế: 0402117752

Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000

Giám đốc: Phan Hoàng Anh

Lĩnh vực kinh doanh: Buôn bán dược phẩm,máy móc,thiết bị y tế.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên

Mặc dù Công ty TNHH Thiết Bị Medda được thành lập trong một khoản thời gian không lâu, nhất là trong giai đoạn nền kinh tế Thế giới có nhiều biến động trong đó có Việt Nam, kèm theo dịch bệnh Covid kéo dài làm cho nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với chủ trương đường lối đúng đắn,đề ra mục đích phát triển,cùng với sự nỗ lực, cố gắng của giám đốc và cán bộ nhân viên. Công ty đã vượt qua khó khăn ban đầu vài gặt hái được nhiều thành quả to lớn và ngày càng đứng vững trên thị trường, được nhiều khách hàng, nhà thuốc, phòng khám, bệnh viện biết đến và tin tưởng. Những mặt hàng kinh doanh của công ty từng bước chiếm được lòng tin của khách và đã có chỗ đứng trên thị trường địa phương cũng như các vùng lân cận. Công ty TNHH Thiết bị Medda đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước.

Công ty TNHH Thiết bị Medda đã nhận được các hợp đồng dự án đầu tư cung cấp dược phẩm, thiết bị y tế cho nhiều phòng khám, bệnh viện…Từ đó công ty mở rộng phát triển quy mô thị trường mở rộng, vốn và tài sản luôn được duy trì và bổ sung, thu nhập của người lao động tăng lên, đời sống nhân viên không ngừng được cải thiện, trang thiết bị máy móc đầy đủ và hiện đại để phục vụ cho công việc bán hàng được thuận lợi và đạt kết quả tốt nhất cho doanh nghiệp.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

a) Chức năng

- Buôn bán lẻ dược phẩm
- Dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên kinh doanh
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

b) Nhiệm vụ

Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn để không ngừng củng cố và phát triển quy mô phù hợp với chức năng và nội dung công ty, thu được nhiều lợi nhuận đẩy mạnh sự phát triển của công ty và đảm bảo đời sống nhân viên.

Thực hiện tốt các chế độ quản lý, kiểm tra tài sản, tài chính, lao động tiền lương, các chính sách Nhà nước mà công ty quy định.

Thực hiện các chế độ báo định kỳ và báo cáo về thống kê, kế toán, báo cáo địng kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định của Nhà nước và công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.

Bảo toàn phát triển tốt nguồn vốn, có lợi nhuận để tạo thêm nguồn tái bổ sung cho sản xuất kinh doanh, đổi mới trang thiết bị, mở rộng thị trường buôn bán để đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

a) Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

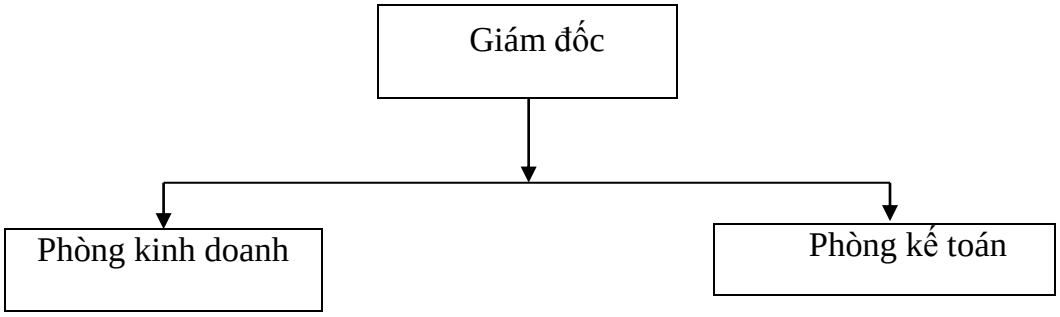

b) Chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban

- Phòng giám đốc:

  + Là người lãnh đạo cao nhất của công ty và cũng là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty, định hướng kế hoạch và chiến lược phát triển cho công ty.

  + Là người đại diện cho mọi quyền lợi và nghĩa vụ của công ty trước pháp luật.

– Phòng kinh doanh:

+ Giữ vai trò quan trọng trong việc tạo thuận lợi cho công ty.Vì vậy, cấp quản lý phòng họp thường xuyên, đề ra doanh số công ty ngày càng phát triển trên thị trường.

+ Cung cấp cho khách hàng những thông tin về sản phẩm như giá cả, các chương trình khuyến mãi, mẫu mã chất lượng và tiện dụng khi sử dụng.

+ Tổ chức quản lý chặt chẽ các bộ phận chăm sóc khách hàng. Xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp nhân viên bán hàng có thái độ không hay với khách hàng.

+ Đảm bảo mọi quyền lợi của khách hàng khi mua hàng tại công ty.

+ Mặt khác cấp quản lý phòng kinh doanh cũng có chế độ khen thưởng đối với những nhân viên tích cực trong công việc. Động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của nhân viên trong công ty.

– Phòng kế toán

+ Luôn có nhiệm vụ kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Thực hiện công việc tính toán, ghi chép chính xác đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Thống nhất quan điểm cụ thể và đồng bộ trong việc phối hợp thực hiện công việc giữa nhân viên kế toán trong cùng phòng và giữa kế toán giữa các phòng ban.

+ Đối chiếu số liệu nhập xuất tồn của hàng hóa, quản lý thu chi, theo dõi hợp đồng kinh tế, theo dõi công nợ phải thu phải trả, xử lý những sai sót trong quá trình kinh doanh.

+ Kiểm tra chặt chẽ các phương án kinh doanh để bù trừ chi phí

+ Cân đối chi phí doanh thu và báo cáo cho ban giám đốc kết quả kinh doanh cuối mỗi tháng.

+ Xử lý những khiếu nại và chứng từ, lập tất cả các phiếu, bảng kê nội bộ. Lập các loại tờ khai thuế, báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế.

+ Có nhiệm vụ giải trình những thắc mắc của cơ quan chức năng khi có yêu cầu

+ Mỗi bộ phận kế toán tiếp nhận, xử lý và hoàn thành công việc trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình. Sau đó cuối tháng tập hợp toàn bộ cho kế toán trưởng để xác nhận kết quả, lập báo tài chính.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

a) Sơ đồ bộ máy kế toán

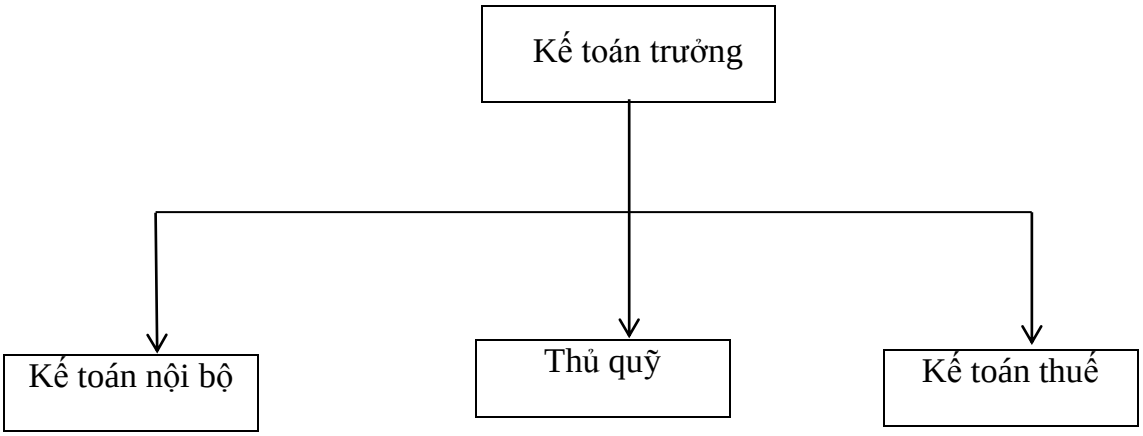

b) Chức năng, nhiệm vụ của từng phần hành

– Kế toán trưởng (Tổng hợp):

+ Do quy mô của công ty không lớn nên kế toán trưởng đảm nhận luôn công việc của ké toán tổng hợp để giảm bớt gánh nặng về nhân sự cho công ty. Tổ chức quản lý phòng kế toán, duy trì hệ thống thông tin kế toán, đảm bảo tài chính hàng tháng, quyết toán thuế năm,báo cáo tài chính năm. Lập báo cáo, cung cấp thông tin quản lý cho giám đốc. Đào tạo nhân sự kế toán kỹ năng chuyên môn.

+ Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành kế toán, số liệu chi tiết, số liệu tổng hợp. Đảm bảo tính chính xác trong công việc hoạch toán thu nhập, doanh thu, chi phí, khấu hao, phân bổ và các nghiệp vụ khác.

+ Chịu trách nhiệm về mọi gian lận, sai sót của kế toán.

Kế toán nội bộ:

+ Phân tích chi phí của doanh nghiệp, bao gồm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí bán hàng,... để đưa ra các giải pháp kinh doanh hiệu quả.

+ Lập các báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo kết quả kinh doanh. Các báo cáo này giúp bộ phận quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

+ Kiểm soát các chứng từ, hoá đơn, đảm bảo tính hợp lệ và chính xác

+ Lập báo cáo đột xuất theo tuần/ tháng/ quý nếu có yêu cầu đột xuất.

– Thủ quỹ:

+ Kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi phát sinh trong doanh nghiệp như kiểm tra phiếu thu, phiếu chi, ký xác nhận, giao các liên, tạm ứng,..Thủ quỹ quản lí, lưu trữ toàn bộ giấy tờ liên quan khác trong quá trình này.

Kế toán thuế:

+ Bảo quản và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo kỳ kế toán đã đăng ký với cơ quan thuế.

+ Phụ trách làm và nộp cho cơ quan thuế các báo cáo thuế hàng tháng, quý, quyết toán năm cho công ty.

+ Tính toán, đôn đốc nộp các loại thuế cho công ty.

+ Hạch toán các nghiệp vụ có liên quan trong phần hành được giao. Chịu trách nhiệm về những tổn thất, sai sót trước kế toán trưởng và giám đốc.

2.1.5 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Chế độ kế toán được công ty áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
- Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Kỳ báo cáo tài chính theo năm dương lịch.
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Quản lí bởi: Chi cục thuế Quận Sơn Trà
- Kê khai thuế GTGT theo quý
- Hình thức ghi sổ: Nhật kí chung
    - Chính sách kế toán áp dụng:
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán viên tiến hành kiểm tra, đối chiếu và nhập chứng từ phát sinh vào phần mềm kế toán. Sau đó, phần mềm sẽ tự động xử lý thông tin cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết. Cuối tháng, thực hiện kiểm tra số liệu trên sổ cái, sổ chi tiết với chứng từ gốc nhằm đảm bảo tính chính xác về số liệu đã nhập. Sau đó tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và kết xuất ra các báo cáo theo quy định hoặc theo nhu cầu người sử dụng.

2.1.6 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

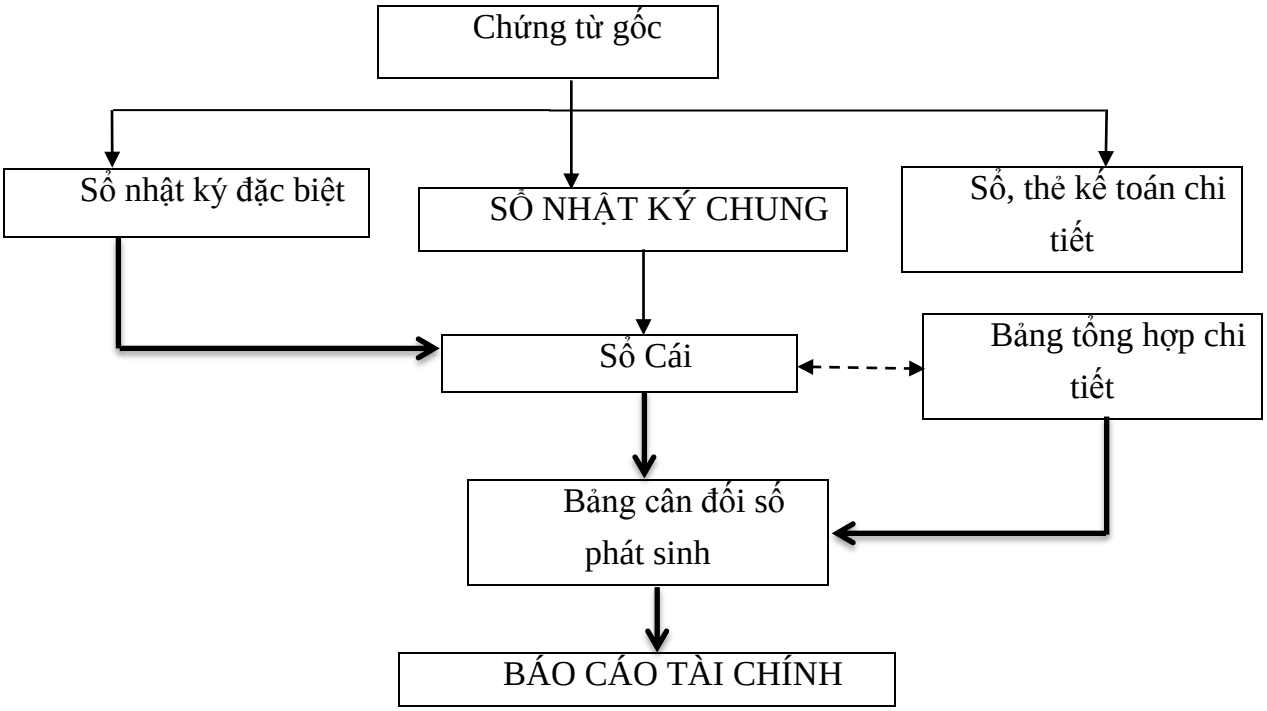

Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán nhật kí chung của Công ty TNHH MEDDA

Ghi chú:

→ Ghi hằng ngày

⟶ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Quy trình ghi sổ:

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra (như hóa đơn, hợp đồng, bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào không có hóa đơn...) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp, đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số

phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.7 Phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty

Phần mềm kế toán qcông ty sử dụng: Phần mềm Trí Việt hiện nay, hình thức kế toán tại Công ty TNHH THIẾT BỊ MEDDA đang áp dụng là hình thức nhật kí chung trên phần mềm Trí Việt để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo tài chính. Dưới đây là giao diện phần mềm Trí Việt:

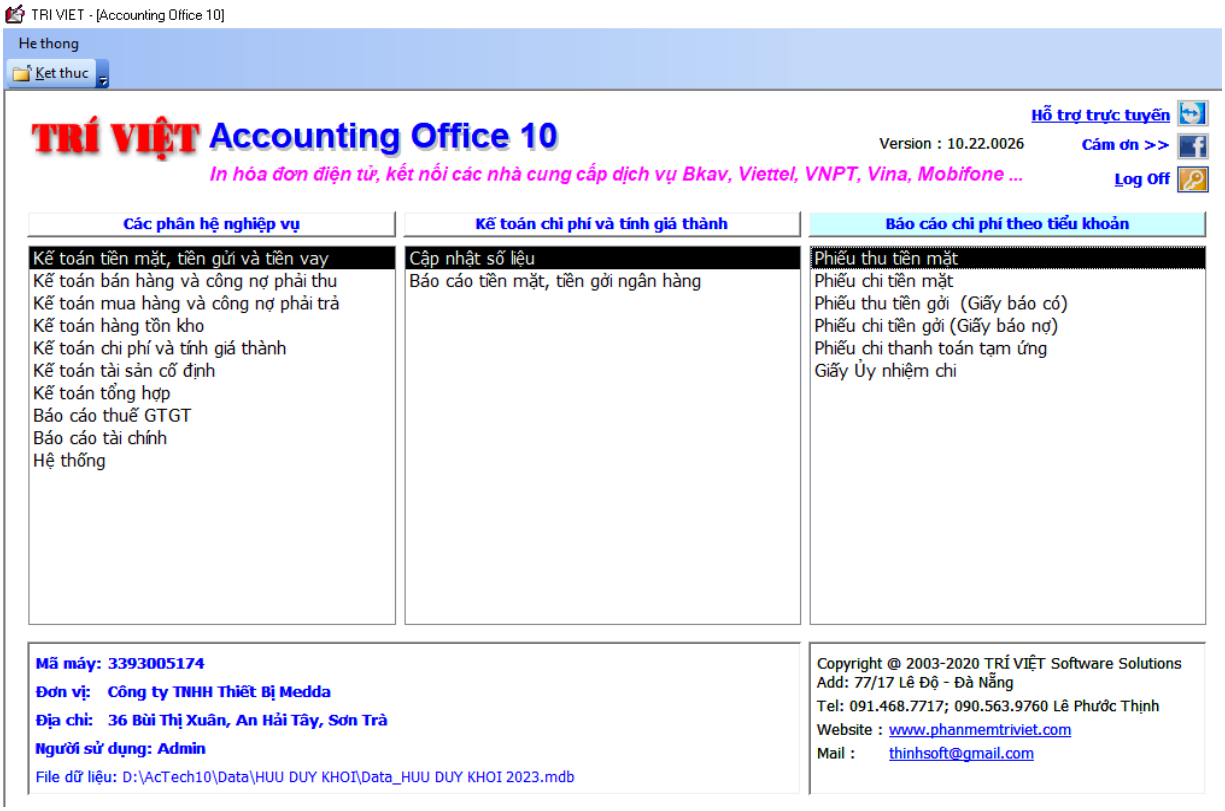

Hình 2.1 Giao diện phần mềm Trí Việt

2.2. Tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị Medda năm 2022-2023

(đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	CHÊNH LỆCH	
			MỨC	TỶ LỆ(%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**3,852,132,082**	**6,145,977,070**	**+ 2,293,844,988**	**+ 59.55**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**0**	**0**	**0**	**0**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**3,852,132,082**	**6,145,977,070**	**+ 2,293,844,988**	**+ 59.55**
Giá vốn hàng bán	**3,006,254,757**	**4,379,636,191**	**+ 1,373,381,434**	**+ 45.68**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**845,877,325**	**1,766,340,879**	**+ 920,463,554**	**+ 108.82**
Doanh thu hoạt động tài chính	**84,725**	**616,002**	**+ 531,277**	**+ 627.06**
Chi phí tài chính	**0**	**0**	**0**	**0**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**
Chi phí quản lý kinh doanh	**776,409,710**	**1,338,614,798**	**+562,205,088**	**+ 72.41**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**69,552,340**	**428,342,083**	**+ 358,789,743**	**+ 515.86**
Thu nhập khác	**0**	**571,429**	**+ 571,429**	**0**
Chi phí khác	**0**	**97,853**	**+ 97,853**	**0**
Lợi nhuận khác	**0**	**473,576**	**+ 473,576**	**0**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**69,552,340**	**428,815,659**	**+ 359,263,319**	**+ 516.54**
Chi phí thuế TNDN	**13,910,468**	**86,223,842**	**+ 72,313,374**	**+ 519.85**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**55,641,872**	**342,591,817**	**+286,949,945**	**+ 515.71**

Bảng 2.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022-2023

Nhận xét:

Qua bảng tình hình kết quả kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2022-2023 ta thấy:

– Nhìn chung so với năm 2022 thì năm 2023 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối tốt. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV năm 2023 đạt một mức là 6,145,977,070 đồng tăng so với năm 2022 một mức là 2,293,844,988 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 59,55%. Sở dĩ có sự tăng vượt trội như vậy bởi vì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 đạt mức 6,145,977,070 đồng tăng so với năm 2022 một mức là 2,293,844,988 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 59,55%.

– Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 đạt một mức 1,766,340,879 đồng tăng so với năm 2022 một mức 920,463,554 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 108,82%.Sở dĩ có sự tăng trưởng như vậy là bởi vì:

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng bán

+ Do doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng một mức 2,293,844,988 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 59,55% so với năm 2022 làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng. Trong khi đó,

giá vốn hàng bán năm 2023 tăng một mức 1,373,381,434 tương ứng với tỷ lệ tăng 45,68% so với năm 2022 nhưng tỷ lệ doanh thu tăng cao hơn giá vốn hàng bán nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng.

.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2023 đạt một mức 428,342,083 đồng tăng một mức 358,789,743 đồng so với năm 2022 tương ứng với tỷ lệ tăng 515,86%. Sở dĩ có sự tăng mạnh như vậy là vì:

Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Tổng chi phí

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng một mức 920,463,554 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 108,82% so với năm 2022 và doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 616,002 đồng tăng một mức 531,277 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 627,06% so với năm 2022 => lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng.

+ Chi phí tài chính không tăng qua các năm 2022, 2023 => lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh không thay đổi.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 đạt mức 1,338,614,798 đồng tăng một mức 562,208,088 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 72,41% so với năm 2022 => lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm.

- Lợi nhuận khác năm 2023 đạt tăng một mức 473,576 đồng so với năm 2022. Sở dĩ có sự tăng trưởng như vậy là vì:

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

+ Thu nhập khác năm 2023 tăng một mức 571,429 đồng so với năm 2022 => làm cho lợi nhuận khác tăng.

+ Chi phí khác năm 2023 tăng một mức 97,853 đồng so với năm 2022 => làm cho lợi nhuận khác giảm.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 đạt một mức là 428,815,659 đồng tăng so với năm 2022 một mức là 359,263,319 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 516,54 %. Sở dĩ có sự tăng trưởng như vậy là bởi vì:

Tổng lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2023 đạt một mức 428,342,083 đồng tăng một mức 358,789,743 đồng so với năm 2022 tương ứng với tỷ lệ tăng 515,86% => làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng.

+ Lợi nhuận khác năm 2023 đạt tăng một mức 473,576 đồng so với năm 2022 => làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đạt một mức 342,591,817 đồng tăng một mức 286,949,945 so với năm 2022 tương ứng với tỷ lệ tăng là 515,71%.

Sở dĩ có sự tăng trưởng như vậy là vì:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 đạt một mức là 428,815,659 đồng tăng so với năm 2022 một mức là 359,263,319 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 516,54 %=> làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng.
- Chi phí thuế TNDN năm 2023 đạt mức 86,223,842 đồng tăng một mức 72,313,374 đồng so với năm 2022 tương ứng với tỷ lệ tăng 519,85% => làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.

2.3. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu thu
- Giấy báo có

b) Sổ sách sử dụng

Các sổ kế toán được sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm các sổ kế toán chi tiết và các sổ kế toán tổng hợp:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 511: TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

c) Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 3331 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 – Phải thu của khách hàng

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 thuộc hai phân loại sau:

- Bán hàng chưa thu tiền
- Bán hàng thu bằng tiền mặt

d) Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền khách hàng

Ngày 23/05/2023, Công ty xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN theo Hóa đơn số 00000114 với tổng số tiền thanh toán là 18.220.500 VND (giá đã bao gồm VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Sau khi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN đồng ý mua hàng , kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm VIN. Hóa đơn số 00000114 được lập theo các bước sau:

Đăng nhập vào phần mềm VIN bằng mã số thuế của Công ty:

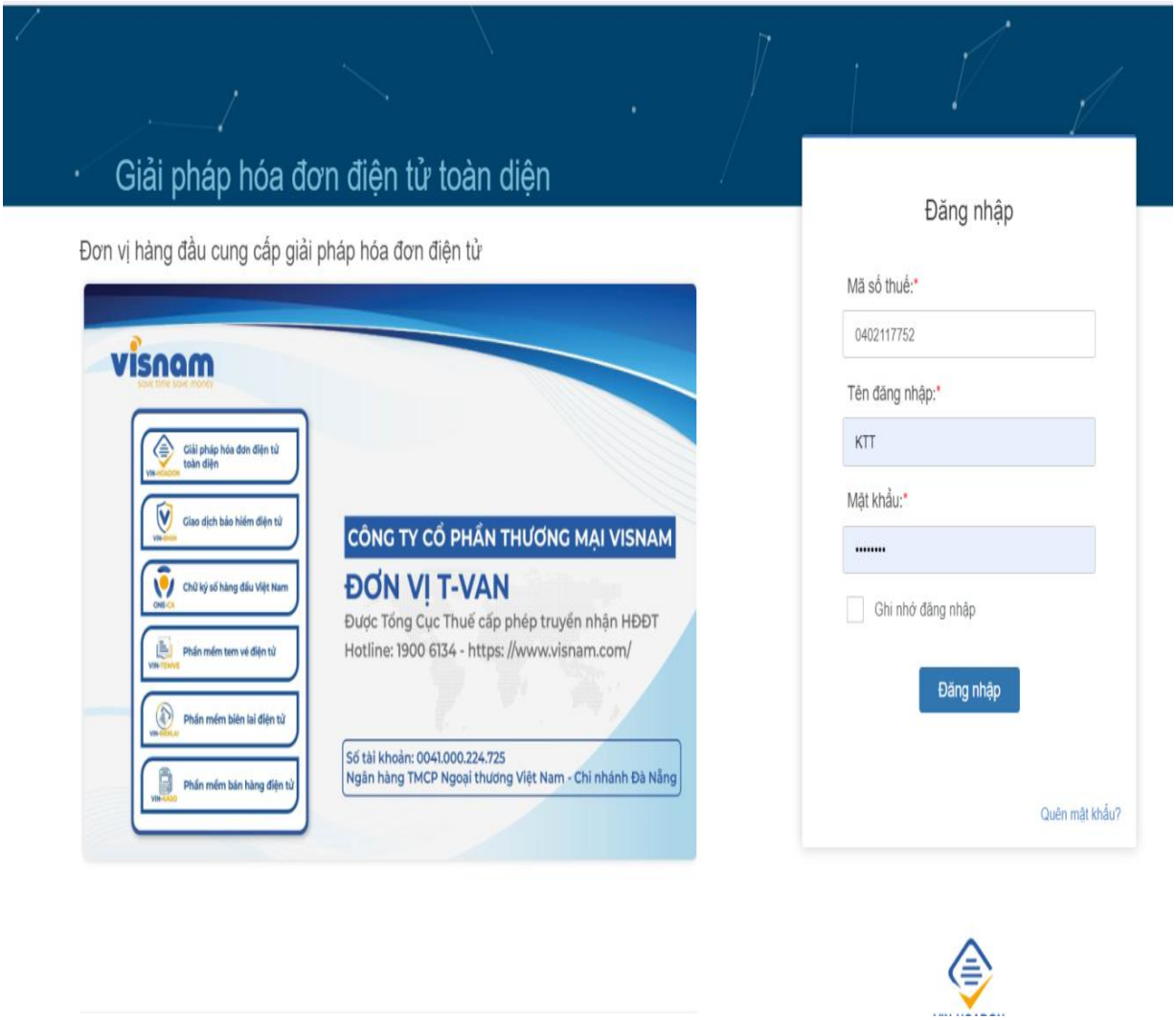

Hình 2.2 Giao diện phần mềm VIN

Sau khi bấm đăng nhập, giao diện của phần mềm được thể hiện như hình dưới:

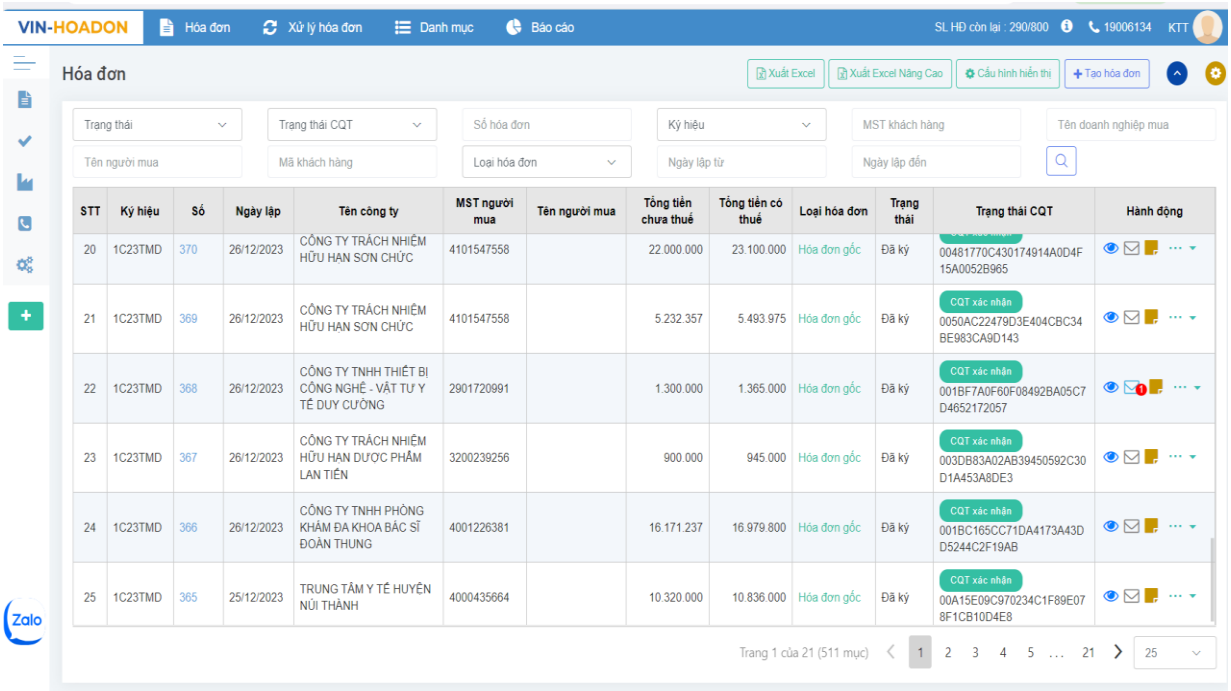

Hình 2.3 Giao diện chọn lập hóa đơn GTGT mới

Phần mềm sẽ hiển thị các hóa đơn đã được lập ở bên dưới, bấm chọn "Tạo hóa đơn" để thêm hóa đơn mới và tiến hành lập đầy đủ thông tin vào trong bảng:

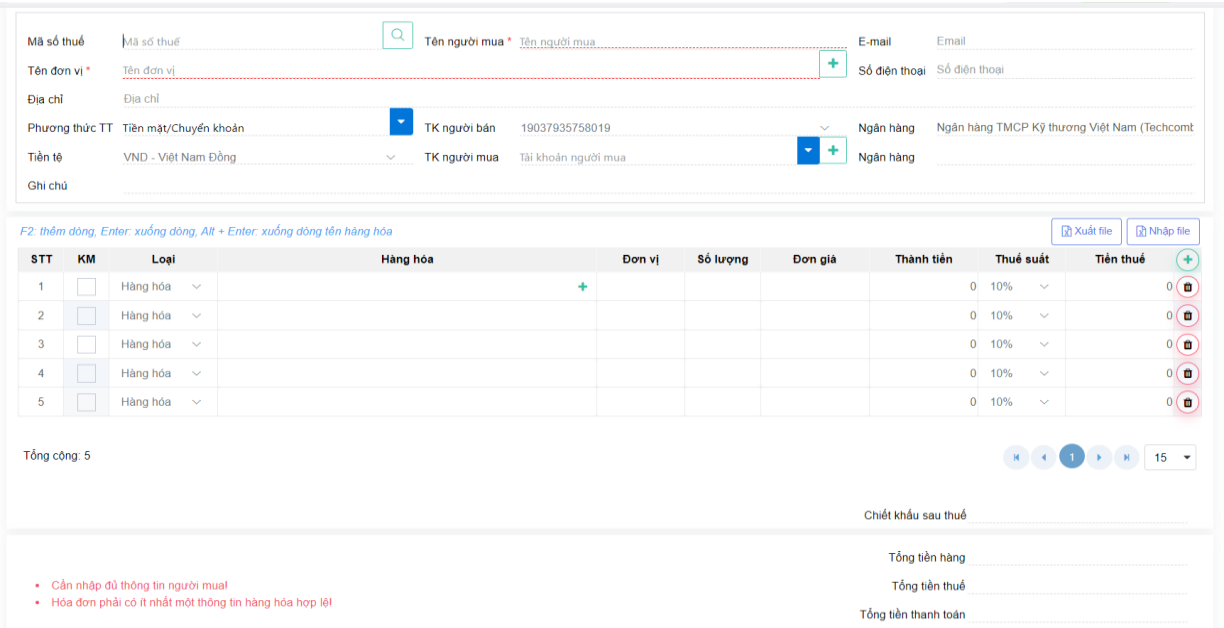

Hình 2.4 Giao diện lập hóa đơn GTGT

Sau khi nhập và kiểm tra đầy đủ thông tin, bấm chọn " Lưu tạm" . Để xem hóa đơn vừa lập bấm chọn " Xem hóa đơn" . Phần mềm sẽ xuất ra mẫu hóa đơn chưa có chữ ký số → Để ký hóa đơn vừa lập, chọn "ký" => cắm chữ ký số của công ty vào và nhập mã pin, phần mềm sẽ ký vào hóa đơn và được thể hiện theo mẫu sau:

19:50 22/01/2024

Mã cơ quan thuế: 00DD747774FFE24374B8B0CE186E30D03F

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày *(date)* 23 tháng *(month)* 05 năm *(year)* 2023

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C23TMD**

Số *(No.)*: **114**

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0402117752**

Địa chỉ *(Address)*: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản *(A/C No)*: 19037935758019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN

Địa chỉ *(Address)*: 07 Tân An 3 - Phường Hoà Cường Bắc - Quận Hải Châu - Đà Nẵng.

Mã số thuế *(Tax code)*: 0401787497

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản *(A/C No)*:

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt siêu vi B (HBsAg) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người (One Step HBsAg Test - 50 test/hộp -dạng que)	Test	100	5.500	550.000
2	CHOL 5 X 50 - 5 x 50 ml,sts:1x5ml	Hộp	4	380.000	1.520.000
3	AST/GOT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	3	380.000	1.140.000
4	AST/GOT 250 - R1: 4X50ML, R2: 1X50ML	Hộp	2	380.000	760.000
5	ALT/GPT 250 - R1: 4X50ML, R2: 1X50ML	Hộp	2	380.000	760.000
6	ALT/GPT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	3	380.000	1.140.000
7	GGT 110 (2x44ml,2x11ml)	Hộp	2	460.000	920.000
8	TG 100 (2x50ml, std 1x3ml)	Hộp	4	380.000	1.520.000
9	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số - U031-101 -CBN3B	Hộp	11	152.380,95	1.676.190
10	Đầu côn vàng không khía 200ul	Cái	11.000	66,67	733.333
11	Đầu côn xanh không khía 1ml	Cái	5.000	133,33	666.667
12	Giấy điện tim 80mm x 20m	Cuộn	70	23.809,52	1.666.667
13	Ống đựng mẫu xét nghiệm 12x75	Cái	10.000	247,62	2.476.190
14	Ống nghiệm Heparin lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.	Ống	1.100	809,52	890.476

trang 1 / 2

1/2

Hình 2.5a Hóa đơn GTGT số 00000114 – tờ số 1

19:50 22/01/2024

Mã cơ quan thuế: 00DD747774FFE24374B8B0CE186E30D03F

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày *(date)* 23 tháng *(month)* 05 năm *(year)* 2023

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C23TMD**

Số *(No.)*: **114**

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0402117752**

Địa chỉ *(Address)*: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản *(A/C No)*: 19037935758019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN

Địa chỉ *(Address)*: 07 Tân An 3 - Phường Hoà Cường Bắc - Quận Hải Châu - Đà Nẵng.

Mã số thuế *(Tax code)*: 0401787497

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản *(A/C No)*:

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
15	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	Ống	1.400	666,67	933.333
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	17.352.856
Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*: 5%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	867.644
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**18.220.500**

Số tiền viết bằng chữ *(In words)*: *Mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Ngày ký: *23 / 05 / 2023*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 1HRA6PQPQ8UY
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901
Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

tiep theo trang truoc - trang 2 / 2

2/2

Hình 2.5b Hóa đơn GTGT số 00000114 – tờ số 2

Căn cứ vào hóa đơn số 0000114, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phiếu hóa đơn bán hàng kiêm xuất kho của phần mềm Trí Việt như sau:

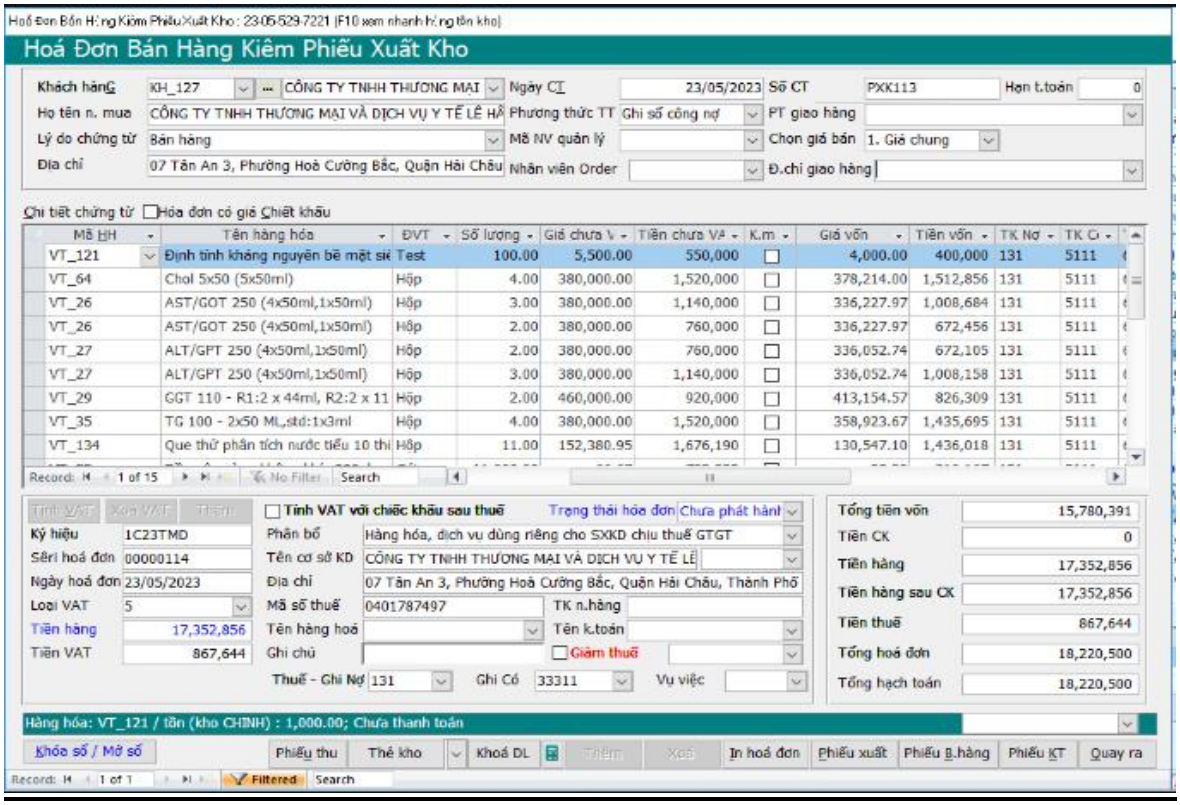

Hình 2.6 Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho trên phần mềm Trí Việt

Ngày 02/06/2023, khách hàng tiến hành chuyển khoản để hoàn thành việc thanh toán. Nghiệp vụ này tiếp tục được xử lý tại phụ lục số 1.

Nghiệp vụ 2: Nghiệp vụ bán hàng thu tiền mặt

- Ngày 29/05/2023, Công ty xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ theo Hóa đơn số 00000122 với tổng số tiền thanh toán là 5.200.000 VND (giá đã bao gồm VAT). Khách hàng chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.
- Sau khi công ty TNHH MTV Dịch Vụ Y Tế Hữu Thọ đồng ý mua hàng và chấp nhận thanh toán, bộ phận kho xuất kho hàng hóa cung cấp cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn điện tử số 00000122:

19:53 22/01/2024

Mã cơ quan thuế: 0065CAA64879BB4A5B834281650040FAB5

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày *(date)* 29 tháng *(month)* 05 năm *(year)* 2023

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C23TMD**

Số *(No.)*: **122**

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0402117752**

Địa chỉ *(Address)*: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản *(A/C No)*: 19037935758019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ

Địa chỉ *(Address)*: 280 - 282 Nguyễn Hữu Thọ - Phường Khuê Trung - Quận Cẩm Lệ - Thành Phố Đà Nẵng.

Mã số thuế *(Tax code)*: 0401823667

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản *(A/C No)*:

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học. Model: EZ Cleaning Solution (Dung tích: 100ml/Lọ)	Lọ	1	571.429	571.429
2	BC II-Diluent	Thùng	2	857.142,86	1.714.286
3	Rinse Cleaning Solution	Thùng	1	1.142.856	1.142.856
4	Bloodtrol 3D Normal (3ml)(SFRI/Pháp)	Lọ	1	1.523.810	1.523.810
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	4.952.381
Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*: 5%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	247.619
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**5.200.000**

Số tiền viết bằng chữ *(In words)*: *Năm triệu hai trăm nghìn đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Ngày ký: *29 / 05 / 2023*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 2H6Q2G321CL8
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901
Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

1/1

Hình 2.7 Hóa đơn GTGT số 00000122

Căn cứ vào hóa đơn số 0000122, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phiếu hóa đơn bán hàng kiêm xuất kho của phần mềm Trí Việt như sau:

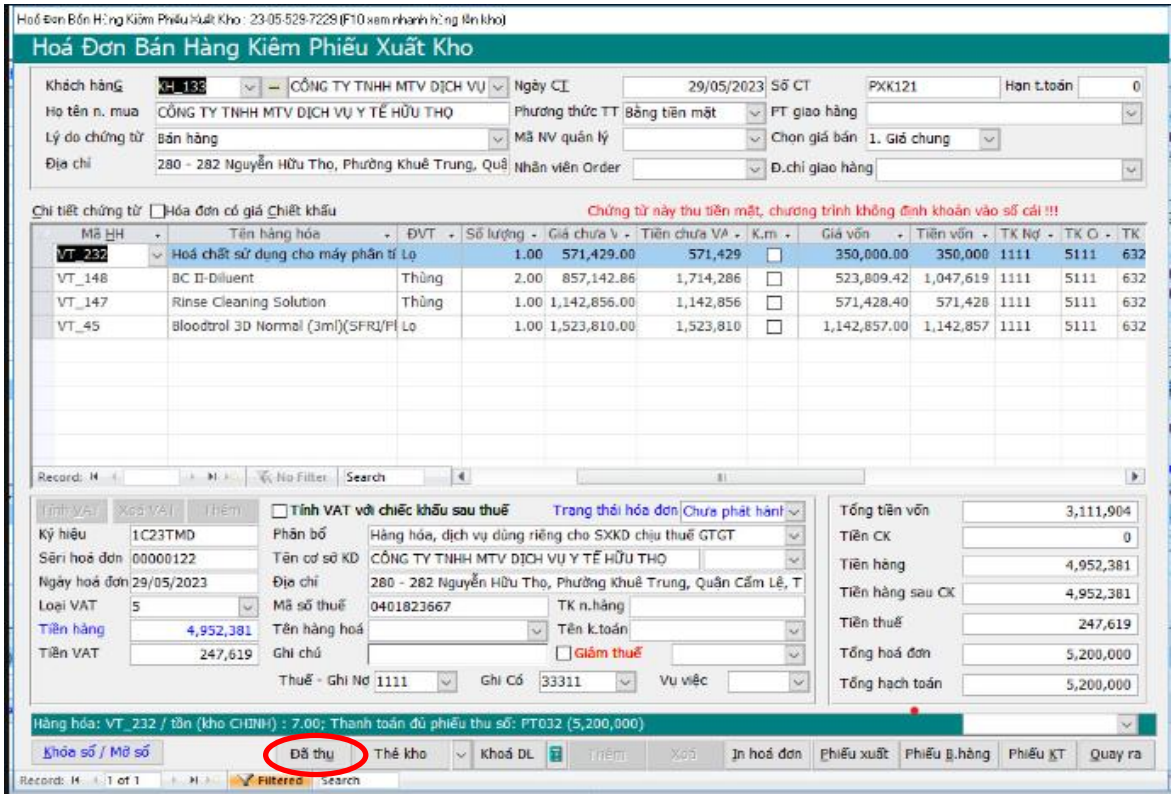

Hình 2.8 Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho trên phần mềm Trí Việt

Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt nên phần mềm sẽ tự động lên Phiếu thu theo số hóa đơn 00000122 cụ thể: Trên giao diện hiện Phiếu "Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho" sẽ hiện nút "Đã thu".

– Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán hạch toán vào phần mềm như sau:

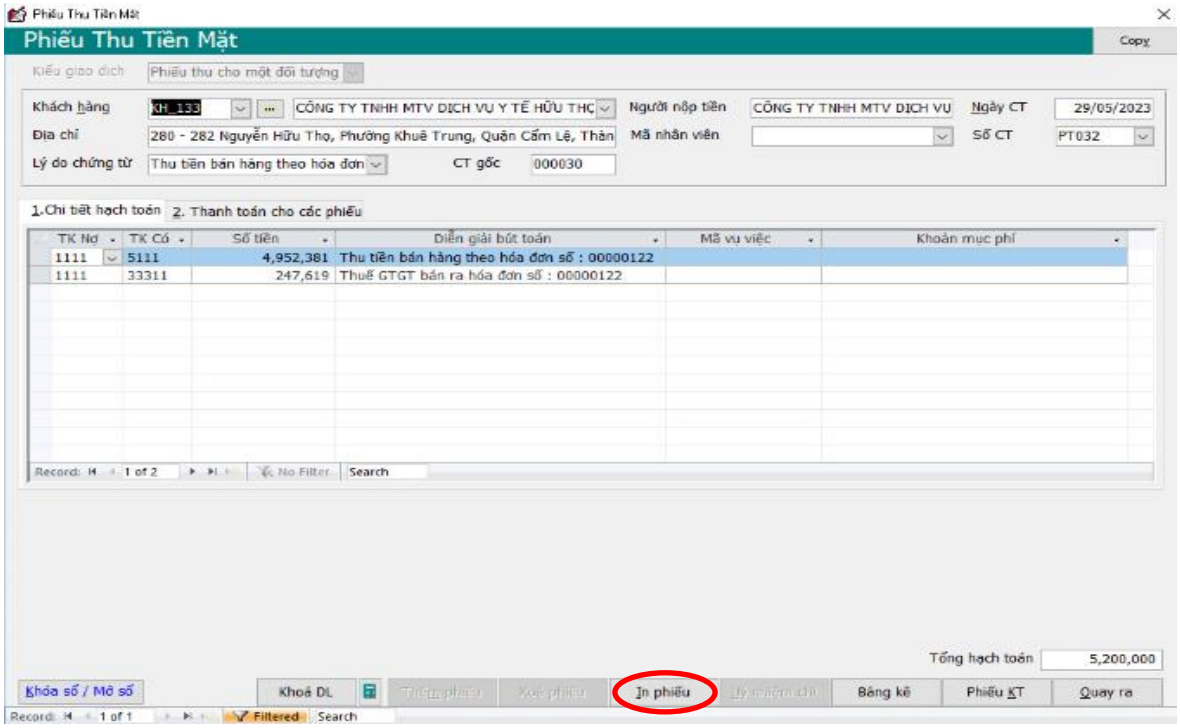

Hình 2.9 Giao diện phiếu thu tiền mặt

Trên giao diện "Phiếu thu tiền mặt" sẽ hiện nút "In phiếu".

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà
Điện thoại: 0905980135

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 29 tháng 05 năm 2023

Số: **PT032**
Nợ: 1111
Có: 33311, 5111

Họ tên người nộp tiền CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ
Địa chỉ 280 - 282 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000122
Số tiền **5,200,000** đồng
(Viết bằng chữ) *Năm triệu hai trăm ngàn đồng*
Kèm theo: 000030 Chứng từ gốc

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20...

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp	Người lập biểu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*
			Phan Hoàng Anh	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) .....

Hình 2.10 Phiếu thu

Ngay tại thời điểm đó, phần mềm sẽ đồng thời cập nhật số liệu vào 3 sổ:

Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 511.

Để mở và kiểm tra thông tin đã hạch toán trên sổ nhật ký chung thì kế toán cần thực hiện những thao tác sau:

Nhấn chọn “ “ Kế toán tổng hợp” → “ Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung” → “ Sổ nhật ký chung ” sau đó tích chọn thời gian “ Năm 2023” → chọn tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ TK 511” → sau đó chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” và cuối cùng “ Report ” để xuất báo cáo:

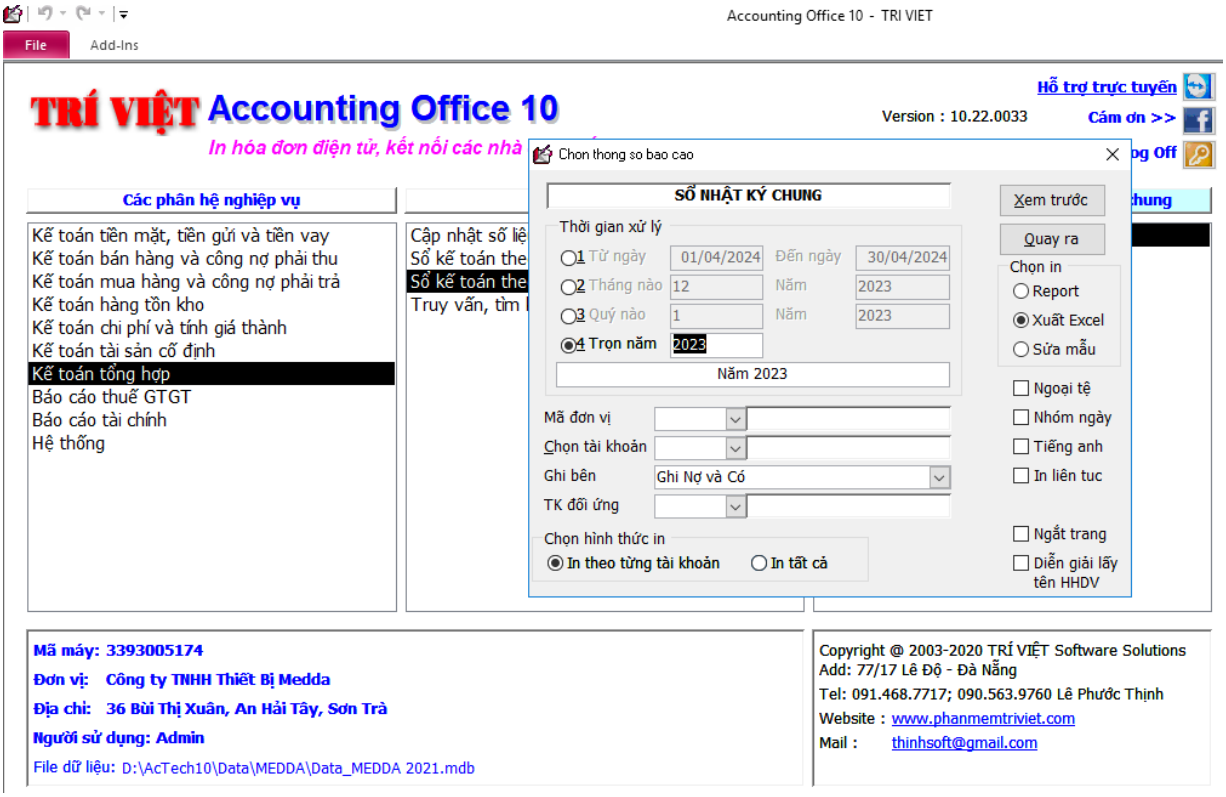

Hình 2.11 Giao diện để vào xem sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thiết Bị Medda

36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
23/05	PXK113	23/05	**Bán hàng**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	18,220,500	0
			Hàng hóa	X	156	0	15,780,391
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	867,644
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	17,352,856
			Giá vốn hàng bán	X	632	15,780,391	0
24/05	PXK114	24/05	**Bán hàng**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	10,400,000	0
			Hàng hóa	X	156	0	5,060,606
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	945,455
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	9,454,545
			Giá vốn hàng bán	X	632	5,060,606	0
29/05	PT032	29/05	**Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000122**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	5,200,000	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	247,619
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	4,952,381
29/05	PT033	29/05	**Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000124**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	7,790,000	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	370,953
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	7,419,047
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKC061	31/12	**KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD**				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	593,700,288	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	593,700,288
			TỔNG CỘNG			**43,773,417,971**	**43,773,417,971**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Hình 2.12 Sổ nhật ký chung

Để mở và kiểm tra thông tin đã hạch toán trên sổ cái thì kế toán cần thực hiện những thao tác sau:

Nhấn chọn “ “ Kế toán tổng hợp” → “ Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung” → “ Sổ cái ” sau đó tích chọn thời gian “ Năm 2023” → chọn tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ TK 511” → sau đó chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” và cuối cùng “ Report ” để xuất báo cáo:

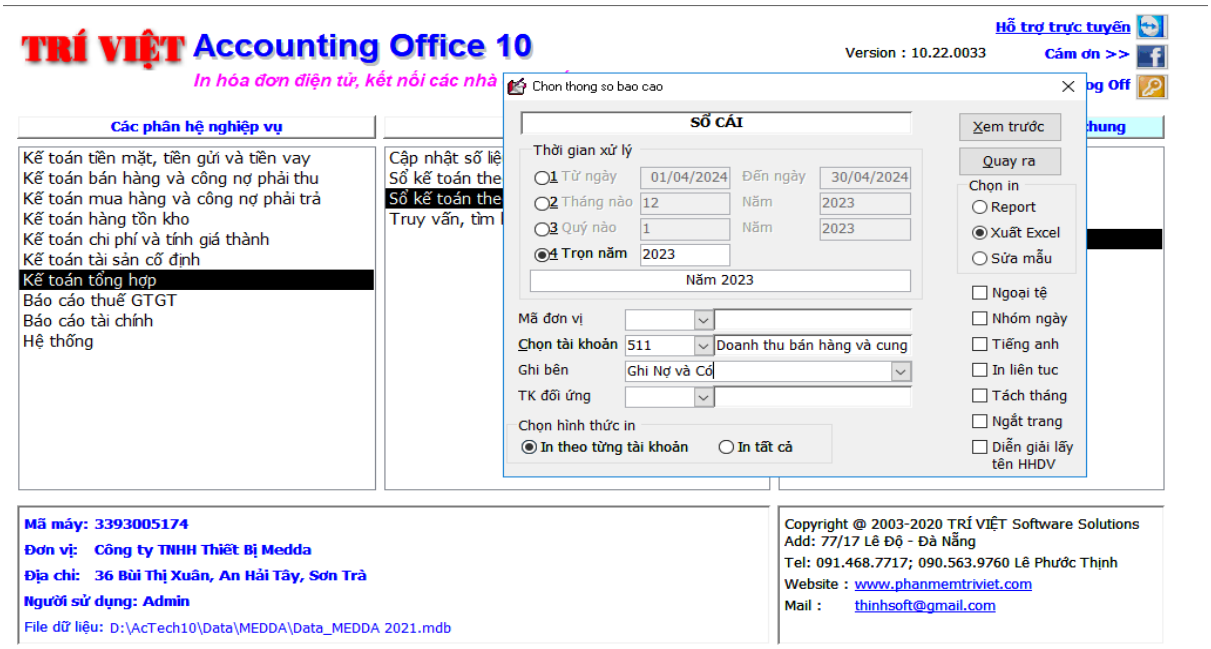

Hình 2.13 Giao diện để vào xem sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...
23/05	PXK112	Bán hàng	131	0	2,800,000
23/05	PXK112	Bán hàng	131	0	6,095,238
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	550,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	666,667
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	733,333
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	760,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	760,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	890,476
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	920,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	933,333
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,140,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,140,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,520,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,520,000
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,666,667
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	1,676,190
23/05	PXK113	Bán hàng	131	0	2,476,190
24/05	PXK114	Bán hàng	131	0	9,454,545
26/05	PXK115	Bán hàng	131	0	8,363,636
29/05	PT031	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000119	1111	0	4,400,000
29/05	PT032	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000122	1111	0	4,952,381
29/05	PT033	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000124	1111	0	7,419,047
29/05	PXK116	Bán hàng	131	0	6,666,667
29/05	PXK117	Bán hàng	131	0	857,143
...	...	...	...	...	...
30/12	PXK373	Bán hàng	131	0	1,809,524
30/12	PXK373	Bán hàng	131	0	2,619,048
30/12	PXK373	Bán hàng	131	0	3,600,000
30/12	PXK373	Bán hàng	131	0	5,040,952
31/12	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	593,700,288	0
		Tổng cộng phát sinh		**6,145,977,070**	**6,145,977,070**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**6,145,977,070**	**6,145,977,070**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

kế toán trưởng

Hình 2.14 Sổ cái TK 511

Nhấn chọn " Kế toán tổng hợp" → " Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung" → " Sổ chi tiết tài khoản" → sau đó tích chọn thời gian " Năm 2023" → tiếp đến chọn hình thức in " In theo từng tài khoản" → và cuối cùng " xuất Excel" để xem sổ chi tiết tài khoản.

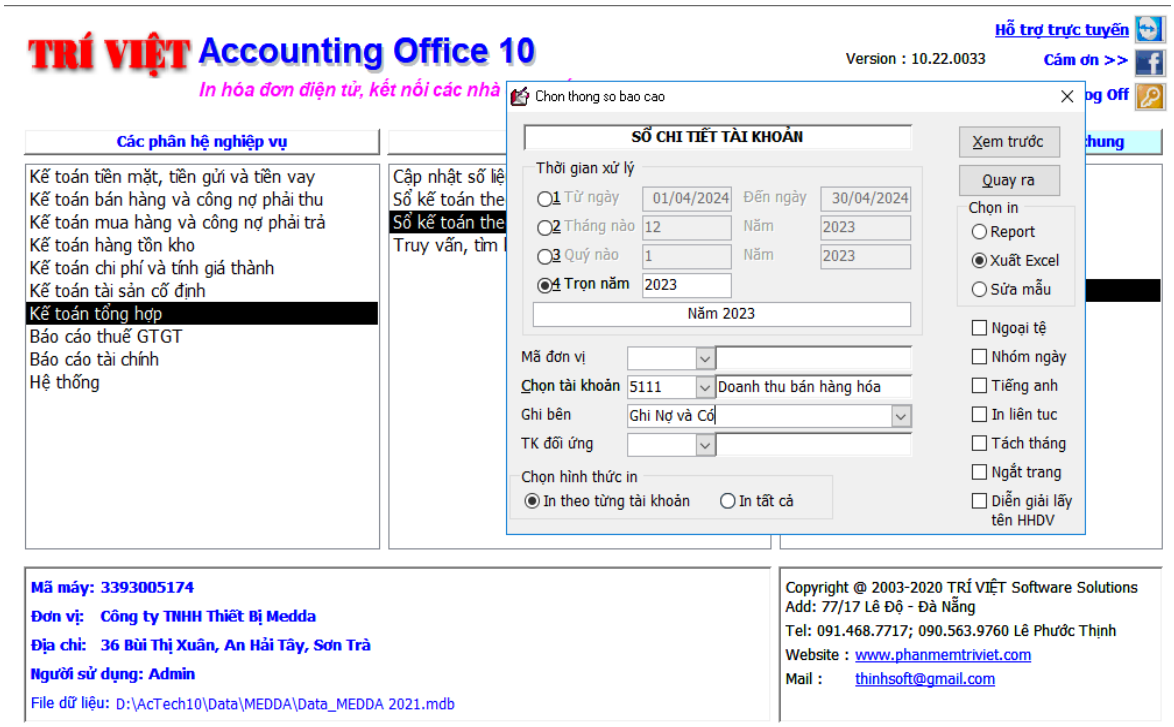

Hình 2.15 Giao diện để vào xem sổ chi tiết tài khoản TK 5111

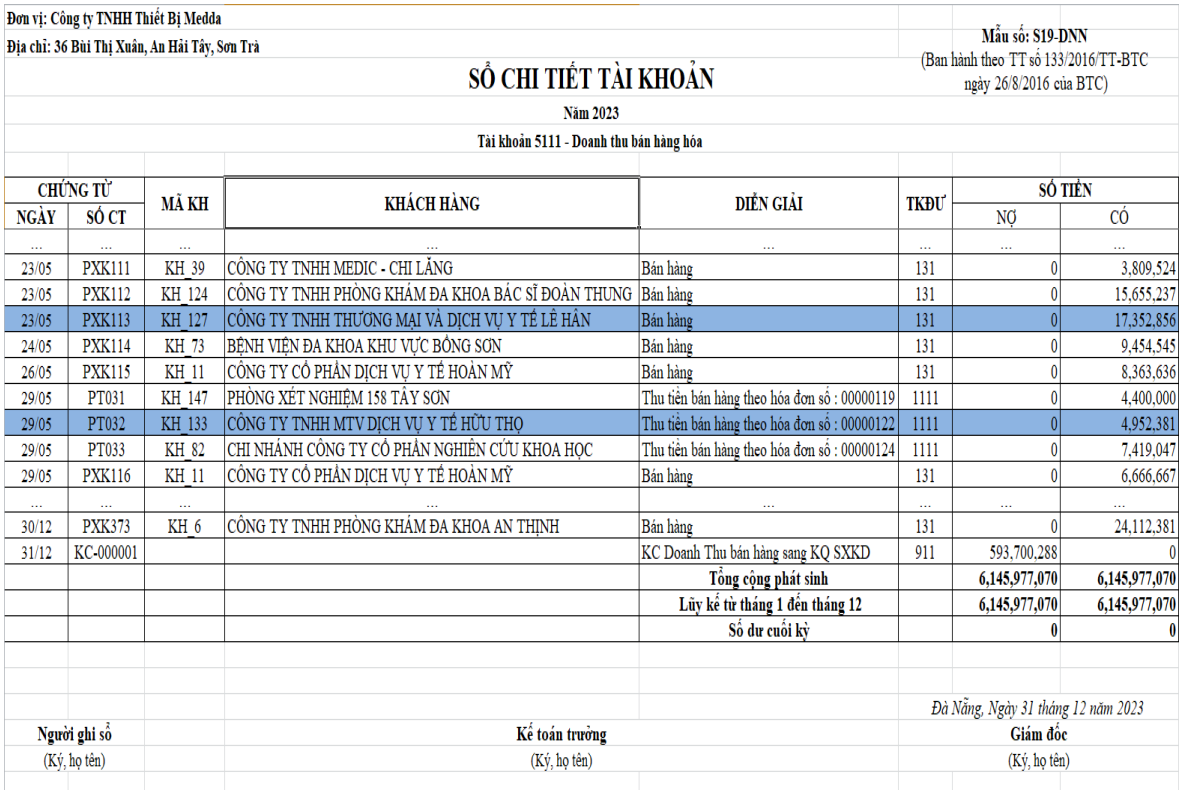

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
23/05	PXK111	KH_39	CÔNG TY TNHH MEDIC - CHI LĂNG	Bán hàng	131	0	3,809,524
23/05	PXK112	KH_124	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG	Bán hàng	131	0	15,655,237
23/05	PXK113	KH_127	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN	Bán hàng	131	0	17,352,856
24/05	PXK114	KH_73	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BỒNG SƠN	Bán hàng	131	0	9,454,545
26/05	PXK115	KH_11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Y TẾ HOÀN MỸ	Bán hàng	131	0	8,363,636
29/05	PT031	KH_147	PHÒNG XÉT NGHIỆM 158 TÂY SƠN	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000119	1111	0	4,400,000
29/05	PT032	KH_133	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000122	1111	0	4,952,381
29/05	PT033	KH_82	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000124	1111	0	7,419,047
29/05	PXK116	KH_11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Y TẾ HOÀN MỸ	Bán hàng	131	0	6,666,667
...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	PXK373	KH_6	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA AN THỊNH	Bán hàng	131	0	24,112,381
31/12	KC-000001			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	593,700,288	0
				Tổng cộng phát sinh		**6,145,977,070**	**6,145,977,070**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**6,145,977,070**	**6,145,977,070**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.16 Sổ chi tiết TK 5111

2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết vật tư
- Sổ tổng hợp nhập xuất tồn
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Sổ chi tiết tài khoản 632

c) Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán: Phản ánh giá vốn hàng bán

Các nghiệp vụ phát sinh ở giá vốn là các ví dụ minh họa của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

d) Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, các chứng từ khác...) kế toán nhập vào phiếu bán hàng kiêm phiếu xuất của phần mềm, DN tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.
- Công ty TNHH Thiết Bị Medda tính giá vốn hàng hóa theo phương pháp tính bình quân gia quyền cuối tháng. Theo đó, hàng sau khi nhập kho, kế toán phản ánh giá nhập và số lượng vào phần mềm kế toán. Phần mềm được thiết kế tính ngay đơn giá bình quân.

Nghiệp vụ 1: Ngày 23/05/2023 Công ty xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN theo Hóa đơn số 00000114.

Khi nhập dữ liệu vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động chạy phiếu xuất kho, vì công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Cuối tháng kế toán kết chuyển để tính giá vốn.

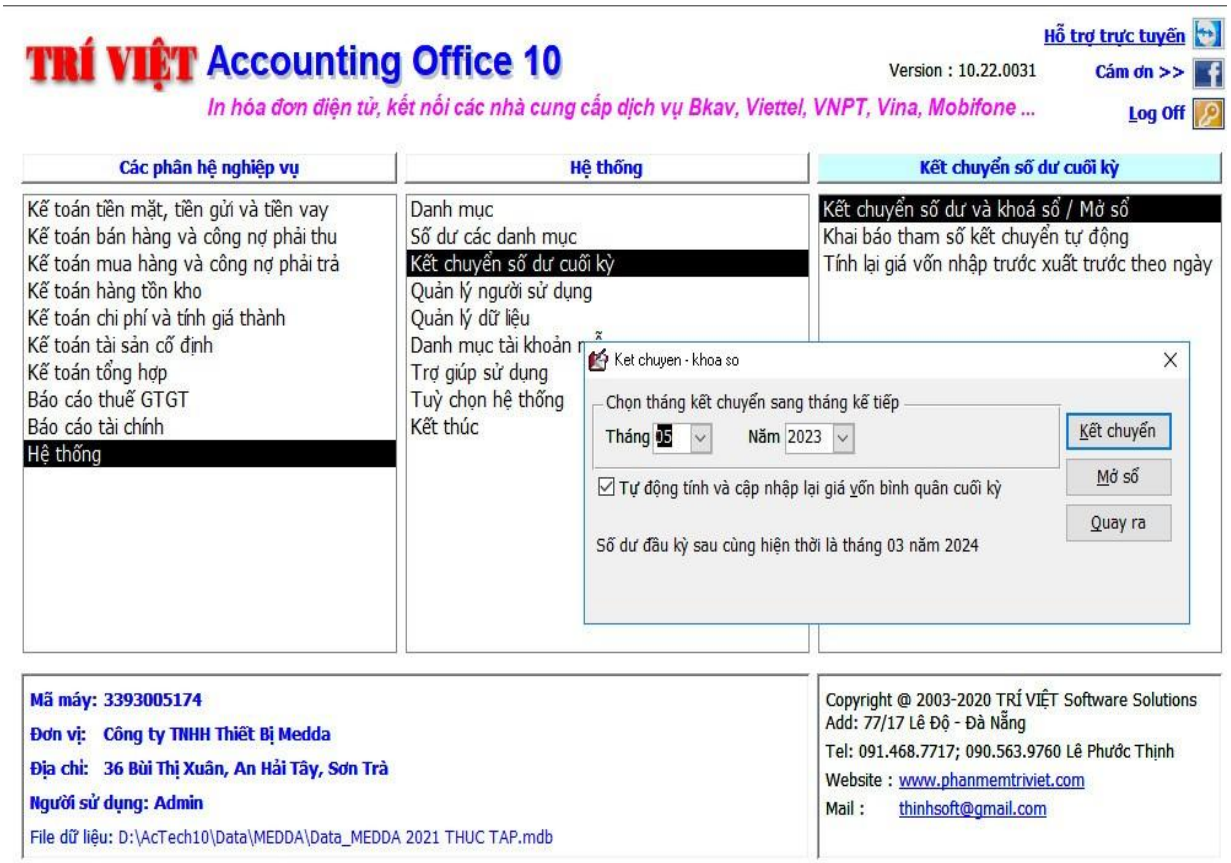

Hình 2.17 Phiếu xuất kho theo hóa đơn 00000114 được thể hiện như sau:

Vào Hệ thống → chọn kết chuyển số dư cuối kỳ → Chọn tháng → Chọn tự động tính và cập nhật giá vốn bình quân.

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 05 năm 2023 Số : **PXK113**

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN
Địa chỉ (bộ phận) : 07 Tân An 3, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do xuất kho : Bán hàng
Xuất tại kho : Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Định tính kháng nguyên bề mặt siêu vi B (HBsAg) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người (One Step HBsAg Test - 50 test/hộp - dạng	Test	100.00	4,000.00	400,000
2	Chol 5x50 (5x50ml)	Hộp	4.00	378,214.00	1,512,856
3	AST/GOT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	3.00	336,227.97	1,008,684
4	AST/GOT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	2.00	336,227.97	672,456
5	ALT/GPT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	2.00	336,052.74	672,105
6	ALT/GPT 250 (4x50ml,1x50ml)	Hộp	3.00	336,052.74	1,008,158
7	GGT 110 - R1:2 x 44ml, R2:2 x 11ml	Hộp	2.00	413,154.57	826,309
8	TG 100 - 2x50 ML,std:1x3ml	Hộp	4.00	358,923.67	1,435,695
9	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số - U031-101-CBN3B	Hộp	11.00	130,547.10	1,436,018
10	Đầu côn vàng không khía 200ul	Cái	11,000.00	28.20	310,167
11	Đầu côn xanh không khía 1ml	Cái	5,000.00	56.59	282,955
12	Giấy điện tim 80mm x 20m	Cuộn	70.00	15,000.00	1,050,000
13	Ống đựng mẫu xét nghiệm 12x75	Cái	10,000.00	363.95	3,639,535
14	Ống nghiệm Heparin Lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.	Ống	1,100.00	664.78	731,254
15	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	Ống	1,400.00	567.28	794,199
			Cộng tiền hàng		**15,780,391**

Tổng số tiền (viết bằng chữ) *Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi ngàn ba trăm chín mươi mốt đồng*

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Phan Hoàng Anh

Hình 2.18 Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 00000114

Để kiểm tra lại phần mềm tự động tính giá vốn đúng hay không, ta tính thử đơn giá mặt hàng TG 100-2*50 ML,std : 1*3 ml theo phương pháp bình quân gia quyền như sau:

Đầu tiên vào phần mềm chọn " Kế toán hàng tồn kho" → Chọn Báo cáo hàng tồn kho → Chọn Sổ chi tiết vật tư → chọn Năm 2023 → chọn mặt hàng TG 100-2*50 ML,std : 1*3 ml → và cuối cùng " xuất Excel" để xem sổ:

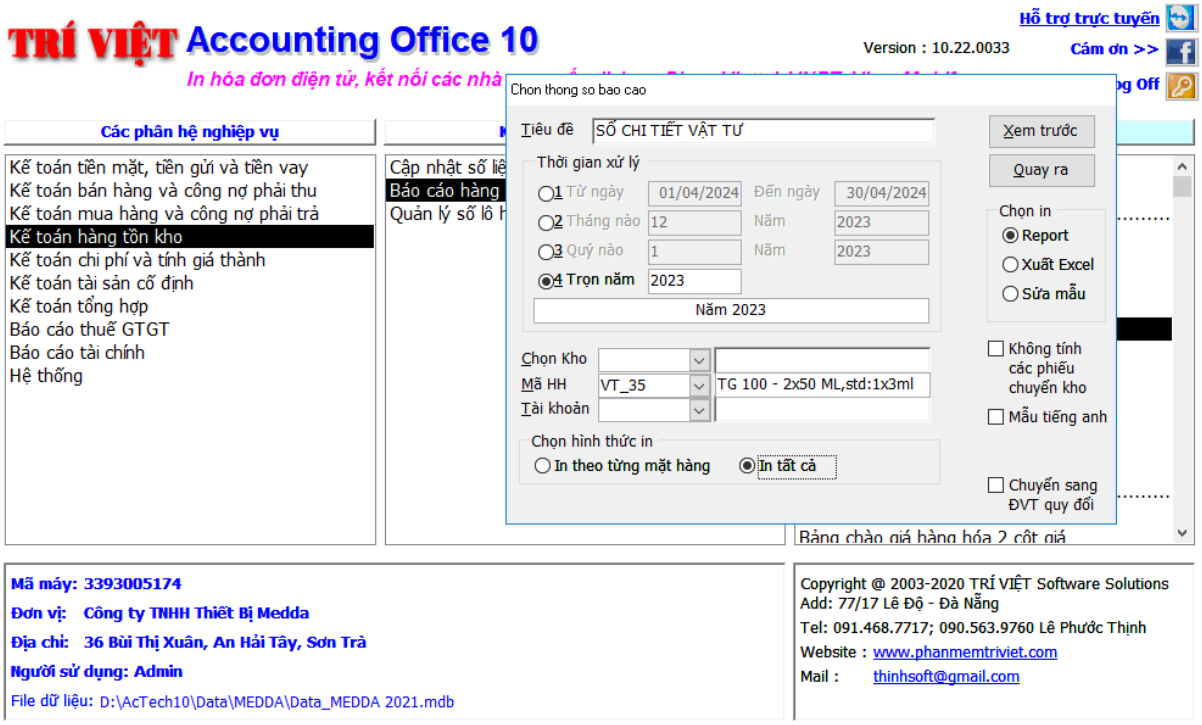

Hình 2.19 Giao diện sổ chi tiết vật tư

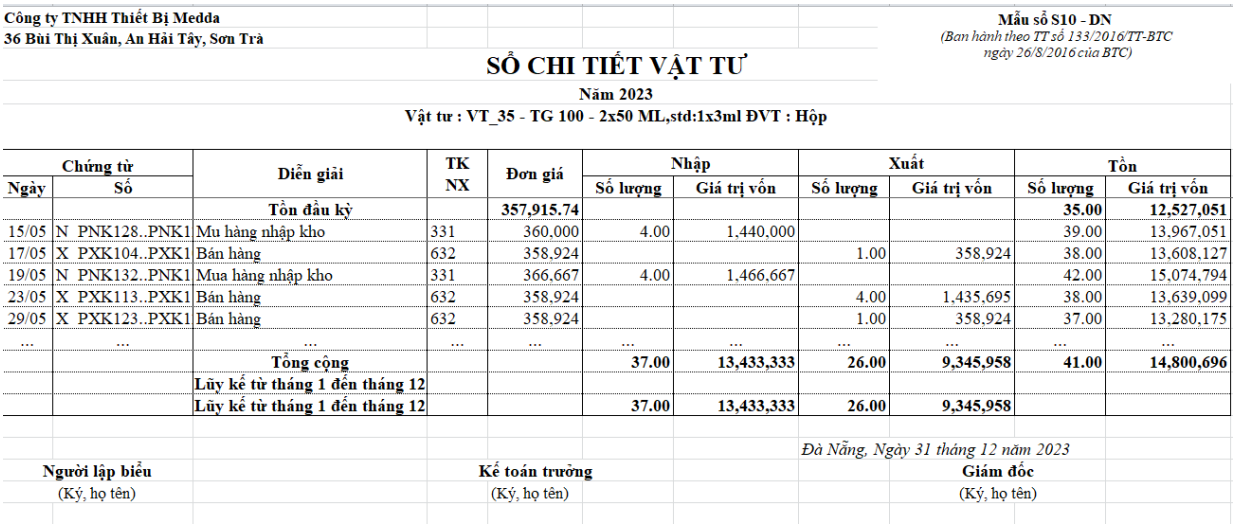

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S10 - DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Năm 2023

Vật tư : VT_35 - TG 100 - 2x50 ML,std:1x3ml ĐVT : Hộp

Chứng từ		Diễn giải	TK NX	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Ngày	Số				Số lượng	Giá trị vốn	Số lượng	Giá trị vốn	Số lượng	Giá trị vốn
		Tồn đầu kỳ		**357,915.74**					**35.00**	**12,527,051**
15/05	N PNK128..PNK1	Mu hàng nhập kho	331	360,000	4.00	1,440,000			39.00	13,967,051
17/05	X PXK104..PXK1	Bán hàng	632	358,924			1.00	358,924	38.00	13,608,127
19/05	N PNK132..PNK1	Mua hàng nhập kho	331	366,667	4.00	1,466,667			42.00	15,074,794
23/05	X PXK113..PXK1	Bán hàng	632	358,924			4.00	1,435,695	38.00	13,639,099
29/05	X PXK123..PXK1	Bán hàng	632	358,924			1.00	358,924	37.00	13,280,175
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng			**37.00**	**13,433,333**	**26.00**	**9,345,958**	**41.00**	**14,800,696**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12								
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12			**37.00**	**13,433,333**	**26.00**	**9,345,958**		

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.20: Sổ chi tiết vật tư

Theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng đơn giá bình quân được xác định như sau:

$$\text{Đơn giá bình bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ + giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Áp dụng công thức ta có:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{12{,}527{,}051 + 1{,}440{,}000 + 1{,}466{,}667}{35 + 4 + 4}$$

$$= \boxed{358{,}923.67}$$

Kết luận: Khớp với số liệu đơn giá trên phiếu xuất kho.

Nghiệp vụ 2: Ngày 29/05/2023, Công ty bán hàng hóa cho CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ theo HĐ số 0000122. Khi nhập dữ liệu vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động chạy phiếu xuất kho, vì công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Cuối tháng kết chuyển số liệu tính đơn giá bình quân.

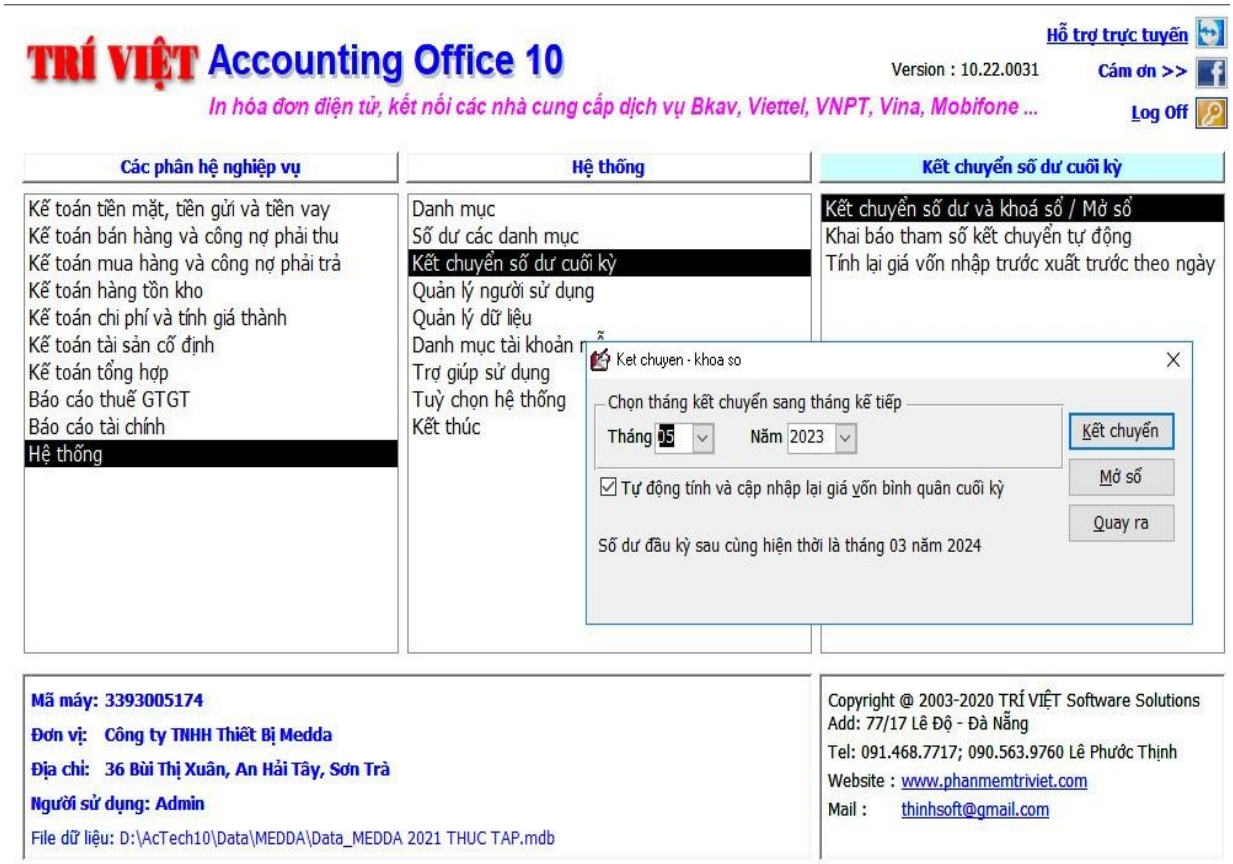

Hình 2.21: Giao diện tính giá vốn

Vào Hệ thống → chọn kết chuyển số dư cuối kỳ → Chọn tháng → Chọn tự động tính và cập nhật giá vốn bình quân.

Phiếu xuất kho theo hóa đơn 122 được thể hiện như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 05 năm 2023 **K121** **PX** **122**

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ
Địa chỉ (bộ phận): 280 - 282 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do xuất kho: Bán hàng
Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hoá chất sử dụng cho máy phân tích huyết học. Model: EZ Cleaning Solution (Dung tích: 100ml/Lọ)	Lọ	1.00	350,000.00	350,000
2	BC II-Diluent	Thùng	2.00	523,809.42	1,047,619
3	Rinse Cleaning Solution	Thùng	1.00	571,428.40	571,428
4	Bloodtrol 3D Normal (3ml)(SFRI/Pháp)	Lọ	1.00	1,142,857.00	1,142,857
			Cộng tiền hàng		**3,111,904**

Tổng số tiền (viết bằng chữ) *Ba triệu một trăm mười một ngàn chín trăm lẻ bốn đồng*

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Phan Hoàng Anh

Hình 2.22 Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 00000122

Công ty TNHH Thiết Bị Medda

36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
---	---	---	---	---	---	---	---
23/05	PXK113	23/05	**Bán hàng**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	18,220,500	0
			Hàng hóa	X	156	0	15,780,391
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	867,644
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	17,352,856
			Giá vốn hàng bán	X	632	15,780,391	0
24/05	PXK114	24/05	**Bán hàng**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	10,400,000	0
			Hàng hóa	X	156	0	5,060,606
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	945,455
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	9,454,545
			Giá vốn hàng bán	X	632	5,060,606	0
---	---	---	---	---	---	---	---
29/05	PXK121	29/05	**Bán hàng**				
			Hàng hóa	X	156	0	3,111,904
			Giá vốn hàng bán	X	632	3,111,904	0
---	---	---	---	---	---	---	---
31/12	PKC063	31/12	**KC Giá vốn vào KQ SXKD**				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	412,134,354
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	412,134,354	0
			TỔNG CỘNG			**43,763,648,714**	**43,763,648,714**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Hình 2.23 Sổ nhật ký chung

Nhấn chọn " Kế toán tổng hợp" → " Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung" → " Sổ cái " sau đó tích chọn thời gian " Năm 2023" → chọn tài khoản giá vốn hàng bán "TK 632" → sau đó chọn hình thức in " In theo từng tài khoản" và cuối cùng " Report " để xuất báo cáo.

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...
23/05	PXK112	Bán hàng	156	4,763,705	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	282,955	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	310,167	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	400,000	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	672,105	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	672,456	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	731,254	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	794,199	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	826,309	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,008,158	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,008,684	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,050,000	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,435,695	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,436,018	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	1,512,856	0
23/05	PXK113	Bán hàng	156	3,639,535	0
24/05	PXK114	Bán hàng	156	5,060,606	0
26/05	PXK115	Bán hàng	156	5,454,545	0
29/05	PXK116	Bán hàng	156	3,844,940	0
29/05	PXK117	Bán hàng	156	446,579	0
29/05	PXK117	Bán hàng	156	7,260,000	0
29/05	PXK121	Bán hàng	156	350,000	0
29/05	PXK121	Bán hàng	156	571,428	0
29/05	PXK121	Bán hàng	156	1,047,619	0
29/05	PXK121	Bán hàng	156	1,142,857	0
30/12	PXK373	Bán hàng	156	909,689	0
30/12	PXK373	Bán hàng	156	1,078,766	0
30/12	PXK373	Bán hàng	156	1,846,154	0
30/12	PXK373	Bán hàng	156	2,207,655	0
30/12	PXK373	Bán hàng	156	3,116,190	0
31/12	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	412,134,354
		Tổng cộng phát sinh		**4,379,636,191**	**4,379,636,191**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**4,379,636,191**	**4,379,636,191**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

kế toán trưởng

Hình 2.24 Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2023
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
23/05	PXK112	KH_124	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG	Bán hàng	156	11,969,257	0
23/05	PXK113	KH_127	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ LÊ HÂN	Bán hàng	156	15,780,391	0
24/05	PXK114	KH_73	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BỒNG SƠN	Bán hàng	156	5,060,606	0
26/05	PXK115	KH_11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Y TẾ HOÀN MỸ	Bán hàng	156	5,454,545	0
29/05	PXK116	KH_11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Y TẾ HOÀN MỸ	Bán hàng	156	3,844,940	0
29/05	PXK117	KH_54	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HÒA KHÁNH	Bán hàng	156	7,706,579	0
29/05	PXK118	KH_147	PHÒNG XÉT NGHIỆM 158 TÂY SƠN	Bán hàng	156	2,200,000	0
29/05	PXK119	KH_10	CÔNG TY TNHH SƠN CHỨC	Bán hàng	156	8,808,610	0
29/05	PXK120	KH_148	CÔNG TY TNHH AN KHANG THÀNH ĐẠT	Bán hàng	156	5,571,429	0
29/05	PXK121	KH_133	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ HỮU THỌ	Bán hàng	156	3,111,904	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	PXK373	KH_6	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA AN THỊNH	Bán hàng	156	15,119,188	0
31/12	KC-000003			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	412,134,354
				Tổng cộng phát sinh		**4,379,636,191**	**4,379,636,191**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**4,379,636,191**	**4,379,636,191**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.25: Sổ chi tiết tài khoản 632

2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Bảng khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương nhân viên, Bảng chấm công nhân viên

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung TK 642
- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 6422

c) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh"
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

d) Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 16/05/2023, công ty mời đối tác ăn cơm tại Nhà hàng Ẩm thực Nhà Vui. Nhà hàng Ẩm thực nhà vui xuất hóa đơn GTGT cho Công ty.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C23TNV**

Số *(No.)*: **89**

Ngày *(date)* 16 tháng *(month)* 05 năm *(year)* 2023

Mã CQT: 008032EF2CEBC0429DB9F9F5933F8D81E1

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0402175923**

Địa chỉ *(Address)*: 86 đường 2/9, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0973776211 **Email**: comnhavui@gmail.com

Số tài khoản *(A/C No)*:

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

Địa chỉ *(Address)*: 36 Bùi Thị Xuân - Phường An Hải Tây - Quận Sơn Trà - Đà Nẵng.

Mã số thuế *(Tax code)*: 0402117752

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Cơm lớn	Tô	7	15.000	105.000
2	Thịt kho trứng	Phần	1	59.000	59.000
3	Canh chua cá lóc	Tô	2	65.000	130.000
4	Mướp hương xào tôm	Dĩa	1	45.000	45.000
5	Cá rô đồng chiên	Dĩa	1	59.000	59.000
6	Ca trà sâm dứa	Ca	1	25.000	25.000
7	Khăn lạnh	Cái	3	3.000	9.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	432.000
Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*: 10%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	43.200
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**475.200**

Số tiền viết bằng chữ *(In words)*: *Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI
Ngày ký: 16 / 05 / 2023

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 2B48SWRGBY40

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM. MST: 0401486901

Hình 2.26 Hóa đơn GTGT số 00000089

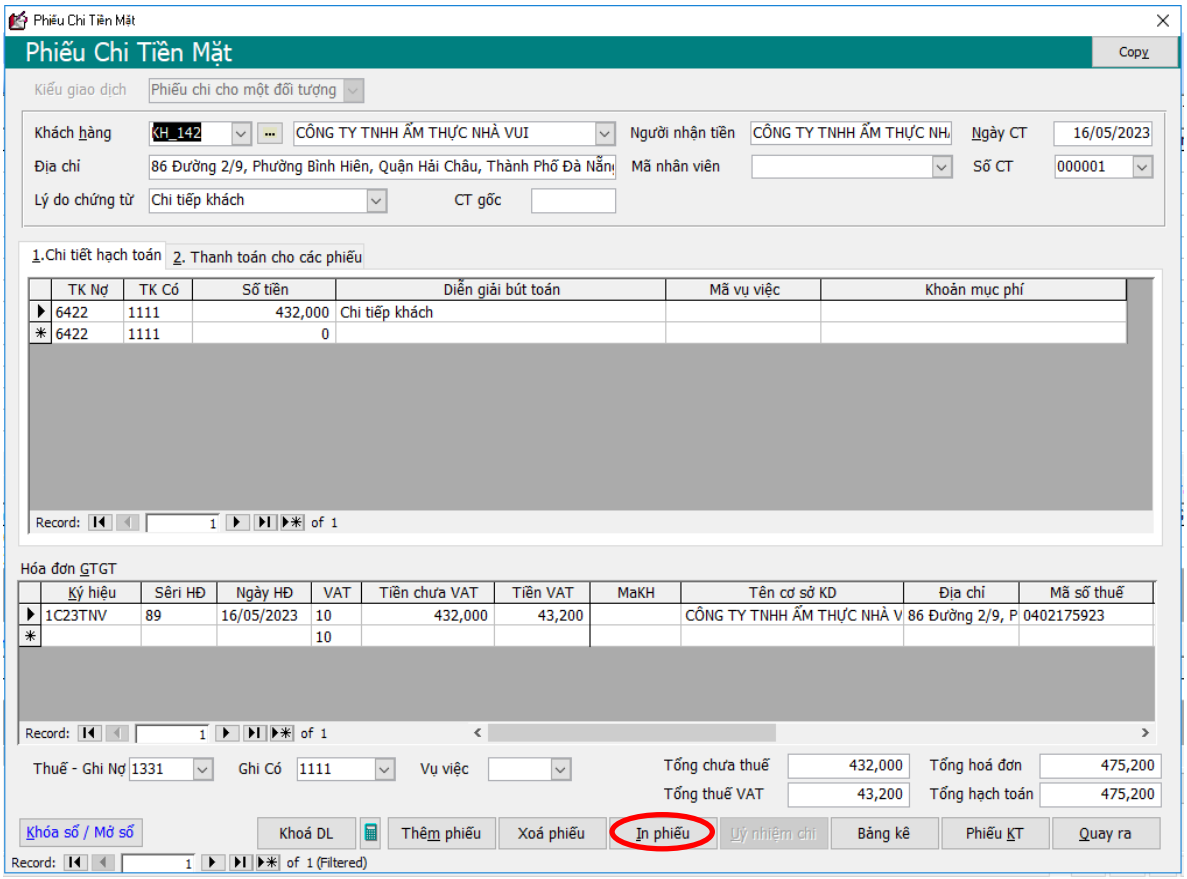

Hình 2.27 Giao diện phiếu chi tiền mặt

Căn cứ vào hóa đơn, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán. Trình tự nhập liệu như sau: vào "Kế toán tiền mặt, tiền gởi ngân hàng" -> "phiếu chi tiền mặt".

Trên giao diện "Phiếu chi tiền mặt" sẽ hiện nút "In phiếu".

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà
Điện thoại: 0905980135

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 05 năm 2023

Số: **000001**
Nợ: 6422, 1331
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI
Địa chỉ: 86 Đường 2/9, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do chi: Chi tiếp khách
Số tiền: **475,200** đồng
(Viết bằng chữ) *Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm đồng*
Kèm theo: ..... Chứng từ gốc

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập biểu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Phan Hoàng Anh

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) .....

Hình 2.28 Phiếu chi

Nghiệp vụ 2: Ngày 31/05/2023, Công ty TNHH Thiết bị Medda ghi nhận chi phí lương nhân viên vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Bảng lương như sau:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, P. An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
MST: 0402117752

Mẫu số: 02-LĐTL
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 05 năm 2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương HĐ/ tháng	Ngày Công thực tế	Lương Thực tế	Phụ cấp			Tổng lương	TN chịu thuế TNCN	Các khoản trích vào chi phí				Các khoản trích trừ vào lương				Thực lĩnh	Ký nhận
						Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe			BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng		
1	Phan Hoàng Anh	GĐ	4,200,000	26.0	4,200,000	1,500,000	1,500,000	1,000,000	8,200,000	5,970,000	735,000	126,000	42,000	903,000	336,000	63,000	42,000	441,000	7,759,000	
2	Nguyễn Thị Nga	NV	4,200,000	26.0	4,200,000	1,500,000	1,500,000	1,000,000	8,200,000	5,970,000	735,000	126,000	42,000	903,000	336,000	63,000	42,000	441,000	7,759,000	
3	Lê Đức Hưng	NV	4,200,000	26.0	4,200,000	1,500,000	1,500,000	1,000,000	8,200,000	5,970,000									8,200,000	
	Tổng cộng		**12,600,000**	**78**	**12,600,000**	**4,500,000**	**4,500,000**	**3,000,000**	**24,600,000**	**17,910,000**	**1,470,000**	**252,000**	**84,000**	**1,806,000**	**672,000**	**126,000**	**84,000**	**882,000**	**23,718,000**	**0**

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng y)

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2023

Người lập biểu	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.29 Trích bảng thanh toán lương nhân viên

– Kế toán hạch toán và phần mềm:

+ Chi phí lương nhân viên Tháng 5/2023

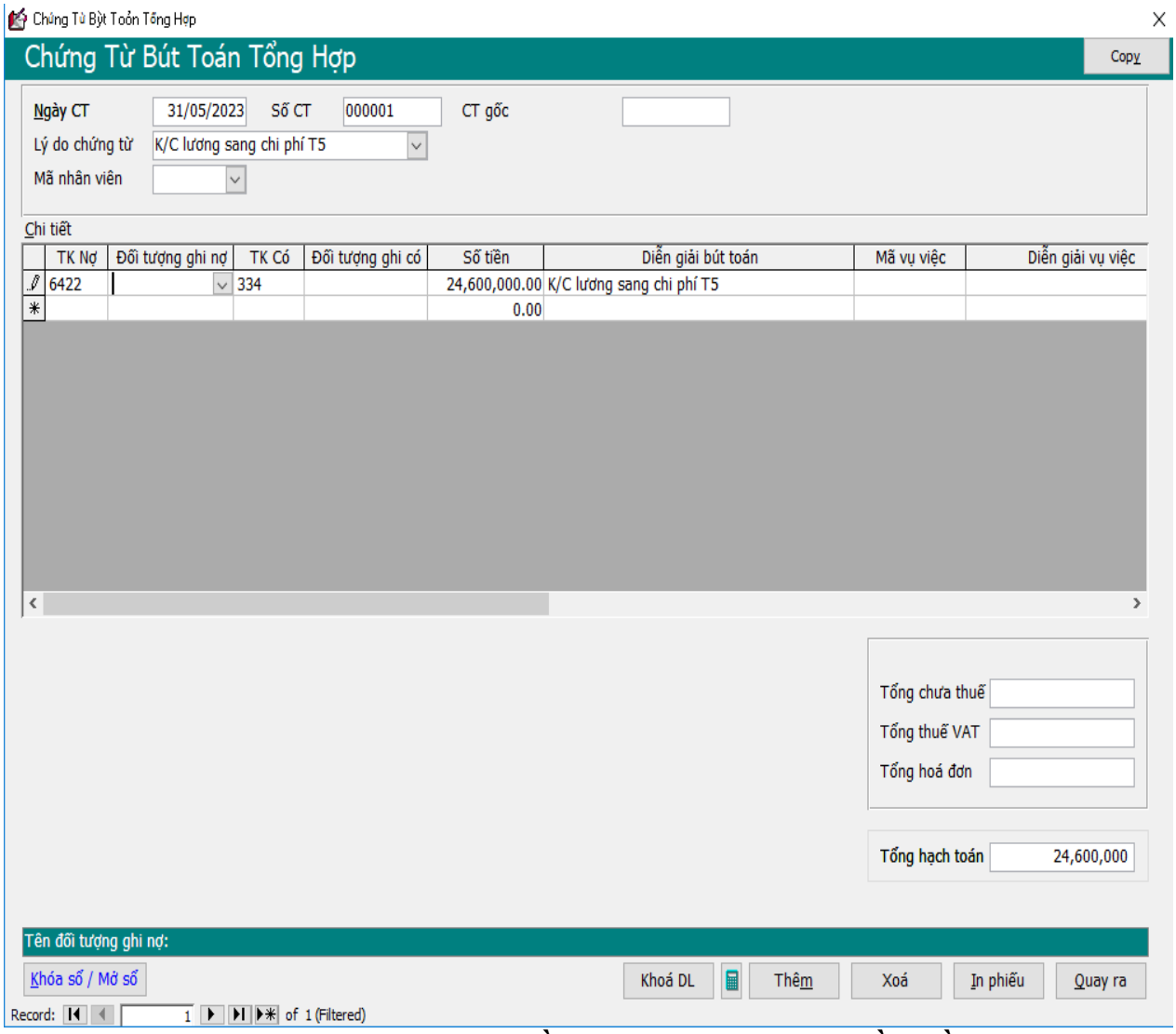

Hình 2.30 Chứng từ bút toán tiền lương tháng 5 trên phần mềm Trí Việt

– Trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN trừ vào chi phí doanh nghiệp:

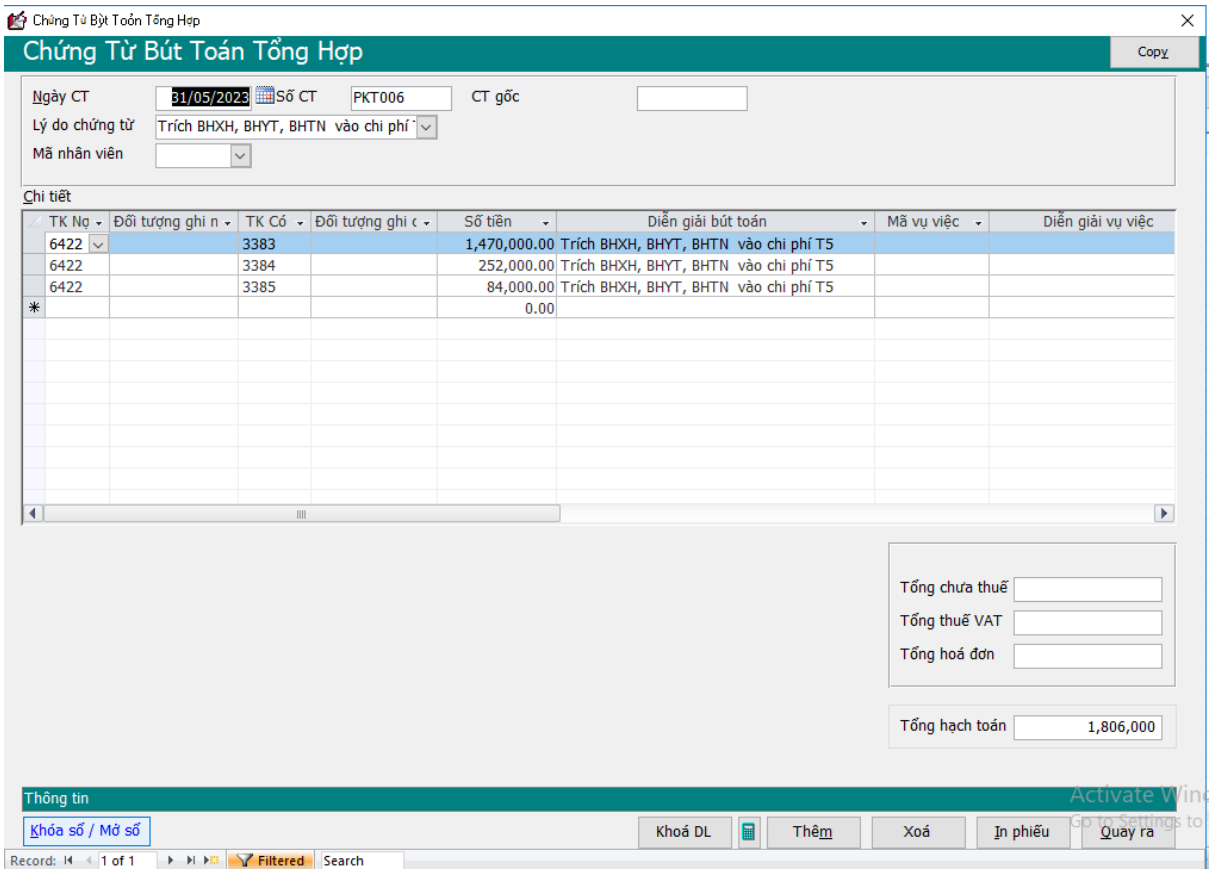

Hình 2.31 Chứng từ bút toán trích các khoản bảo hiểm trên phần mềm Trí Việt

Nghiệp vụ 3: Ngày 17/06/2023, Căn cứ vào hóa đơn vận chuyển hàng hóa, ghi vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 17 tháng 06 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 0096AEDD0345284A908708A34BFA4FAE10

Ký hiệu: **1C23TYY**
Số: **1648**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH

Mã số thuế: **0105536197**

Địa chỉ: Số 14/291/1141, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985813035 Email: ketoanvantaiducmanh2011@gmail.com

Số tài khoản: 117828589 Ngân hàng thương mại Á Châu ACB - chi nhánh Kim Đồng

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH thiết bị MEDDA**

Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản: Tại:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản **Mã số thuế:** **0402117752**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Cước chuyển hàng thiết bị y tế từ Hà Nội đi Đà Nẵng ngày 14/06/2023	kg	200	1.500	300.000
				Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:	**300.000**
	Thuế suất GTGT: **10%**			**Tiền thuế GTGT:**	**30.000**
				Tổng tiền thanh toán:	**330.000**

Số tiền bằng chữ: **Ba trăm ba mươi nghìn đồng**

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH
Ngày ký: 17/06/2023 15:21:52

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **4203FAC3862DAD4D**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

Hình 2.32 Hóa đơn GTGT số 00001648

Kế toán hạch toán vào phần mềm:

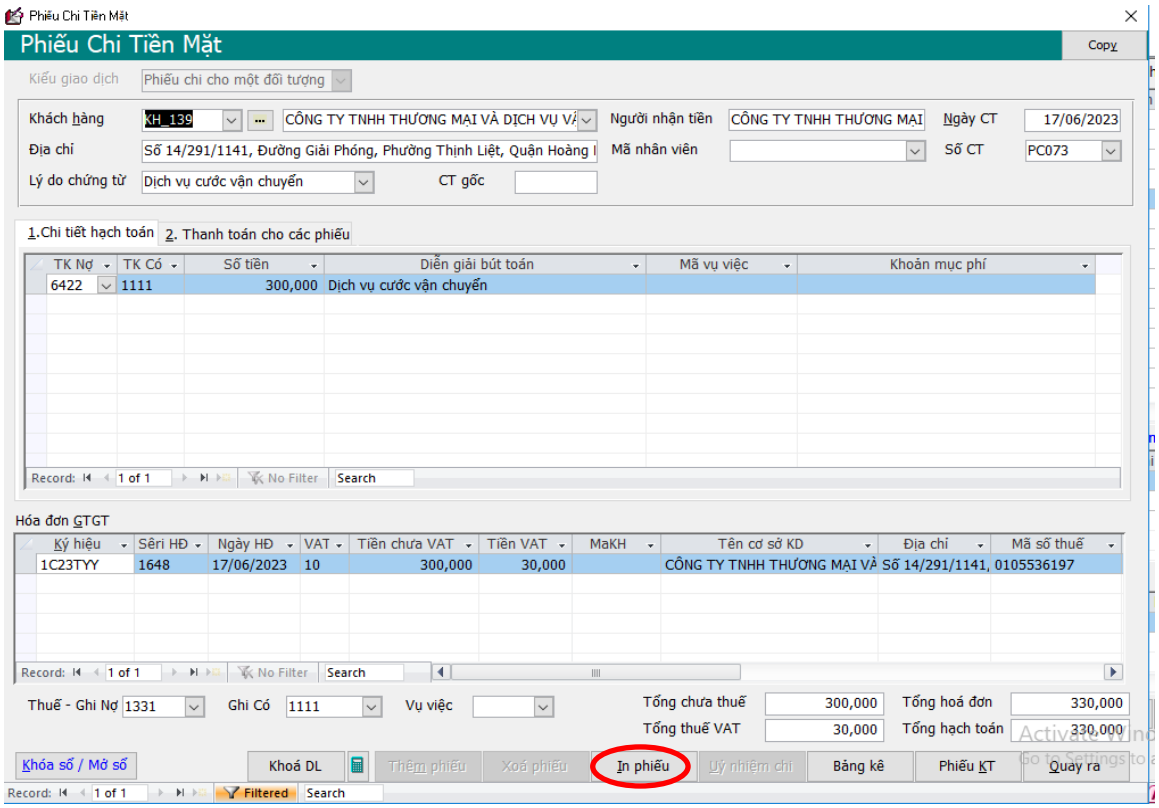

Hình 2.33: Giao diện phiếu chi tiền mặt

Trên giao diện "Phiếu chi tiền mặt" sẽ hiện nút "In phiếu".

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà
Điện thoại: 0905980135

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 06 năm 2023

Số: **000004**
Nợ: 6422, 1331
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH
Địa chỉ Số 14/291/1141, Đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Na
Lý do chi Dịch vụ cước vận chuyển
Số tiền **330,000** đồng
(Viết bằng chữ) *Ba trăm ba mươi ngàn đồng*
Kèm theo: ..... Chứng từ gốc

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập biểu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Phan Hoàng Anh

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) .....

Hình 2.34 Phiếu chi

Nghiệp vụ 4: Ngày 31/12/2023, phân bổ chi phí trong kỳ với số tiền là 218,494,923 đồng.

– Quy trình nhập liệu lên phần mềm:

Vào phần mềm kế toán Trí Việt nhấn chọn "Kế toán tài sản cố định" => "Cập nhập tài sản" => "Hồ sơ tài sản"

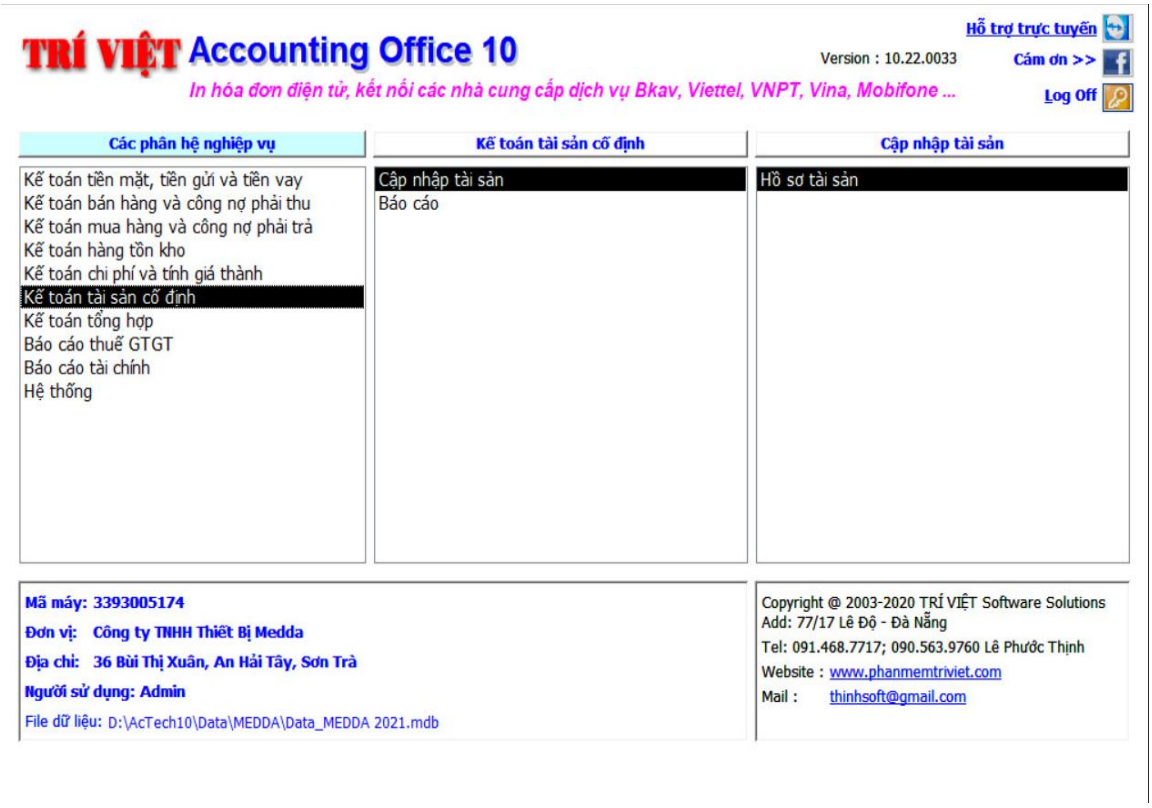

Hình 2.35 Giao diện trên phần mềm Trí Việt

Sau khi mở vào hồ sơ tài sản màn hình hiển thị như sau:

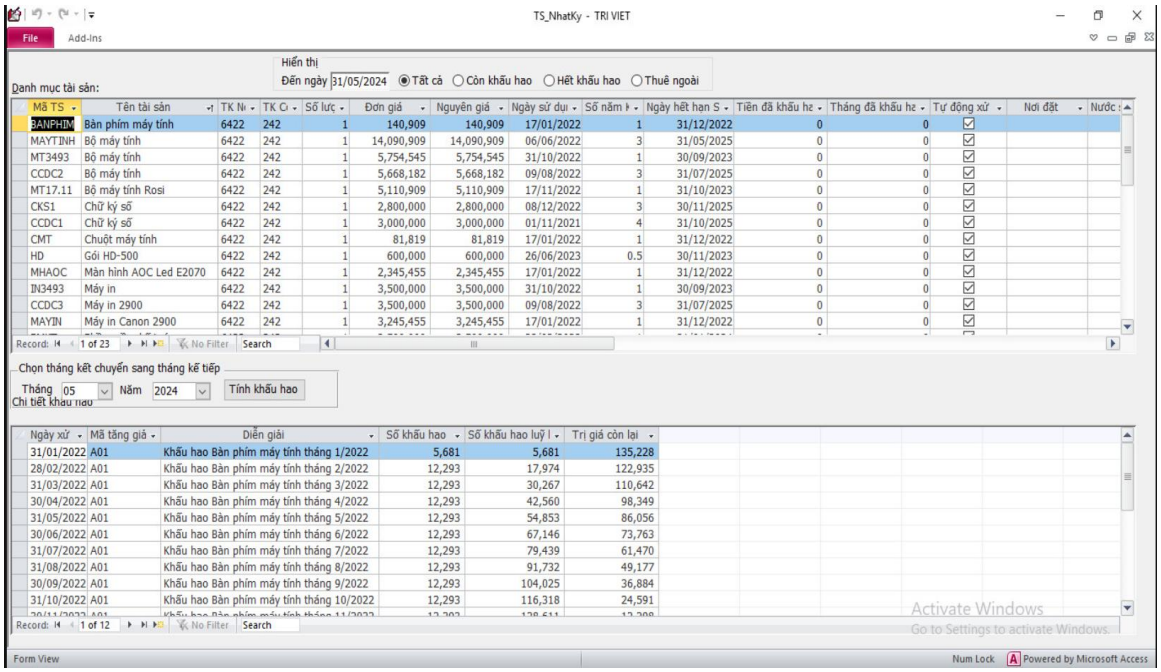

Hình 2.36 Màn hình nhập liệu tài sản cố định

Vào phần mềm kế toán Trí Việt nhấn chọn "Kế toán tài sản cố định" => "báo cáo" => "Bảng phân bổ khấu hao tài sản"

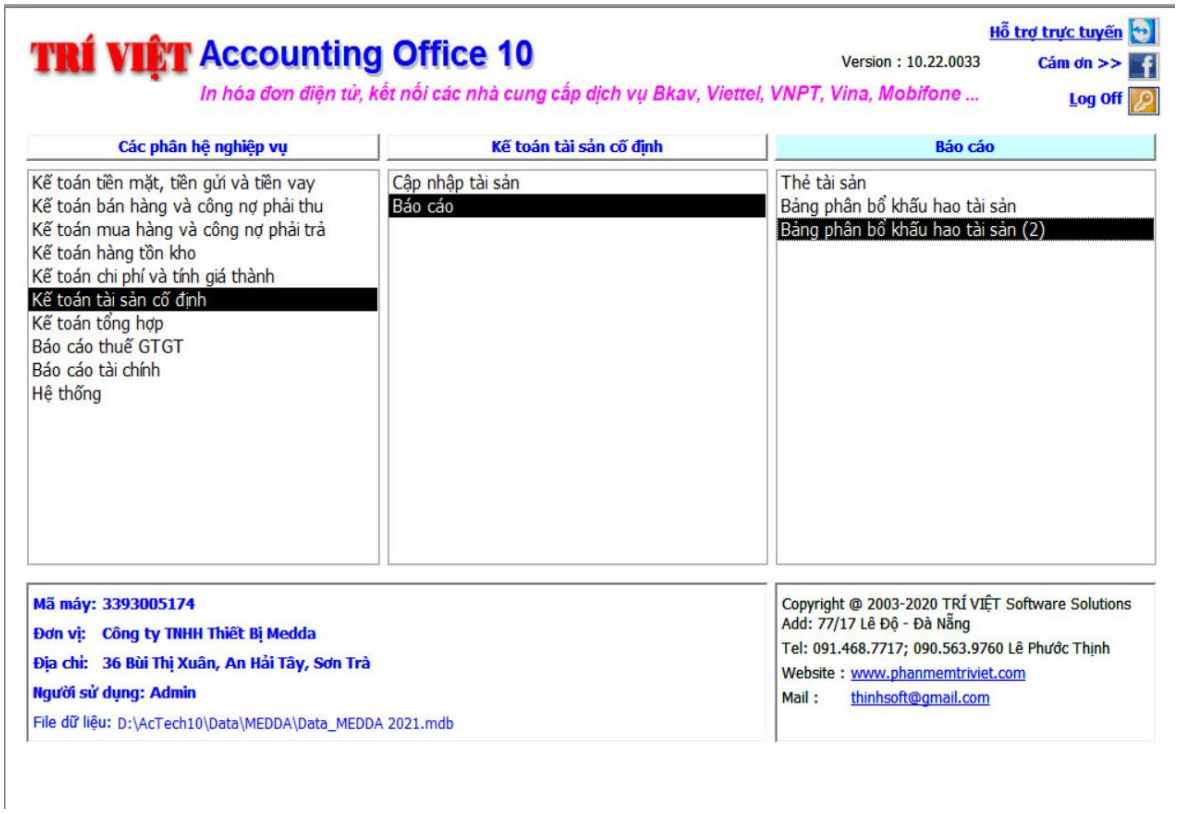

Hình 2.37 Giao diện phần mềm

Sau đó, từ báo cáo sẽ xuất ra excel như sau:

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

BẢNG TÍNH PHÂN BỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Năm 2023

Mã	Tài sản	Ngày tính phân bổ	Kỳ khấu hao (tháng)	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị đầu kỳ		Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị cuối kỳ	
						Hao mòn	Còn lại		Hao mòn LK	Còn lại
					442,601,818	**205,272,894**	**237,328,924**	**218,494,923**	**423,767,817**	**18,834,001**
CCDC1	Chữ ký số	01/11/2021	48	1.00	3,000,000	875,000	2,125,000	750,000	1,625,000	1,375,000
MAYTINH	Bộ máy tính	06/06/2022	36	1.00	14,090,909	2,685,846	11,405,063	4,719,336	7,405,182	6,685,727
MHAOC	Màn hình AOC Led E2070	17/01/2022	12	1.00	2,345,455	2,345,455	0	0	2,345,455	0
MAYIN	Máy in Canon 2900	17/01/2022	12	1.00	3,245,455	3,245,455	0	0	3,245,455	0
CMT	Chuột máy tính	17/01/2022	12	1.00	81,819	81,819	0	0	81,819	0
BANPHIM	Bàn phím máy tính	17/01/2022	12	1.00	140,909	140,909	0	0	140,909	0
THUENH	Tiền thuê nhà đợt2	01/07/2022	6	6.00	48,000,000	48,000,000	0	0	48,000,000	0
CCDC2	Bộ máy tính	09/08/2022	36	1.00	5,668,182	751,257	4,916,925	1,903,320	2,654,577	3,013,605
CCDC3	Máy in 2900	09/08/2022	36	1.00	3,500,000	463,888	3,036,112	1,175,268	1,639,156	1,860,844
CCDC4	Tủ lạnh Sharp	14/11/2022	36	1.00	6,263,636	274,738	5,988,898	2,113,728	2,388,466	3,875,170
CKS1	Chữ ký số	08/12/2022	36	1.00	2,800,000	60,215	2,739,785	939,348	999,563	1,800,437
TX	Thuê xe 2022	01/01/2022	12	12.00	96,000,000	96,000,000	0	0	96,000,000	0
PMKT	Phần mềm kế toán	23/02/2023	12	1.00	2,500,000	0	2,500,000	2,276,782	2,276,782	223,218
TN2022	Thue nhà đợt 1	01/01/2022	6	6.00	48,000,000	48,000,000	0	0	48,000,000	0
THUE XE	Thuê xe 2023	01/01/2023	12	12.00	96,000,000	0	96,000,000	96,000,000	96,000,000	0
HD	Gói HD-500	26/06/2023	6	1.00	600,000	0	600,000	600,000	600,000	0
TN	Thuê nhà 2023	01/01/2023	12	12.00	96,000,000	0	96,000,000	96,000,000	96,000,000	0
MT17.11	Bộ máy tính Rosi	17/11/2022	12	1.00	5,110,909	645,316	4,465,593	4,465,593	5,110,909	0
MT3493	Bộ máy tính	31/10/2022	12	1.00	5,754,545	1,058,937	4,695,608	4,695,608	5,754,545	0
IN3493	Máy in	31/10/2022	12	1.00	3,500,000	644,060	2,855,940	2,855,940	3,500,000	0
	Tổng cộng				**442,601,818**	**205,272,894**	**237,328,924**	**218,494,923**	**423,767,817**	**18,834,001**

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập **Kế toán trưởng**

Hình 2.38 Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
---	---	---	---	---	---	---	---
16/05	PC056	16/05	Chi tiếp khách				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	475,200
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hó	X	1331	43,200	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	432,000	0
---	---	---	---	---	---	---	---
31/05	PKT020	31/05	K/C chi phí lương T5				
			Phải trả người lao động	X	334	0	24,600,000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	24,600,000	0
31/05	PKT021	31/05	8% BHXH, 1.5% BHYT, 1% BHTN trừ lương T5				
			Phải trả người lao động	X	334	882,000	0
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	0	672,000
			Bảo hiểm y tế	X	3384	0	126,000
			Bảo hiểm thất nghiệp	X	3385	0	84,000
---	---	---	---	---	---	---	---
17/06	PC073	17/06	Dịch vụ cước vận chuyển				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	330,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hó	X	1331	30,000	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	300,000	0
---	---	---	---	---	---	---	---
31/12	104	31/12	Khấu hao Chữ ký số tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	62,500
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	62,500	0
31/12	105	31/12	Khấu hao Bộ máy tính tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	393,278
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	393,278	0
31/12	245	31/12	Khấu hao Máy in 2900 tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	97,939
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	97,939	0
31/12	246	31/12	Khấu hao Tủ lạnh Sharp tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	176,144
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	176,144	0
31/12	247	31/12	Khấu hao Chữ ký số tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	78,279
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	78,279	0
31/12	248	31/12	Khấu hao Phần mềm kế toán tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	223,214
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	223,214	0
31/12	318	31/12	Khấu hao Bộ máy tính tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	158,610
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	158,610	0
31/12	445	31/12	Khấu hao Thuê xe 2023 tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	8,000,000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	8,000,000	0
31/12	460	31/12	Khấu hao Thuê nhà 2023 tháng 12/2023				
			Chi phí trả trước	X	242	0	8,000,000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	8,000,000	0
			TỔNG CỘNG			43,763,648,714	43,763,648,714

Hình 2.39 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
...	...	...	...	...	...
15/05	000015	Thu phí dịch vụ	1121	44,000	0
16/05	PC056	Chi tiếp khách	1111	432,000	0
18/05	PC057	Chi ăn uống	1111	977,000	0
23/05	PC060	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1111	1,259,000	0
25/05	PC063	Chi tiếp khách	1111	755,000	0
26/05	PC065	Chi tiếp khách	1111	1,034,000	0
31/05	PC068	Chi công tác phí	1111	800,000	0
31/05	PKT020	K/C chi phí lương T5	334	24,600,000	0
31/05	PKT022	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T5	3385	84,000	0
31/05	PKT022	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T5	3384	252,000	0
31/05	PKT022	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí T5	3383	1,470,000	0
31/05	KC-000004	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	102,790,419
15/06	PC070	Dịch vụ phòng nghỉ	1111	300,000	0
15/06	PC071	Chi công tác phí	1111	800,000	0
17/06	PC073	Dịch vụ cước vận chuyển	1111	300,000	0
21/06	PC074	Cước vận chuyển	1111	1,250,000	0
22/06	PC075	Cước vận chuyển	1111	480,000	0
31/10	KC-000004	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	115,410,580
31/12	KC-000004	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	278,412,173
31/12	104	Phân bổ Chữ ký số tháng 12/2023	242	62,500	0
31/12	105	Phân bổ Bộ máy tính tháng 12/2023	242	393,278	0
31/12	245	Phân bổ Máy in 2900 tháng 12/2023	242	97,939	0
31/12	246	Phân bổ Tủ lạnh Sharp tháng 12/2023	242	176,144	0
31/12	247	Phân bổ Chữ ký số tháng 12/2023	242	78,279	0
31/12	248	Phân bổ Phần mềm kế toán tháng 12/2023	242	223,214	0
31/12	318	Phân bổ Bộ máy tính tháng 12/2023	242	158,610	0
31/12	445	Phân bổ Thuê xe 2023 tháng 12/2023	242	8,000,000	0
31/12	460	Phân bổ Thuê nhà 2023 tháng 12/2023	242	8,000,000	0
		Tổng cộng phát sinh		**1,338,614,798**	**1,338,614,798**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**1,338,614,798**	**1,338,614,798**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

kế toán trưởng

Hình 2.40 Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
...	...	...	...	...	...	...	...
15/05	000015	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	Thu phí dịch vụ	1121	44,000	0
16/05	PC056	KH_142	CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI	Chi tiếp khách	1111	432,000	0
18/05	PC057	KH_142	CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI	Chi ăn uống	1111	977,000	0
23/05	PC060	KH_150	TRẦN XUÂN BẮC	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1111	1,259,000	0
25/05	PC063	KH_99	Trần Thị Thơm	Chi tiếp khách	1111	755,000	0
26/05	PC065	KH_142	CÔNG TY TNHH ẨM THỰC NHÀ VUI	Chi tiếp khách	1111	1,034,000	0
31/05	PC068	MEDDA	Công Ty TNHH Thiết Bị MEDDA	Chi công tác phí	1111	800,000	0
31/05	PKT020			K/C chi phí lương T5	334	24,600,000	0
31/05	PKT022			Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi pl	3385	84,000	0
31/05	PKT022			Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi pl	3384	252,000	0
31/05	PKT022			Trích BHXH, BHYT, BHTN vào chi pl	3383	1,470,000	0
31/05	KC-000004			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	102,790,419
17/06	PC073	KH_139	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH	Dịch vụ cước vận chuyển	1111	300,000	0
21/06	PC074	KH_143	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯƠNG THÀNH	Cước vận chuyển	1111	1,250,000	0
22/06	PC075	KH_139	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH	Cước vận chuyển	1111	480,000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	KC-000004			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	278,412,173
31/12	104		N01	Phân bổ Chữ ký số tháng 12/2023	242	62,500	0
31/12	105		N01	Phân bổ Bộ máy tính tháng 12/2023	242	393,278	0
31/12	246		N01	Phân bổ Tủ lạnh Sharp tháng 12/2023	242	176,144	0
31/12	247		N01	Phân bổ Chữ ký số tháng 12/2023	242	78,279	0
31/12	248		N01	Phân bổ Phần mềm kế toán tháng 12/20	242	223,214	0
31/12	318		N01	Phân bổ Bộ máy tính tháng 12/2023	242	158,610	0
31/12	445		N01	Phân bổ Thuê xe 2023 tháng 12/2023	242	8,000,000	0
31/12	460		N01	Phân bổ Thuê nhà 2023 tháng 12/2023	242	8,000,000	0
				Tổng cộng phát sinh		**1,338,614,798**	**1,338,614,798**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**1,338,614,798**	**1,338,614,798**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.41 Sổ chi tiết tài khoản TK 6422

2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng

– Sổ phụ ngân hàng (Thu tiền lãi ngân hàng trả)

– Giấy báo có

b) Sổ sách sử dụng

– Sổ Nhật ký chung

– Sổ cái TK 515

– Sổ chi tiết TK

c) Tài hoản sử dụng

– TK 515: "Doanh thu hoạt động tài chính"

d) Minhhọa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 30/06/2023 nhận tiền lãi từ ngân hàng Techcombank, số tiền 25.419đ.

TECHCOMBANK

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
Vietnam Technological and Commercial Join-Stock Bank
Mã số thuế/ *Tax code:* 0100230800

Số giao dịch/ *Transaction No.* : FT23278A04003917

PHIẾU BÁO CÓ
Credit advice

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/ *CUSTOMER INFORMATION*

Tên tổ chức/ *Customer name:* CONG TY TNHH THIET BI MEDDA

Mã số thuế/ *Tax ID:* 0402117752

Địa chỉ/ *Address:* 36 BUI THI XUAN, P. AN HAI TAY, Q. SON TRA, TP.DA NANG

	Người chuyển tiền *Remitters' account name*	**Người nhận tiền** *Beneficiaries' account name*
Tên tài khoản *Account name*	**Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam**	VND-TGTT- CONG TY TNHH THIET BI MEDDA
Số tài khoản *Account number*	19037935758019	-
Ngân hàng *Bank*	**Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam**	TECHCOMBANK

CHI TIẾT GIAO DỊCH/ *TRANSACTION DETAILS*

Ngày hiệu lực/ *Value Date:* 30/06/2023

Loại tiền/ *Currency:* VND

Số tiền giao dịch/ *Amount*	**Tổng phí + thuế/** *Fee + VAT*	**Tổng số tiền/** *Total amount*
+ 25.419	0	+ 25.419

Số tiền bằng chữ/ *Amount in words:* Hai mươi lăm ngàn bốn trăm mười chín đồng

Nội dung thanh toán/ *Description:* Tra lai so du tren tai khoan

Giao dịch viên/Chuyên viên *Teller/Officer*	**Kiểm soát viên** *Supervisor*

Phiếu này được in từ hệ thống ngân hàng điện tử của Techcombank
This automated credit advice is printed by electronic banking by TECHCOMBANK

Hình 2.42: Phiếu báo có

Căn cứ vào hóa đơn số giấy báo có, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán. Trình tự nhập liệu như sau: vào "Kế toán tiền mặt, tiền gởi ngân hàng" -> "phiếu thu tiền gửi".

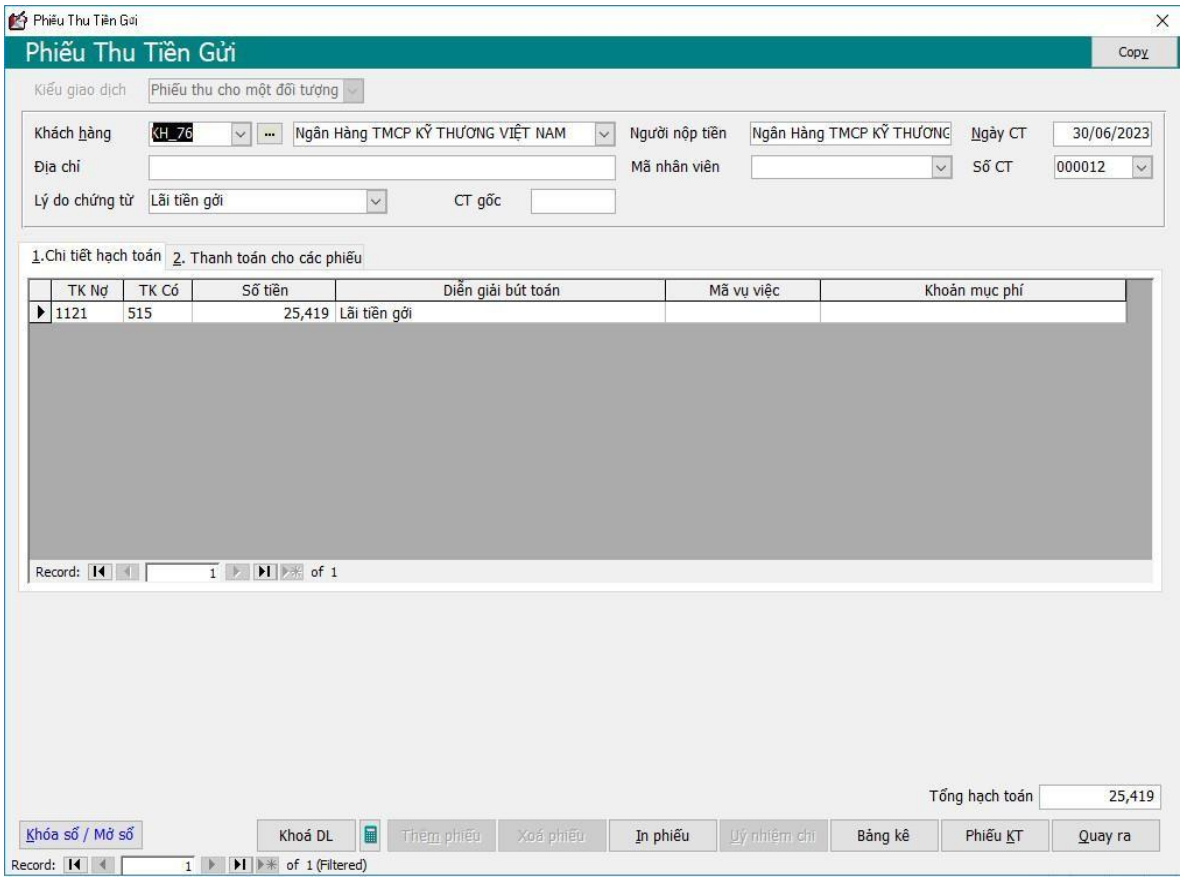

Hình 2.43: Giao diện phiếu thu tiền gửi

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
29/06	PXK158	29/06	**Bán hàng**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	11,161,986	0
			Hàng hóa	X	156	0	8,464,629
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	531,524
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	10,630,462
			Giá vốn hàng bán	X	632	8,464,629	0
30/06	000012	30/06	**Lãi tiền gởi**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	25,419	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	25,419
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKC062	31/12	**KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD**				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	48,190	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	48,190
			TỔNG CỘNG			**43,763,648,714**	**43,763,648,714**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc**

Hình 2.44 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...
31/05	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	49,677	0
30/06	000012	Lãi tiền gởi	1121	0	25,419
30/06	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	25,419	0
31/07	000013	Lãi tiền gởi	1121	0	37,426
31/07	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	37,426	0
31/08	000020	Lãi tiền gởi	1121	0	60,705
31/08	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	60,705	0
30/09	000011	Lãi tiền gởi	1121	0	86,499
30/09	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	86,499	0
31/10	000022	Lãi tiền gởi	1121	0	100,578
31/10	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	100,578	0
30/11	000012	Lãi tiền gởi	1121	0	86,598
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	86,598	0
30/12	000017	Lãi tiền gởi	1121	0	48,190
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	48,190	0
		Tổng cộng phát sinh		**616,002**	**616,002**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**616,002**	**616,002**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

kế toán trưởng

Hình 2.45 Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
31/05	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	49,677	0
30/06	000012	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	25,419
30/06	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	25,419	0
31/07	000013	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	37,426
31/07	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	37,426	0
31/08	000020	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	60,705
31/08	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	60,705	0
30/09	000011	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	86,499
30/09	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	86,499	0
31/10	000022	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	100,578
31/10	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	100,578	0
30/11	000012	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	86,598
30/11	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	86,598	0
30/12	000017	KH_76	Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT N	Lãi tiền gởi	1121	0	48,190
31/12	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	911	48,190	0
				Tổng cộng phát sinh		**616,002**	**616,002**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**616,002**	**616,002**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.46 Sổ chi tiết tài khoản TK 515

2.3.5. Kế toán chi phí họat động tài chính

a) Chứng từ sử dụng

– Sổ tiền vay ngân hàng

– Giấy báo nợ (Trả lãi KH khi đi vay)

b) Sổ sách kế toán sử dụng

– Sổ nhật ký chung

– Sổ cái TK 635

– Sổ chi tiết TK 635

c) Tài khoản sử dụng

– TK 635 “ Chi phí tài chính”

– Trong năm 2023, Công ty TNHH Thiết bị Medda không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản chi phí tài chính.

2.3.6. Kế toán thu nhập khác

a) Chứng từ sử dụng

– Giấy báo có

– Bảng kê

b) Chứng từ sử dụng

– Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái,…

c) Tài khoản sử dụng

– Tài khoản 711 - "Thu nhập khác"

d) Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1 : Ngày 16/01/2023, Công ty nhận hàng tặng từ Công ty TNHH TMDV THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC KHANG

Mẫu số: 01/TNDN
(Ban hành kèm theo

BẢNG KÊ HÀNG TẶNG
(Ngày 16 tháng 01 năm 2023)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Mã số thuế: 0402117752
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:
Người phụ trách thu mua:

STT	Người bán			Hàng hóa mua vào				Ghi chú
	Tên người bán	Địa chỉ	Số CMT nhân dân	Tên mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6 x 7	
				BCII-Lyse	1.000	571,429	571,429	
Tổng tiền							571,429	
Bằng chữ: *Năm trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng y.*								

Ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hình 2.47 Bảng kê hàng tặng

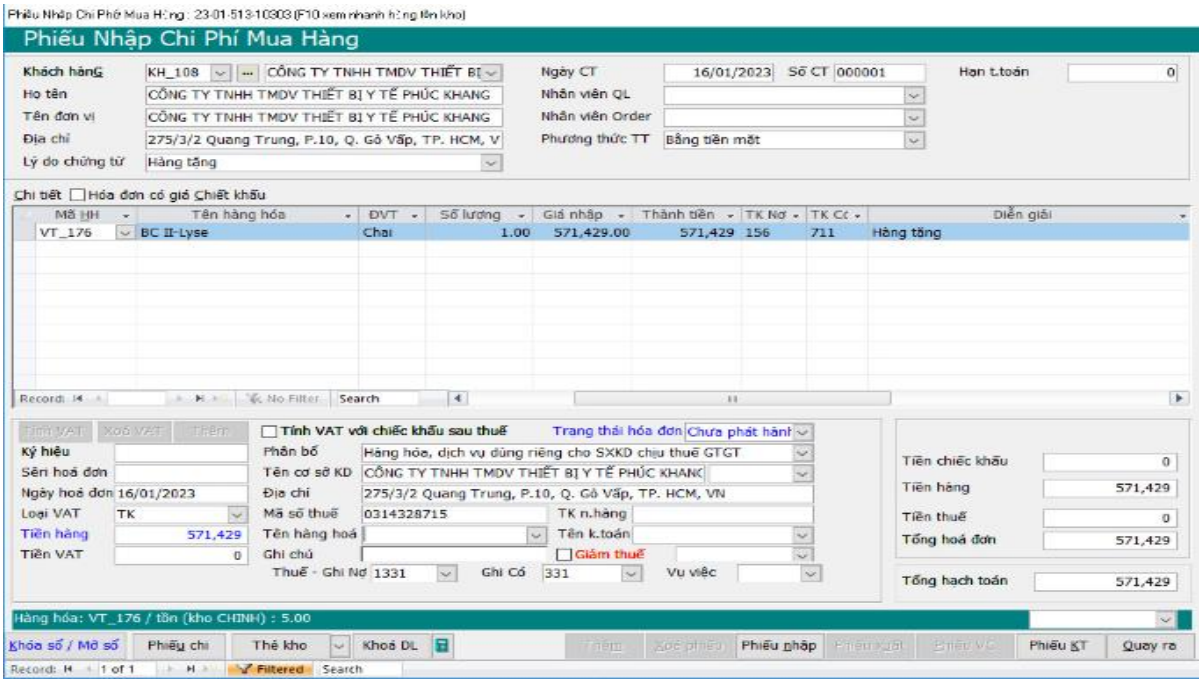

Hình 2.48 Giao diện phiếu nhập chi phí mua hàng

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
16/01	000001	16/01	**Hàng tặng**				
			Hàng hóa	X	156	571,429	0
			Thu nhập khác	X	711	0	571,429
16/01	000007	16/01	**Chuyển trả tiền hàng**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	9,816,000
			Phải trả cho người bán	X	331	9,816,000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/01	PKC001	31/01	**KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD**				
			Thu nhập khác	X	711	571,429	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	571,429
...	...	...	...	...	...	...	...
			TỔNG CỘNG			**43,763,648,714**	**43,763,648,714**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc**

Hình 2.49 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
16/01	000001	Hàng tặng	156	0	571,429
31/01	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	571,429	0
		Tổng cộng phát sinh		**571,429**	**571,429**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**571,429**	**571,429**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....
kế toán trưởng

Hình 2.50 Sổ cái TK 711

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
16/01	000001	KH_108	CÔNG TY TNHH TMDV THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC KHANG	Hàng tặng	156	0	571,429
31/01	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	571,429	0
				Tổng cộng phát sinh		**571,429**	**571,429**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**571,429**	**571,429**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
		Phan Hoàng Anh

Hình 2.51 Sổ chi tiết tài khoản 711

2.3.7. Kế toán chi phí khác

a) Chứng từ sử dụng

Sổ phụ ngân hàng

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái,…

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811-“Chi phí khác”

d) Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 05/06/2023, Công ty nộp Bảo hiểm xã hội tháng 3,4,5 năm 2023 với số tiền là 8,064,000đ trong đó nộp BHXH 6,418,480đ, BHYT 1,134,000đ, BHTN 504,000đ, lãi chậm nộp 7,520đ.

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP ĐÀ NẴNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN SƠN TRÀ

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 505/QĐ - BHXH ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
Tháng 06 năm 2023

Kính gửi: **Công ty TNHH Thiết bị Medda**
Địa chỉ: **36 Bùi Thị Xuân, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng**
Mã đơn vị: **TD2154D** **Điện thoại: 0905118091**

Bảo hiểm xã hội quận Sơn Trà thông báo kết quả đóng BHXH,BHYT,BHTN,BHTNLĐ- BNN cửa đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ,BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	**Kỳ trước mang sang**	**757,760**	**5,556,906**	**1,140,054**	**505,173**	**126,293**	**8,086,186**
1	*Số lao động*	2	2	2	2	2	
2	*Phải đóng*						
2.1	*Thừa*						
2.2	*Thiếu*	756,000	5,544,000	1,134,000	504,000	126,000	8,064,000
3	*Thiếu lãi*	1,760	12,906	6,054	1,173	293	22,186
B	**Phát sinh trong kỳ**	**255,520**	**1,873,813**	**390,108**	**170,347**	**42,587**	**2,732,375**
1	*Số lao động*						
1.1	*Tăng*						
1.2	*Giảm*						
2	*Quỹ lương*	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	
2.1	*Tăng*						
2.2	*Giảm*						
3	*Phải đóng*	252,000	1,848,000	378,000	168,000	42,000	2,688,000
3.1	*Tăng*						
3.2	*Giảm*						
4	*Điều chỉnh phải đóng kỳ trước*						
4.1	*Tăng*						
	Trong đó: năm trước						
4.2	*Giảm*						
	Trong đó: năm trước						
4.3	*Điều chỉnh*						
5	*Lãi*						
5.1	*Số tiền tính lãi*	504,000	3,696,000	756,000	336,000	84,000	5,376,000
5.2	*Tỷ lệ tính lãi*	0.6984	0.6984	1.6016	0.6984	0.6984	
5.3	*Tổng tiền lãi*	3,520	25,813	12,108	2,347	587	44,375
C	***Số tiền đã nộp trong kỳ***						**8,064,000**
1	UNC số 00657, ngày 05/06/2023						8,064,000
D	***Phân bổ tiền đóng***	**755,098**	**5,537,382**	**1,140,054**	**505,173**	**126,293**	**8,064,000**
1	Phải đóng	755,098	5,537,382	1,134,000	504,000	126,000	8,056,480
2	Tiền lãi			6,054	1,173	293	7,520
Đ	***Chuyển kỳ sau***	**258,182**	**1,893,337**	**390,108**	**170,347**	**42,587**	**2,754,561**
1	Số lao động	2	2	2	2	2	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu	252,902	1,854,618	378,000	168,000	42,000	2,695,520
3	Thiếu lãi	5,280	38,719	12,108	2,347	587	59,041

Hình 2.52a Chi tiết kết quả đóng bảo hiểm (Phụ lục số 2)

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho hai lao động đến hết tháng 04/2023
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho hai lao động đến hết tháng 05/2023
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 05/2023
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 05/2023
đ) Tổng số nộp thiếu là 2,754,561 đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH trước ngày 01/08/2023
Số tài khoản 2004202917045, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, CN Sơn Trà Đà Nẵng
Số tài khoản 917060000000056,tại ngân hàng TMCP Công Thương, Đà Nẵng
Số tài khoản 0041000269469, tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Đà Nẵng
Số tài khoản 3061150666888, tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Nam Đà Nẵng
Số tài khoản 56110009848048, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Đà Nẵng
e) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Sơn Trà để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 01/08/2023. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Hình 2.52b Chi tiết kết quả đóng bảo hiểm (Phụ lục số 2)

Giải thích số liệu:

- BHXH = 755,098+ 5,537,382 + 126,000 = 6,418,480
- BHYT = 1,134,000
- BHTN = 504,000
- Lãi chậm nộp = 7,520

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh/ *Branch* : DNG- TCB DA NANG
MST/ *Tax code* : 0100230800

SỔ PHỤ KIÊM PHIẾU BÁO NỢ/CÓ
BANK STATEMENT/DEBIT - CREDIT TRANSACTION
(Từ ngày/From 01/06/2023 đến ngày/To 30/6/2023)

TECHCOMBANK

Loại tiền / *Currency:* VND
Tên khách hàng / *Customer name:* CONG TY TNHH THIET BI MEDDA .
Số tài khoản / *Account No:* 19037935758019
Số ID khách hàng / *Customer ID:* 37935758 - MST / *Taxcode:* 0402117752
Loại tài khoản / *Type of Account:* TIEN GUI THANH TOAN
Địa chỉ / *Address:* 36 BUI THI XUAN, P. AN HAI TAY, Q.S ON TRA, TP.DA NANG
Tên tài khoản / *Account name:* VND-TGTT-CTY TNHH THIET BI MEDDA

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ ghi có vào tài khoản quý khách số tiền chi tiết sau / We would like to inform you debited/ credited to your accout the amount of the following details:

Ngày giao dịch *Transaction date*	Đối tác *Remitter*	NH đối tác *Remitter bank*	Diễn giải *Details*	Số bút toán *Transaction No.*	Nợ *Debit*	Có *Credit*	Phí/Lãi *Fee/Interest*	Thuế *Tax*	Số dư *Balance*
Số dư đầu kỳ/ Open balance						259,557,494.00			
01/06/2023	CTY TNHH THUONG MAI Y TE PHU GIA	A CHAU (ACB)	Phuc Khang tt hoa don 1009	FT23152130387577	7,628,985.00				251,928,509.00
01/06/2023	MEDICAL PREJECT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED	TECHCOMBANK	Medda tt hoa chat	FT23152835058623	37,078,000.00				214,850,509.00
02/06/2023	Cty TNHH TM Va DV Y Te Le Han	NONG NGHIEP VA PTNT (AGRIBANK)	Cty TNHH TM Va DV Y Te Le Han chuyen tien HD 1C23TMD 114	FT23153471005450		18,220,500.00			233,071,009.00
02/06/2023	HOANG QUAN VIETNAM DEVELOPMENT	QUAN DOI (MB)	Medda ck tt hoa don 140	FT23153229083788	13,470,000.00				219,601,009.00
05/06/2023	ROYAL MEDICAL SUPPLIES EQUIPMENT COMPANY LIMITED	TECHCOMBANK	Medda tt hoa don 114	FT23156313796690	10,164,000.00				209,437,009.00
05/06/2023	BAO HIEM XA HOI QUAN SON TRA	DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV)	Medda TD2154D nop Bhxh thang 3,4,5 nam 2023	FT23156203000327	8,064,000.00				201,373,009.00
05/06/2023	NAM ANH BIOMED CO LTD	AN BINH (AB BANK)	Medda ck thanh toan hd 347396	FT23156916849933	17,712,600.00				183,660,409.00
05/06/2023	CTY CP VAT TU Y TE HONG THIEN MY	A CHAU (ACB)	Medda ck tt ong nghiem - cty Hong Thien My	FT23156369780589	14,868,000.00				168,792,409.00
05/06/2023	CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA HOA KHANH	NGOAI THUONG VIET NAM (VCB)	CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA HOA KHANH chuyen tien CONG TY TNHH THIET BI MEDDA . TK: 19037935758019 tai Techcombank-thanh toan tien hoa don so 118 ngay 29.5.2023	FT23156193900740		9,877,500.00			178,669,909.00

Ngày giờ in/Printed Time:02/07/2023 01:58:15 - Người in/Printed user: SYSTEM

Hình 2.53 Sổ phụ ngân hàng

Kế toán hạch toán vào phần mềm:

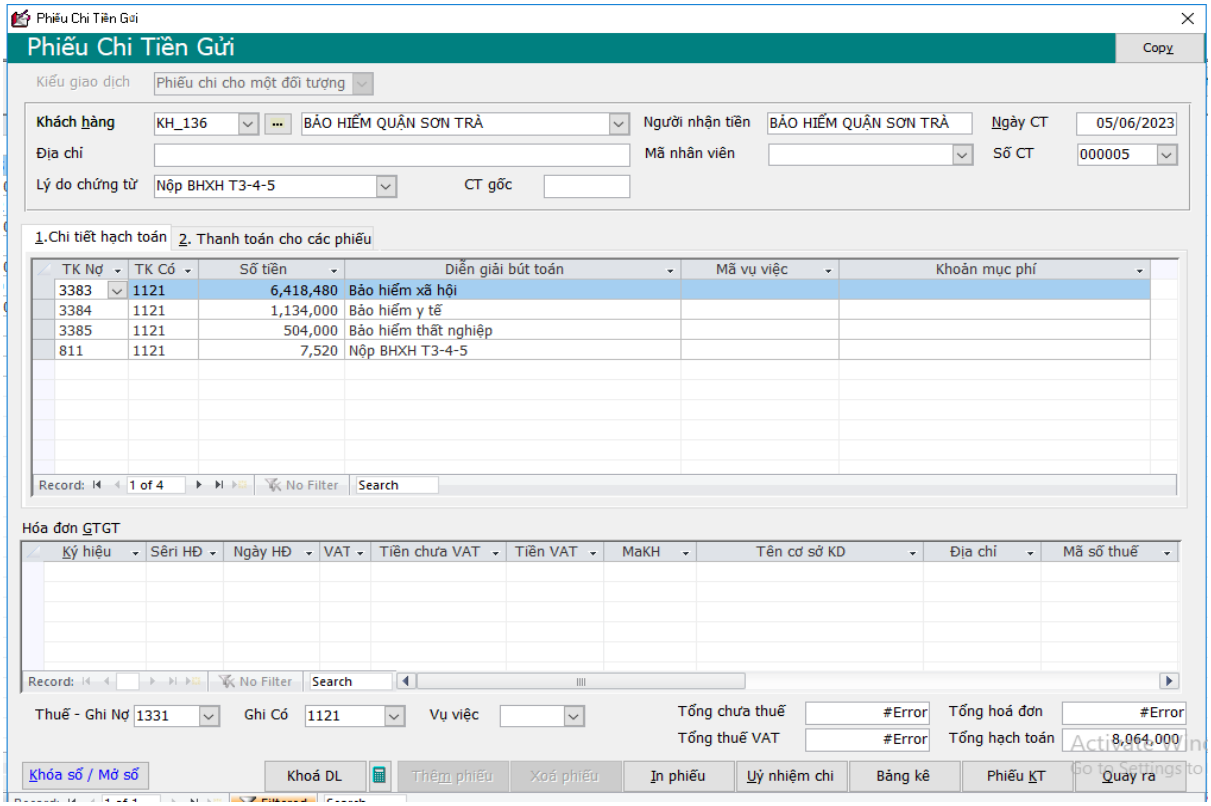

Hình 2.54 Giao diện phiếu thu tiền gửi

Nghiệp vụ 2: Ngày 20/10/2023, Công ty mua hàng của Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Y tế Thành Vinh, thanh toán với số tiền 18,365,000đ nhưng số tiền trên hóa đơn là 18,356,000đ, chênh lệch số tiền 9,000đ Công ty đưa vào chi phí khác.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THÀNH VINH

Mã số thuế: 2901490579

Địa chỉ: Số 32, Đường Thanh Minh, Khối Yên Trường, Phường Trung Đô, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0949608833

Số tài khoản: 51810000543605 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thành Vinh - Thành Vinh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TTV

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Số: **00000373**

Mã CQT: 00E082D898BA474D67951B688C674BE3A3

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

Mã số thuế: 0402117752

Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dung dịch pha loãng M-30D Diluent20L/Thùng/Mindray	Thùng	20,0	638.095,25	12.761.905
2	Dung dịch rửa máy M-30R Rinse 20L/thùng/Mindray	Thùng	6,0	786.666,67	4.720.000
				Cộng tiền hàng:	**17.481.905**
Thuế suất GTGT:		**5%**	Tiền thuế GTGT:		**874.095**
				Tổng tiền thanh toán:	**18.356.000**

Số tiền viết bằng chữ: ***Mười tám triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
***Ký bởi*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THÀNH VINH**
***Ký ngày*: 20/10/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **8XT0CQB4WLV**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.55 Hóa đơn GTGT số 00000373

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh/ *Branch* : DNG- TCB DA NANG
MST/ *Tax code* : 0100230800

SỔ PHỤ KIÊM PHIẾU BÁO NỢ/CÓ
BANK STATEMENT/DEBIT - CREDIT TRANSACTION
(Từ ngày/From 01/10/2023 đến ngày/To 31/10/2023)

TECHCOMBANK

Loại tiền / *Currency:* VND
Tên khách hàng / *Customer name:* CONG TY TNHH THIET BI MEDDA .
Số tài khoản / *Account No:* 19037935758019
Số ID khách hàng / *Customer ID:* 37935758 - MST / *Taxcode:* 0402117752
Loại tài khoản / *Type of Account:* TIEN GUI THANH TOAN
Địa chỉ / *Address:* 36 BUI THI XUAN, P. AN HAI TAY, Q.S ON TRA, TP.DA NANG
Tên tài khoản / *Account name:* VND-TGTT-CTY TNHH THIET BI MEDDA

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ ghi có vào tài khoản quý khách số tiền chi tiết sau / We would like to inform you debited/ credited to your accout the amount of the following details:

Ngày giao dịch *Transaction date*	Đối tác *Remitter*	NH đối tác *Remitter bank*	Diễn giải *Details*	Số bút toán *Transaction No.*	Nợ *Debit*	Có *Credit*	Phí/Lãi *Fee/Interest*	Thuế *Tax*	Số dư *Balance*
20/10/2023	CTY TNHH TBI VAT TU Y TE THANH VINH	DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV)	Medda Chuyen khoan hoa don 373	FT23293029416280	18,365,000.00				667,206,206.0
23/10/2023	Quan Son Tra- Chi cuc Thue khu vuc Son Tra-Ngu Hanh Son	NONG NGHIEP VA PTNT VN (AGRIBANK)	NTDT+KB:0164-KBNN Son Tra - Da nang +NgayNT:20231023+MST:0402117752+DBH C:493HH+TKNS:7111+CQT:1054251+LThue :01(C:755-TM:1701-KT:00/Q3/2023-ST: 21991406-GChu:)	FT23296500439059	21,991,406.00				645,214,800.0
23/10/2023		SACOMBANK HCM VNM	CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA AN DUC 1 TT DOT 2 THEO HD SO 230923/MEDDA-A NDUC1 CHO CONG TY TNHH THIET BI MED DA	FT23296771563935		50,000,000.00			695,214,800.0
23/10/2023	CTY TNHH TBI VAT TU Y TE THANH VINH	DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV)	Medda Chuyen khoan hoa don 246	FT23296006617780	86,500,000.00				608,714,800.0
24/10/2023	MEDICAL PREJECT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED	TECHCOMBANK	Medda Chuyen khoan mua hang	FT23297640732394	31,733,000.00				576,981,800.0
24/10/2023	Quan Son Tra- Chi cuc Thue khu vuc Son Tra-Ngu Hanh Son	CONG THUONG VN (VIETINBANK)	NTDT+KB:0164-KBNN Son Tra - Da nang +NgayNT:20231024+MST:0402117752+DBH C:493HH+TKNS:7111+CQT:1054251+LThue :01(C:757-TM:1001-KT:00/Q3/2023-ST: 3000000-GChu:)	FT23297098837266	3,000,000.00				573,981,800.0
25/10/2023	CTY TNHH Y TE TO NGOC BINH	A CHAU (ACB)	TQ-TRA TIEN HOA CHAT SINH HOA + HUYET HOC-TK-19037935758019-GD-	FT23298177280370		13,590,000.00			587,571,800.0
26/10/2023		VietinBank VNM	TAM UNG THEO HD So: 061023 /MEDDA-T HU PHUC	FT23299060312890		140,000,000.00			727,571,800.0
26/10/2023		IBT TIENPHONGBANK HANOI VNM	THANH TOAN VTYT HOANG ANH	FT23299062103503		2,790,000.00			730,361,800.0
26/10/2023	AVANTA DIAGNOSTICS COMPANY LIMITED .	TECHCOMBANK	Medda Chuyen khoan hoa don 6836	FT23299943109200	32,016,600.00				698,345,200.0
26/10/2023	DMED TECHNOLOGY MEDICAL CO.,LTD	QUAN DOI (MB)	Medda Chuyen khoan hoa don 55	FT23299141182194	9,816,000.00				688,529,200.0
26/10/2023	CTY CP DV YTE HOAN MY	NHNo&PTNT TP Dong Ha	(B/O CTY CP DV YTE HOAN MY) CTY CP DV YTE HOAN MY TTT HOA CHAT THEO HD SO 257,282 T10/2023	FT23299A01014766		72,512,000.00			761,041,200.0
27/10/2023	CTY TNHH BENH VIEN DA KHOA TAM TRI QUANG	NH TMCP ĐT&PT CN Hoi An	(B/O CTY TNHH BENH VIEN DA KHOA TAM TRI QUANG) BV TTQN CHUYEN TIEN MUA VTYT THEO HD SO 200-MEDDA	FT23300A02000048		20,367,900.00			781,409,100.0
30/10/2023		SACOMBANK HCM VNM	IBFT pkbsquynhthuyck mua mayxnlan2	FT23303940057341		54,000,000.00			835,409,100.0

Ngày giờ in/Printed Time:01/11/2023 18:45:28 - Người in/Printed user: SYSTEM

Phiếu này được in tự động từ hệ thống Corebanking T24 của ngân hàng và không cần ký tên, đóng dấu /*This paper is printed automatically from the Bank 's T24 Core Banking system and not to sign and seal*

Hình 2.56 Sổ phụ ngân hàng

Kế toán hạch toán vào phần mềm:

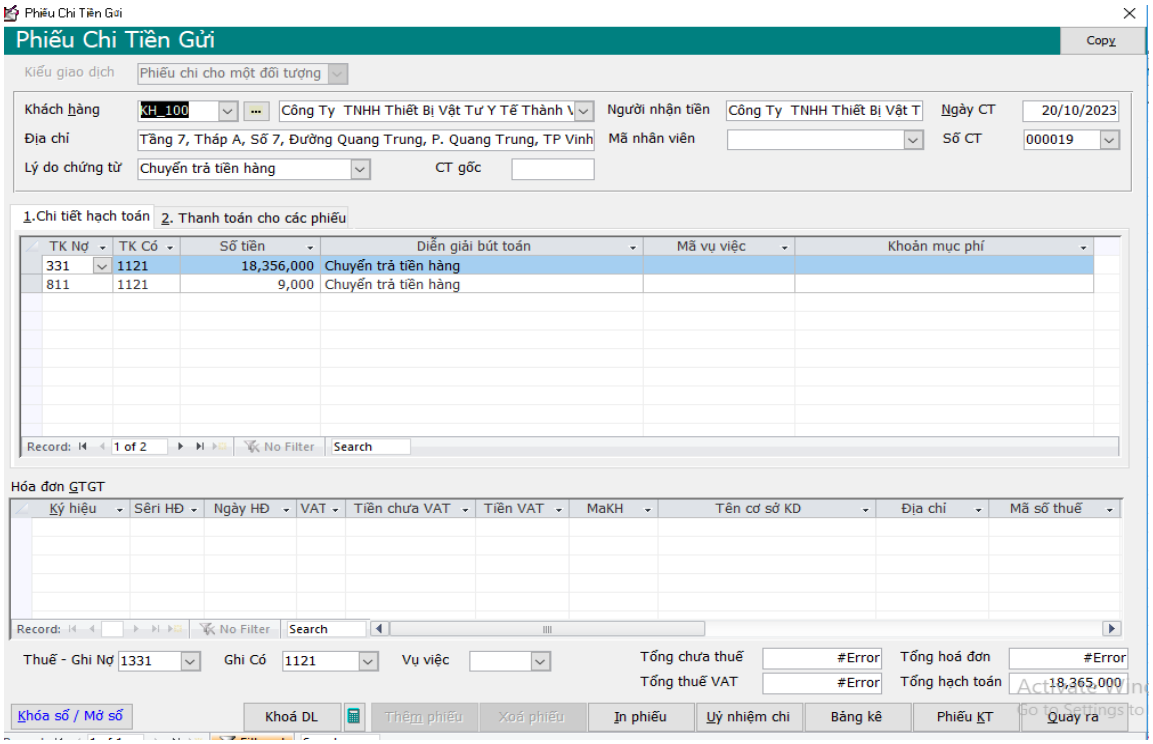

Hình 2.57 Phiếu thu tiền gửi

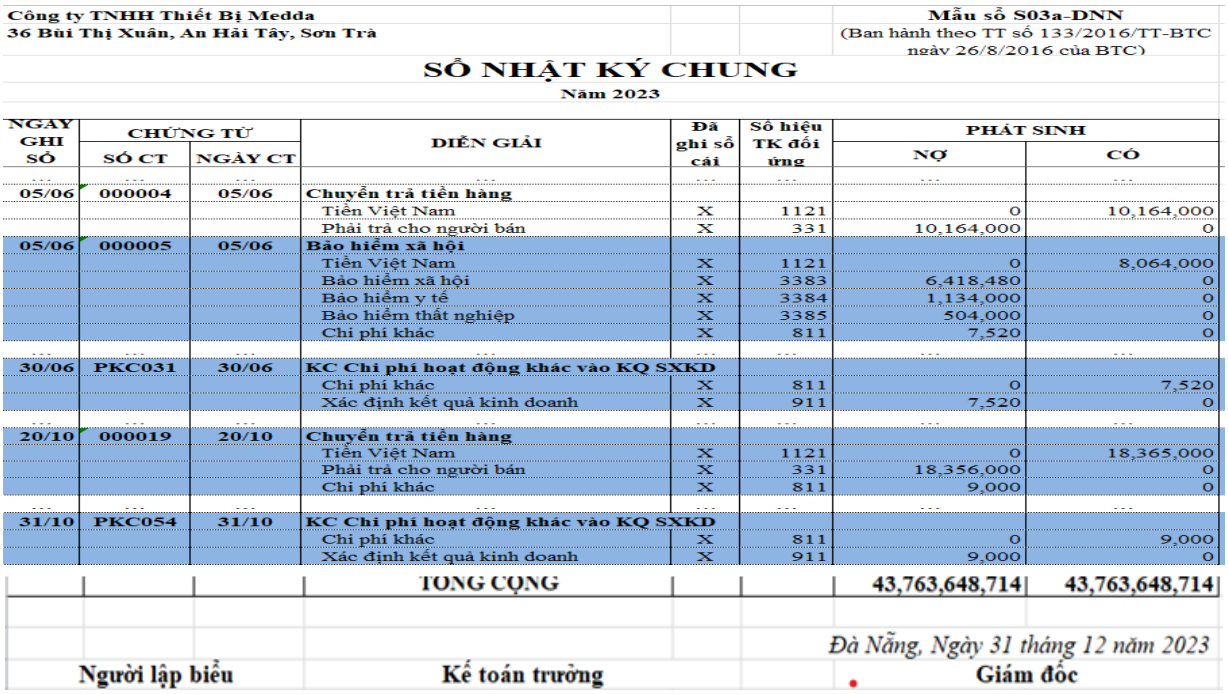

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
---	---	---	---	---	---	---	---
05/06	000004	05/06	Chuyển trả tiền hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	10,164,000
			Phải trả cho người bán	X	331	10,164,000	0
05/06	000005	05/06	Bảo hiểm xã hội				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	8,064,000
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	6,418,480	0
			Bảo hiểm y tế	X	3384	1,134,000	0
			Bảo hiểm thất nghiệp	X	3385	504,000	0
			Chi phí khác	X	811	7,520	0
---	---	---	---	---	---	---	---
30/06	PKC031	30/06	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Chi phí khác	X	811	0	7,520
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	7,520	0
---	---	---	---	---	---	---	---
20/10	000019	20/10	Chuyển trả tiền hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	18,365,000
			Phải trả cho người bán	X	331	18,356,000	0
			Chi phí khác	X	811	9,000	0
---	---	---	---	---	---	---	---
31/10	PKC054	31/10	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Chi phí khác	X	811	0	9,000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	9,000	0
			TỔNG CỘNG			43,763,648,714	43,763,648,714

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc

Hình 2.58 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
05/06	000005	Nộp BHXH T3-4-5	1121	7,520	0
30/06	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	7,520
28/08	000022	Nộp tiền BHXH	1121	59,094	0
31/08	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	59,094
28/09	000011	Nộp BHXH T8, T9	1121	22,239	0
30/09	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	22,239
20/10	000019	Chuyển trả tiền hàng	1121	9,000	0
31/10	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	9,000
		Tổng cộng phát sinh		**97,853**	**97,853**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**97,853**	**97,853**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....

kế toán trưởng

Hình 2.59 Sổ cái TK 811

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
05/06	000005	KH_136	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp BHXH T3-4-5	1121	7,520	0
30/06	KC-000005			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	7,520
28/08	000022	KH_136	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp tiền BHXH	1121	59,094	0
31/08	KC-000005			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	59,094
28/09	000011	KH_136	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp BHXH T8, T9	1121	22,239	0
30/09	KC-000005			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	22,239
20/10	000019	KH_100	Công Ty TNHH Thiết Bị Vật Tư Y Tế Thành Vinh	Chuyển trả tiền hàng	1121	9,000	0
31/10	KC-000005			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	9,000
				Tổng cộng phát sinh		**97,853**	**97,853**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**97,853**	**97,853**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.60 Sổ chi tiết tài khoản TK 811

2.3.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Phụ lục 03_1A_TNDN

b) Sổ sách kế toán sử dụng

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 821

+ Sổ chi tiết TK 821

c) Tài khoản sử dụng

TK 821 – "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp".

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

[03] Mã số thuế: 0402117752

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	6.145.977.070
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	616.002
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	5.718.250.989
a	Giá vốn hàng bán	[13]	4.379.636.191
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.338.614.798
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	428.342.083
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	571.429
8	**Chi phí khác**	**[20]**	97.853
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	473.576
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	428.815.659

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 27 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

PHAN HOÀNG ANH

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA.*

Hình 2.61: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

[07] Mã số thuế: 0402117752

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	428.815.659
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	2.303.551
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	2.303.551
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	431.119.210
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	431.119.210
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0

C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	431.119.210
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	0
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	431.119.210
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	431.119.210
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	431.119.210
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	0
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	86.223.842
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	0
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	0
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	86.223.842
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0

8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**86.223.842**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	86.223.842
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	0
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	8.106.425
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		8.106.425
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	8.106.425
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	86.223.842
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**78.117.417**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	78.117.417
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 27 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

PHAN HOÀNG ANH

Hình 2.62: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Giải thích số liệu:

- Căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp xác định kết quả kinh doanh, kế toán tính lợi nhuận trước thuế và từ đó tính chi phí thuế TNDN phải nộp với thuế suất thuế TNDN là 20%
- Các khoản loại B4 là 2.303.553 được tính như sau:

2.303.553 = 2.205.700 + 97.853 (Trong tờ khai quyết toán thuế TNDN là 2.303.551 đây là lỗi sai sót số liệu sẽ được trình bày kỹ hơn ở Chương 3)

a) Mua ngoài hàng hóa(không có hóa đơn) là 2.205.700

Mẫu số: 01/TNDN
(Ban hành kèm theo

BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤMUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN
(Ngày 29 tháng 12 năm 2023)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Mã số thuế: 0402117752
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:
Người phụ trách thu mua:

STT	Người bán			Hàng hóa mua vào				Ghi chú
	Tên người bán	Địa chỉ	Số CMT nhân dân	Tên mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6 x 7	
				Que thử xét nghiệm định tính	100.000	22,057	2,205,700	
Tổng tiền							2,205,700	
Bằng chữ: *Hai triệu hai trăm linh năm nghìn bảy trăm đồng y.*								

Ngày 29 tháng 12 năm 2023

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hình 2.63 Bảng kê mua hàng không có hóa đơn

Kế toán nhập vào phần mềm:

Vào Kế toán mua hàng và công nợ phải trả → Chọn cập nhật số liệu → Chọn phiếu nhập hàng mua

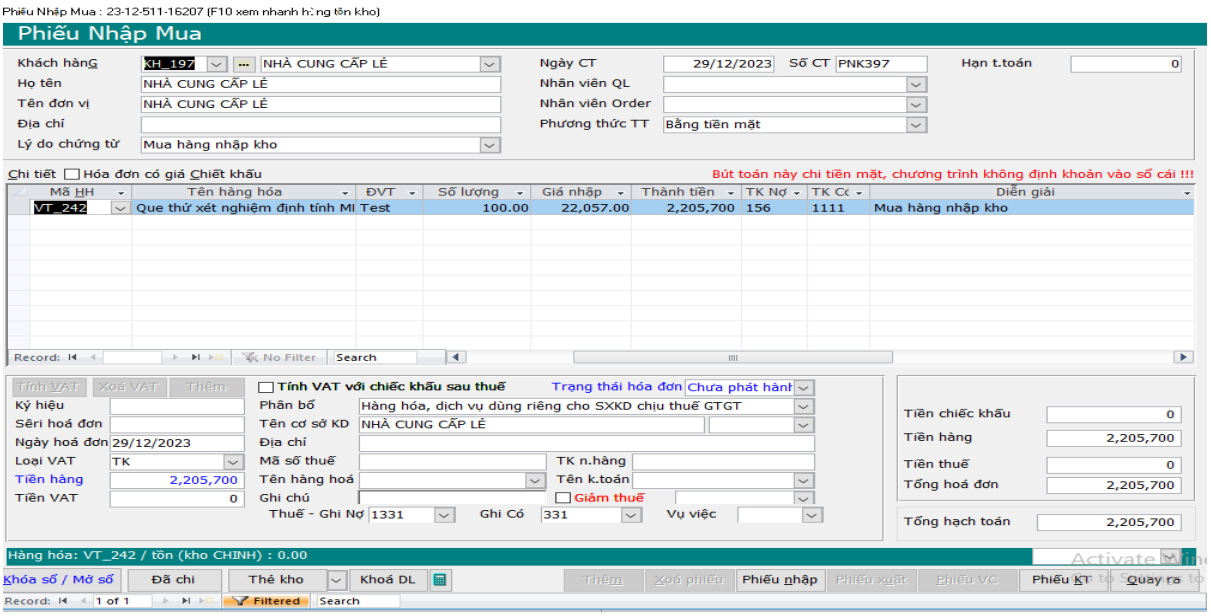

Hình 2.64 Phiếu nhập mua

b) Chi phí khác là 97.853

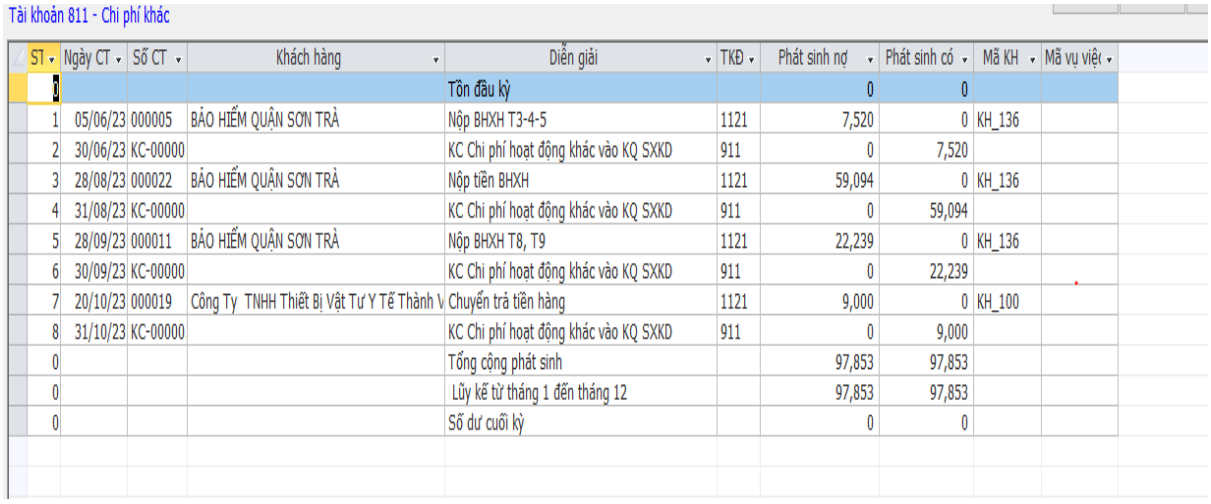

Tài khoản 811 - Chi phí khác

ST	Ngày CT	Số CT	Khách hàng	Diễn giải	TKĐ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Mã KH	Mã vụ việc
0				Tồn đầu kỳ		0	0		
1	05/06/23	000005	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp BHXH T3-4-5	1121	7,520	0	KH_136	
2	30/06/23	KC-00000		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	7,520		
3	28/08/23	000022	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp tiền BHXH	1121	59,094	0	KH_136	
4	31/08/23	KC-00000		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	59,094		
5	28/09/23	000011	BẢO HIỂM QUẬN SƠN TRÀ	Nộp BHXH T8, T9	1121	22,239	0	KH_136	
6	30/09/23	KC-00000		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	22,239		
7	20/10/23	000019	Công Ty TNHH Thiết Bị Vật Tư Y Tế Thành V	Chuyển trả tiền hàng	1121	9,000	0	KH_100	
8	31/10/23	KC-00000		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	9,000		
0				Tổng cộng phát sinh		97,853	97,853		
0				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		97,853	97,853		
0				Số dư cuối kỳ		0	0		

Hình 2.65 Chi phí khác

 TNTT = (6.145.977.070 + 616.002 + 571.429) - (4.379.636.191 + 1.338.614.798 + 97.853) - 2.303.553 = 431.119.212 đồng

 Chi Phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Thuế TNDN phải nộp = TNTT *20% = 431.119.212 * 20% = 86.223.842 đồng

Từ kết quả chi phí thuế TNDN đã tính, kế toán hạch toán

Nợ TK 821: 86.223.842 đồng

Có TK 3334: 86.223.842 đồng

 Căn cứ vào phiếu kế toán tổng hợp, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán. Trình tự nhập liệu như sau: vào "Kế toán tổng hợp" -> "phiếu kế toán ".

Kết chuyển lợi nhuận sau thuế sang tài khoản 911:

LNST= LNTT- Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp

=428.815.659 – 86.223.842 = 342.591.817 đồng

Công ty TNHH Thiết Bị Medda
36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
---	---	---	---	---	---	---	---
05/06	000005	05/06	**Bảo hiểm xã hội**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	8,064,000
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	6,418,480	0
			Bảo hiểm y tế	X	3384	1,134,000	0
			Bảo hiểm thất nghiệp	X	3385	504,000	0
			Chi phí khác	X	811	7,520	0
---	---	---	---	---	---	---	---
28/08	000022	28/08	**Nộp tiền BHXH**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	4,287,614
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	3,220,520	0
			Bảo hiểm y tế	X	3384	756,000	0
			Bảo hiểm thất nghiệp	X	3385	252,000	0
			Chi phí khác	X	811	59,094	0
---	---	---	---	---	---	---	---
28/09	000011	28/09	**Nộp BHXH T8, T9**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	2,710,239
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	2,142,000	0
			Bảo hiểm y tế	X	3384	378,000	0
			Bảo hiểm thất nghiệp	X	3385	168,000	0
			Chi phí khác	X	811	22,239	0
---	---	---	---	---	---	---	---
20/10	000019	20/10	**Chuyển trả tiền hàng**				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	18,365,000
			Phải trả cho người bán	X	331	18,356,000	0
			Chi phí khác	X	811	9,000	0
---	---	---	---	---	---	---	---
29/12	PC171	29/12	**Chi tiền mua hàng theo CT : 000035**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	2,205,700
			Hàng hóa	X	156	2,205,700	0
---	---	---	---	---	---	---	---
31/12	PKC065	31/12	**KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SXKD**				
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	X	821	0	86,223,842
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	86,223,842	0
			TỔNG CỘNG			**43,763,648,714**	**43,763,648,714**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc**

Hình 2.66 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
31/12	PKT053	KC thuế TNDN năm 2023	3334	86,223,842	0
31/12	KC-000005	KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ S	911	0	86,223,842
		Tổng cộng phát sinh		**86,223,842**	**86,223,842**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**86,223,842**	**86,223,842**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....
kế toán trưởng

Hình 2.67 Sổ cái TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
31/12	PKT053			KC thuế TNDN năm 2023	3334	86,223,842	0
31/12	KC-000005			KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp s	911	0	86,223,842
				Tổng cộng phát sinh		**86,223,842**	**86,223,842**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**86,223,842**	**86,223,842**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
		Phan Hoàng Anh

Hình 2.68 Sổ chi tiết tài khoản TK 821

2.3.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Chứng từ sử dụng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái,…

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911- " Xác định kết quả kinh doanh"

<u>Bên Nợ:</u>

– Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

– Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
– Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
– Kết chuyển lãi.

Bên Có:

– Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
– Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
– Kết chuyển lỗ.

d) Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu sang TK 511 sau đó kết chuyển TK 511, 515 sang Tk 911.

Đồng thời tổng hợp các số phát sinh của giá vốn hàng bán, chi phi hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911.

Nếu lãi kết chuyển sang Có TK 421, nếu lỗ kết chuyển sang Nợ TK 421.

Doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng.

Công ty TNHH Thiết Bị Medda

36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu sổ S03a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
31/01	**PKC001**	**31/01**	**KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD**				
			Thu nhập khác	X	711	571,429	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	571,429
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	**PKC031**	**30/06**	**KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD**				
			Chi phí khác	X	811	0	7,520
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	7,520	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	**PKC061**	**31/12**	**KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD**				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	593,700,288	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	593,700,288
31/12	**PKC062**	**31/12**	**KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD**				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	48,190	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	48,190
31/12	**PKC063**	**31/12**	**KC Giá vốn vào KQ SXKD**				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	412,134,354
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	412,134,354	0
31/12	**PKC064**	**31/12**	**KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD**				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	278,412,173
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	278,412,173	0
31/12	**PKC065**	**31/12**	**KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SXKD**				
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	X	821	0	86,223,842
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	86,223,842	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năn	X	4212	183,021,891	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	183,021,891
			TỔNG CỘNG			**43,763,648,714**	**43,763,648,714**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc**

Hình 2.69 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

SỔ CÁI

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
…	…	…	…	…	…
31/01	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	571,429
…	…	…	…	…	…
30/06	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	7,520	0
…	…	…	…	…	…
31/12	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	593,700,288
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	48,190
31/12	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	412,134,354	0
31/12	KC-000004	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	278,412,173	0
31/12	KC-000005	KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ S	821	86,223,842	0
31/12	KC-000006	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	183,021,891
		Tổng cộng phát sinh		**6,370,451,401**	**6,370,451,401**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**6,370,451,401**	**6,370,451,401**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày ..... tháng ..... năm 20....
kế toán trưởng

Hình 2.70 Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
…	…	…	…	…	…	…	…
31/01	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	711	0	571,429
…	…	…	…	…	…	…	…
30/06	KC-000005			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXI	811	7,520	0
…	…	…	…	…	…	…	…
31/12	KC-000001			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXK	5111	0	593,700,288
31/12	KC-000002			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKI	515	0	48,190
31/12	KC-000003			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	412,134,354	0
31/12	KC-000004			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	278,412,173	0
31/12	KC-000005			KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp s	821	86,223,842	0
31/12	KC-000006			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	183,021,891
				Tổng cộng phát sinh		**6,370,451,401**	**6,370,451,401**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**6,370,451,401**	**6,370,451,401**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.71 Sổ chi tiết tài khoản TK 911

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
[03] Mã số thuế: 0402117752

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**6.145.977.070**	**3.852.132.082**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**6.145.977.070**	**3.852.132.082**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**4.379.636.191**	**3.006.254.757**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.766.340.879**	**845.877.325**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**616.002**	**84.725**
7. Chi phí tài chính	**22**		**0**	**0**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**1.338.614.798**	**776.409.710**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**428.342.083**	**69.552.340**
10. Thu nhập khác	**31**		**571.429**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**97.853**	**0**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**473.576**	**0**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**428.815.659**	**69.552.340**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**86.223.842**	**13.910.468**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**342.591.817**	**55.641.872**

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		PHAN HOÀNG ANH

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA.*

Hình 2.72 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

3.1. Nhận xét về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết Bị Medda

Là công ty với quy mô không lớn khi hoạt động trong thị trường, Công ty TNHH Thiết bị Medda vẫn đứng vững và phát triển, đó là một thành công rất lớn. Đằng sau sự thành công ấy là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của toàn thể nhân viên trong công ty. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lí và việc tổ chức kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán bán hàng nói riêng cũng phải được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Qua một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda, dựa trên những kiến thức, những vấn đề lí luận cơ bản về hạch toán kế toán đã được trang bị tại trường em xin nêu ra một số nhận xét đánh giá sau:

3.1.1 Ưu điểm

Nhìn chung công tác hạch toán kế toán của Công ty đã đảm bảo áp dụng đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC 26/08/2016, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Nhà nước.

- Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán Bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của Công ty gọn nhẹ, tiết kiệm được nhiều chi phí, thời gian cho công ty, phù hợp được yêu cầu đòi hỏi của công việc.
- Thứ hai: Về phương pháp hạch toán và hình thức sổ kế toán Phương pháp hạch toán được công ty thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán, phản ánh đầy đủ, trung thực, kịp thời các nghiệp vụ kế toán. Trong điều kiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên nên việc công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý giúp cho công tác quản lý chặt chẽ và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty đã sử dụng phần mềm kế toán phục vụ cho công tác kế toán nên đã giảm tải được nhiều công việc, tiết kiệm thời gian và đảm bảo độ chính xác số liệu kế toán.
- Thứ ba: Sổ kế toán, chứng từ kế toán từ công việc lập chứng từ ban đầu đến việc lưu trữ chứng từ điều đúng quy chế, trách nhiệm và theo quy định cụ thể

của công ty Trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện hạch toán đúng, đủ, kịp thời quá trình bán hàng.

3.1.2 Hạn chế

- Bên cạnh các mặt ưu điểm đã nêu trên, Công ty vẫn còn tồn tài nhiều mặt hạn chế và cần phải thay đổi để phát triển hơn trong công tác kế toán, cũng như công tác quản lý cho toàn doanh nghiệp.
- Khi các nghiệp vụ bán hàng phát sinh đôi khi kế toán không thực hiện hạch toán ngay trên phần mềm Trí Việt mà kế toán để dồn đến cuối quý hoặc cuối tháng mới hạch toán, dẫn đến có khả năng sai sót, thiếu hoặc tăng chi phí. Và khi nghiệp vụ phát sinh kế toán phản ánh vào phần mềm đôi khi nhập sai chỗ, sai số tiền, sai ngày và sai mã khách hàng dẫn đến quá trình in sổ hay công nợ ... có sai sót. Không in các phiếu thu, phiếu chi để cuối tháng hoặc quý mới in.
- Giá vốn hàng bán kế toán sử dụng theo phương pháp bình quân cuối tháng, phương pháp này có ưu điểm đơn giản nhưng kết quả lại mang độ chính xác không cao, không đáp ứng được thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh của Công ty.
- Về phần mềm kế toán sử dụng máy tính đôi khi mất điện, hoặc lỗi phần mềm. Các thông tin có thể bị sai lệch nếu thông tin đầu vào không đúng, sẽ mất thời gian chỉnh sửa.
- Công ty chưa phân loại riêng biệt chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp và chi phí quản lý bán hàng. Sử dụng TK 6422 để hạch toán cho chi phí bán hàng không phù hợp cho Công ty.
- Hàng tháng, số lượng nghiệp vụ phát sinh rất nhiều, chứng từ kế toán lại phát sinh nhiều nhưng công ty chưa có hệ thống lưu trữ hợp lý, gây khó khăn cho việc tìm kiếm, chứng từ khi cần thiết.

3.1.3 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị Medda

a) Quan sát tờ khai quyết toán thuế TNDN tác giả thấy số tiền ở chỉ tiêu B4 " Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế " là 2.303.551 là chưa chính xác, số tiền đúng đó là 2.303.553.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

[07] Mã số thuế: 0402117752

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	428.815.659
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	2.303.551
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	2.303.551
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	431.119.210
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	431.119.210
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0

8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**86.223.842**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	86.223.842
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	0
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	8.106.425
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		8.106.425
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	8.106.425
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	86.223.842
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**78.117.417**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	78.117.417
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 27 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

PHAN HOÀNG ANH

Hình 2.72 Tờ khai quyết toán thuế TNDN

Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

= 2.205.700 + 97.853 = 2.303.553

Số liệu đã được giải thích tại trang (85,86,87)

Kế toán cần điều chỉnh lại tờ khai quyết toán thuế TNDN đúng với số tiền là 2.303.553.

Nếu số tiền chênh lệch lớn thì sẽ ảnh hưởng đến thuế TNDN nhưng kế toán nhập lệch 2 đồng số tiền nhỏ nên không làm lệch số thuế TNDN phải nộp nhưng kế toán cũng cần phải có sự chính xác hơn trong phần nhập liệu.

b) Công ty sử dụng TK 6422 " Chi phí quản lý doanh nghiệp" để hạch toán cho các nghiệp vụ chi phí bán hàng là chưa đúng. Kế toán cần điều chỉnh lại hạch toán:

– Dịch vụ cước vận chuyển hàng thiết bị y tế ngày 17/06/2023 với số tiền trên hóa đơn là 330.000đ.

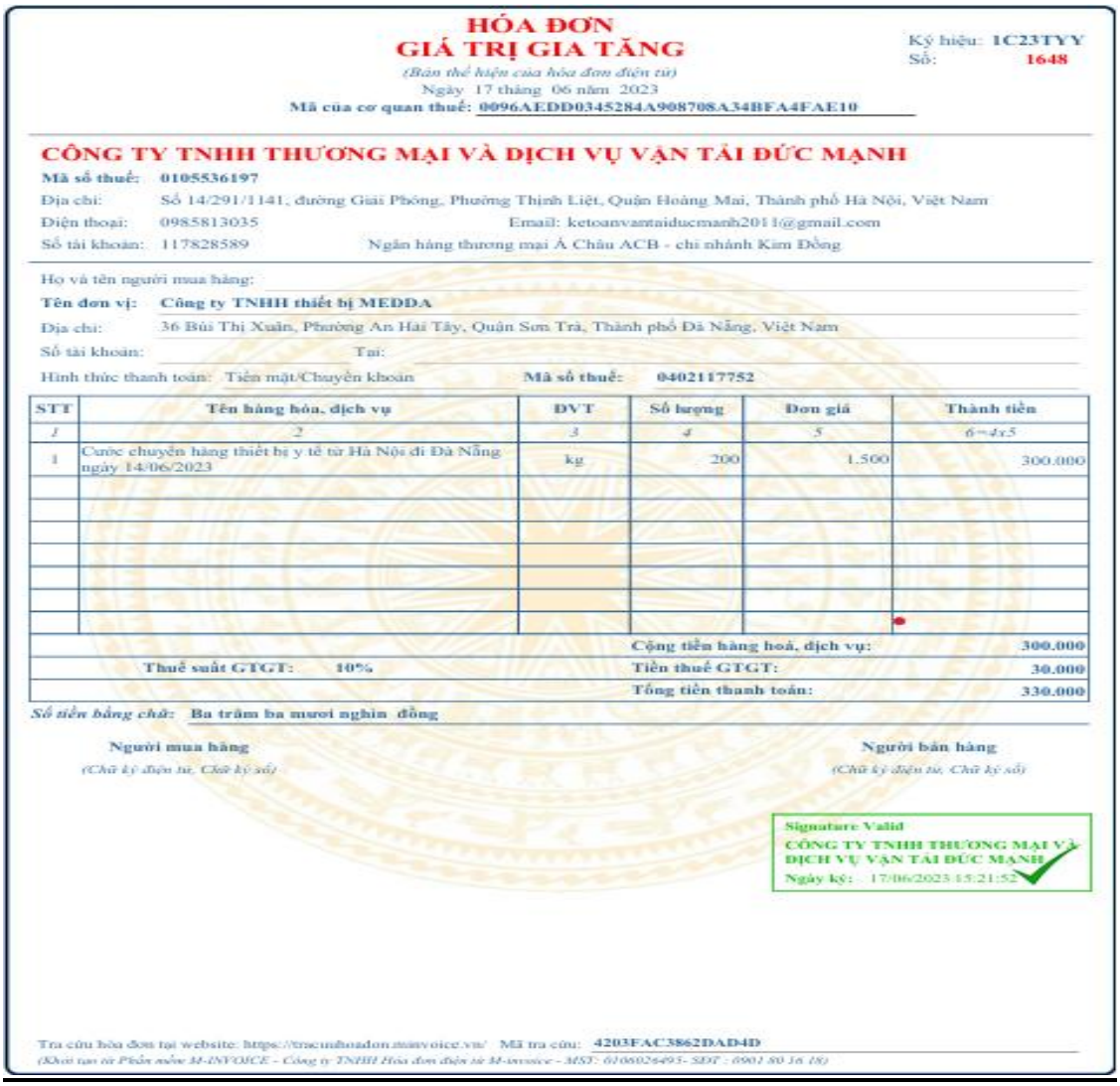

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 17 tháng 06 năm 2023
Mã của cơ quan thuế: 0096AEDD0345284A908708A34BFA4FAE10

Ký hiệu: **1C23TYY**
Số: **1648**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH
Mã số thuế: 0105536197
Địa chỉ: Số 14/291/1141, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0985813035 Email: ketoanvantaiducmanh2011@gmail.com
Số tài khoản: 117828589 Ngân hàng thương mại Á Châu ACB - chi nhánh Kim Đồng

Họ và tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty TNHH thiết bị MEDDA**
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản: Tại:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản **Mã số thuế:** 0402117752

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước chuyển hàng thiết bị y tế từ Hà Nội đi Đà Nẵng ngày 14/06/2023	kg	200	1.500	300.000
				Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:	**300.000**
	Thuế suất GTGT: 10%			**Tiền thuế GTGT:**	**30.000**
				Tổng tiền thanh toán:	**330.000**

Số tiền bằng chữ: **Ba trăm ba mươi nghìn đồng**

Người mua hàng *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)*
Người bán hàng *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)*

Signature Valid
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MẠNH
Ngày ký: 17/06/2023 15:21:52

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: 4203FAC3862DAD4D
(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 36 18)

Hình 2.73 Hóa đơn GTGT số 00001648

Kế toán cần điều chỉnh lại hạch toán vào TK 6421 “Chi phí bán hàng”

Nợ TK 6421: 300.000

Nợ TK 1331: 30.000

Có 1111: 330.000

c) Tuyển dụng tăng số lượng kế toán đảm bảo duy trì hoạt động của bộ phận kế toán, đồng thời đào tạo, thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật về kế toán, thuế mới cho bộ phận kế toán và các bộ phận khác đảm bảo kịp thời áp dụng các chính sách, pháp luật mới trong công việc.

d) Nâng cao hiệu quả làm việc của phòng kế toán nhằm cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời và đáng tin cậy.

e) Doanh nghiệp cần giữ vững và mở rộng thị trường, xóa bỏ dần những khoảng trống nhằm ngăn chặn thị trường của đối thủ cạnh tranh. Để làm được điều đó doanh nghiệp cần quan tâm đến khách hàng truyền thống, duy trì mối quan hệ phát triển lâu dài, giá cả ổn định và đảm bảo chất lượng

f) Đối với chi phí giá vốn hàng bán, muốn giảm thiểu tối đa khoản mục chi phí này thì Công ty phải có kế hoạch cho việc thu mua, tồn trữ hàng hóa đầu vào, đồng thời công ty cần tăng cường công tác dự báo để khi giá cả hàng hóa biến động Công ty có những chính sách thu mua hợp lý đảm bảo đúng tiến độ

g) Chi phí bán hàng Công ty cần có đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, phải am hiểu về sản phẩm của công ty mình, thái độ phục vụ ân cần, thân thiện đối với khách hàng. Vì đây là bộ phận tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, đại diện cho hình ảnh của công ty. Nếu thực hiện tốt khâu này, sẽ xúc tiến cho việc bán hàng thuận lợi, và sẽ giảm thiểu được chi phí trong công tác bán hàng.

h) Công ty nên quản lý việc bố trí nhân viên đi công tác, quản lý tiền điện, nước, điện thoại và chi phí tiếp khách, ... phù hợp, đúng mục đích và có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Việt nam hiện nay đã và đang hội nhập với các nền kinh tế trên thế giới, quá trình đã đem lại tiềm năng, cơ hội để phát triển nhưng không thể không kể tới những khó khăn, thách thức mà thị trường đang đặt ra. Các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Thiết bị Medda nói riêng phải nỗ lực không ngừng để có thể tận dụng cũng như vượt qua những khó khăn nhằm đặt mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp và thúc đẩy nền kinh tế nước nhà đi lên. Kế toán đến nay là một công cụ cực kỳ quan trọng trong quản lý kinh tế nói chung và xác định hiệu quả kinh doanh nói riêng trong một doanh nghiệp. Qua quá trình tìm hiểu thực tế kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò không thể thiếu trong công tác quản lý doanh nghiệp. Mặc dù công ty còn những hạn chế nhưng nhìn chung đã đạt được những thành quả trong hoạt động kinh doanh, có ý nghĩa rất nhiều về mặt kinh tế lẫn xã hội. Sau thời gian làm việc và thực tập tại công ty, em thấy rằng giữa lý thuyết và thực tế có một khoảng cách nhất định. Em thấy bản thân vẫn chưa hiểu hết được các nghiệp vụ kế toán. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh không những rất quan trọng mà còn khó và phức tạp. Do đó đòi hỏi cán bộ kế toán không chỉ nắm vững về lý thuyết mà còn phải hiểu sâu về thực tế thì mới có thể vận dụng một cách khoa học lý luận và thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo Ths. Nguyễn Thị Thanh Phương đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này, và em cũng cảm ơn các cô chú anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Thiết bị Medda đã rất nhiệt tình tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập và thu thập tài liệu. Tuy nhiên, trình độ cũng như kinh nghiệm của bản thân em còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em chắc chắn không sót khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo, cán bộ kế toán trong công ty để khóa luận em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày tháng 05 năm 2024

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Lan

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chế Độ Kế Toán Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) – Bộ Tài Chính – Nhà Xuất Bản Tài Chính. Ký ngày 26/8/2016.

Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thiết Bị Medda năm 2023

Tham khảo một số kết cấu TK trên các website

Các khóa luận tốt nghiệp của những anh chị khóa trước.

Tailieu123.com.

Một số tài liệu khác.

PHỤ LỤC

Ngày 02/06/2023 , khách hàng thanh toán tiền mua hàng ở nghiệp vụ 1 cho Công ty bằng tiền gửi ngân hàng là 18.220.500 VND (giá đã bao gồm VAT).

Ngân hàng chuyển lệnh thanh toán lệnh có cho Công ty. Giấy báo có được lập như sau:

TECHCOMBANK

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
Vietnam Technological and Commercial Join-Stock Bank
Mã số thuế/ *Tax code:* 0100230800

Số giao dịch/ *Transaction No.* : FT23188A04004194

PHIẾU BÁO CÓ
Credit advice

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/ *CUSTOMER INFORMATION*

Tên tổ chức/ *Customer name:* CONG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA

Mã số thuế/ *Tax ID:* 0402117752

Địa chỉ/ *Address:* 36 BÙI THỊ XUÂN, P. AN HẢI TÂY, SƠN TRÀ, TP.DA NANG

	Người chuyển tiền *Remitters' account name*	**Người nhận tiền** *Beneficiaries' account name*
Tên tài khoản *Account name*	CONG TY TNHH TN và DV Y TẾ LÊ HÂN	VND-TGTT- CONG TY TNHH THIẾT BỊ MEDDA
Số tài khoản *Account number*	224440100	-
Ngân hàng *Bank*	NHTMCP CONG THUONG CN ĐA NANG	TECHCOMBANK

CHI TIẾT GIAO DỊCH/ *TRANSACTION DETAILS*

Ngày hiệu lực/ *Value Date:* 02/06/2023

Loại tiền/ *Currency:* VND

Số tiền giao dịch/ *Amount*	**Tổng phí + thuế/** *Fee + VAT*	**Tổng số tiền/** *Total amount*
+ 18,220,500	0	+ 18,220,500

Số tiền bằng chữ/ *Amount in words:* Mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn năm đồng

Nội dung thanh toán/ *Description:* Công ty Lê Han chuyển khoản trả tiền hàng cho HD 114

Giao dịch viên/Chuyên viên
Teller/Officer

Kiểm soát viên
Supervisor

Phiếu này được in từ hệ thống ngân hàng điện tử của Techcombank
This automated credit advice is printed by electronic banking by TECHCOMBANK

Phụ lục số 1a: Giấy báo có

– Căn cứ vào Giấy báo có, kế toán tiến hành hạch toán số liệu vào phần mềm.

Trình tự nhập liệu như sau: “Kế toán tiền gửi” -> “Nhập phát sinh” -> “Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có)”

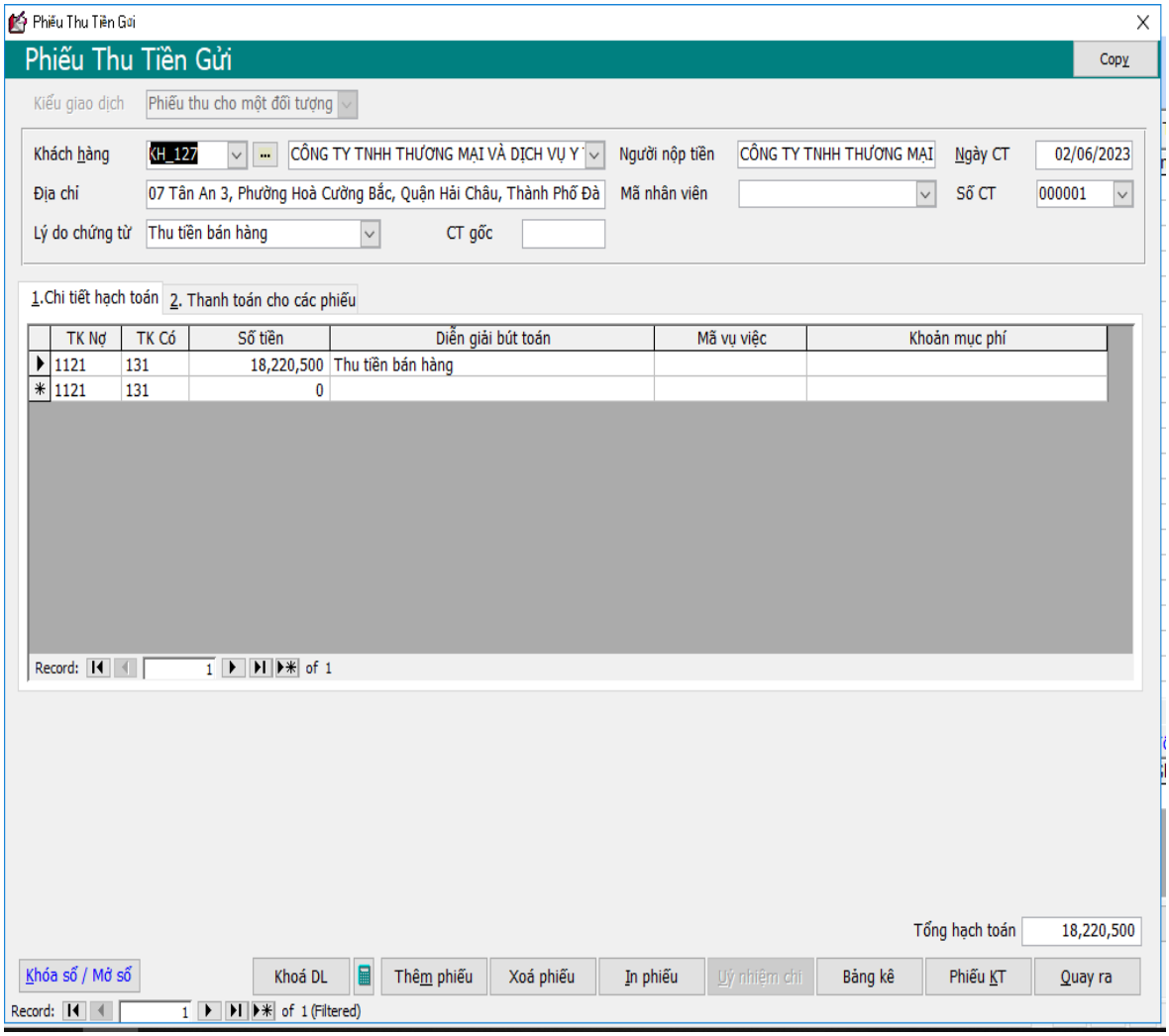

Phụ lục số 1b: Giao diện nhập liệu trên phần mềm

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP ĐÀ NẴNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN SƠN TRÀ

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng 06 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH thiết bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị: TD2154D **Điện thoại:** 0905118091

Bảo hiểm xã hội quận Sơn Trà thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ, BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	**Kỳ trước mang sang**	**757,760**	**5,556,906**	**1,140,054**	**505,173**	**126,293**	**8,086,186**
1	*Số lao động*	2	2	2	2	2	
2	*Phải đóng*						
2.1	*Thừa*						
2.2	*Thiếu*	756,000	5,544,000	1,134,000	504,000	126,000	8,064,000
3	*Thiếu lãi*	1,760	12,906	6,054	1,173	293	22,186
B	**Phát sinh trong kỳ**	**255,520**	**1,873,813**	**390,108**	**170,347**	**42,587**	**2,732,375**
1	*Số lao động*						
1.1	*Tăng*						
1.2	*Giảm*						
2	*Quỹ lương*	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	
2.1	*Tăng*						
2.2	*Giảm*						
3	*Phải đóng*	252,000	1,848,000	378,000	168,000	42,000	2,688,000
3.1	*Tăng*						
3.2	*Giảm*						
4	*Điều chỉnh phải đóng kỳ trước*						
4.1	*Tăng*						
	Trong đó: năm trước						
4.2	*Giảm*						
	Trong đó: năm trước						
4.3	*Điều chỉnh*						
5	*Lãi*						
5.1	*Số tiền tính lãi*	504,000	3,696,000	756,000	336,000	84,000	5,376,000
5.2	*Tỷ lệ tính lãi*	0.6984	0.6984	1.6016	0.6984	0.6984	
5.3	*Tổng tiền lãi*	3,520	25,813	12,108	2,347	587	44,375
C	***Số tiền đã nộp trong kỳ***						**8,064,000**
1	*+ UNC số 00657, Ngày 05/06/2023*						8,064,000
D	***Phân bổ tiền đóng***	**755,098**	**5,537,382**	**1,140,054**	**505,173**	**126,293**	**8,064,000**
1	*Phải đóng*	755,098	5,537,382	1,134,000	504,000	126,000	8,056,480

Phụ lục số 2a: Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ

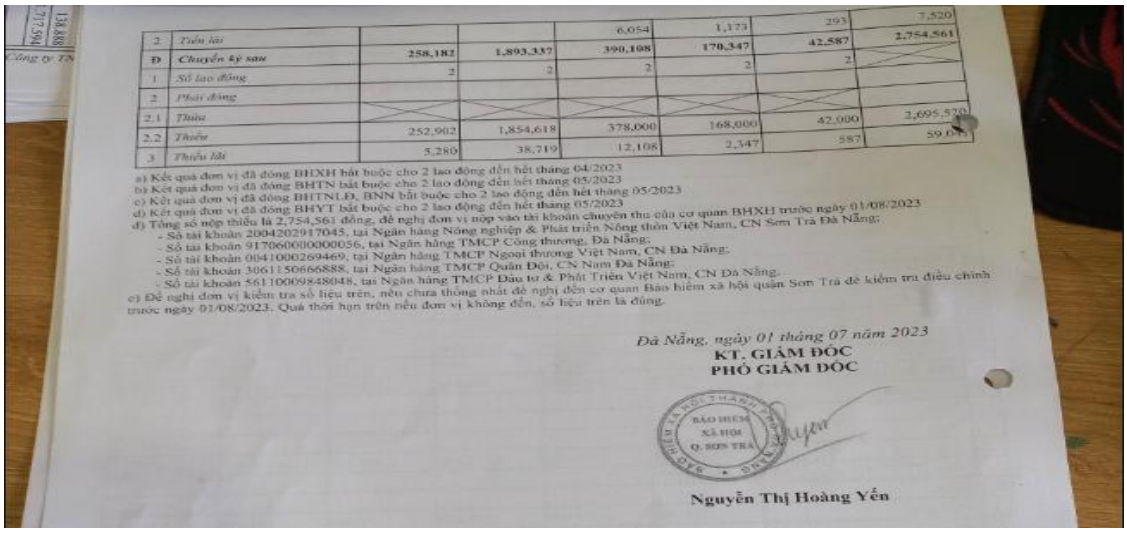

2	*Tiền lãi*			6,054	1,173	293	7,520
D	***Chuyển kỳ sau***	**258,182**	**1,893,337**	**390,108**	**170,347**	**42,587**	**2,754,561**
1	*Số lao động*	2	2	2	2	2	
2	*Phải đóng*						
2.1	*Thừa*						
2.2	*Thiếu*	252,902	1,854,618	378,000	168,000	42,000	2,695,520
3	*Thiếu lãi*	5,280	38,719	12,108	2,347	587	59,041

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 04/2023
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 05/2023
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 05/2023
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 05/2023
d) Tổng số nộp thiếu là 2,754,561 đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH trước ngày 01/08/2023
- Số tài khoản 2004202917045, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, CN Sơn Trà Đà Nẵng;
- Số tài khoản 917060000000056, tại Ngân hàng TMCP Công thương, Đà Nẵng;
- Số tài khoản 0041000269469, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng;
- Số tài khoản 3061150666888, tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Nam Đà Nẵng;
- Số tài khoản 5611000948048, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam, CN Đà Nẵng.
e) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Sơn Trà để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 01/08/2023. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 07 năm 2023
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng Yến

Phụ lục số 2b: Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ

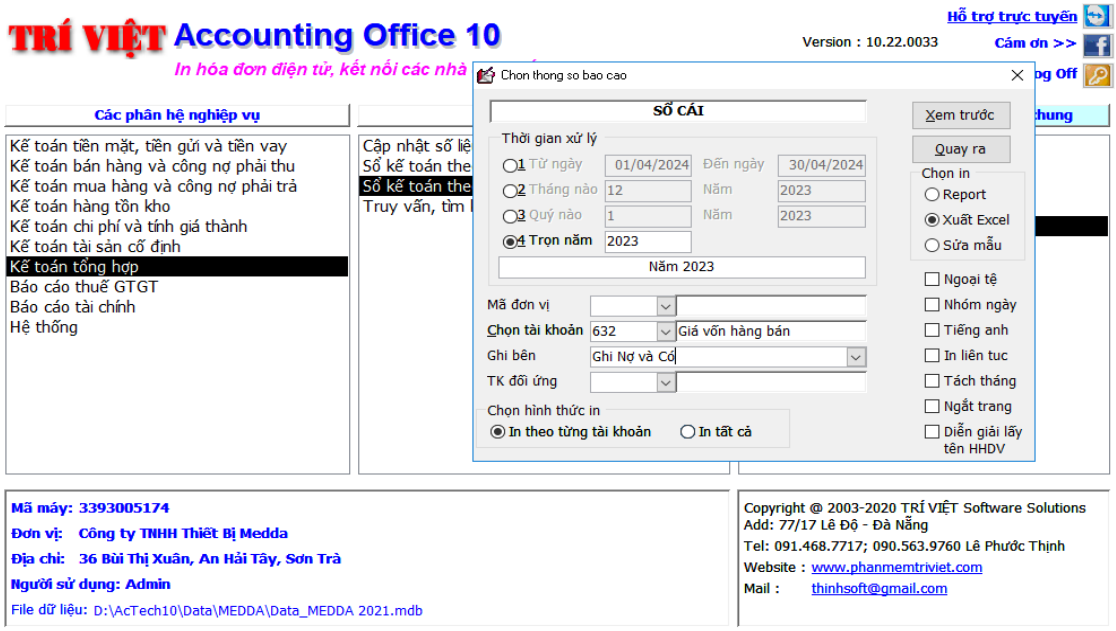

Phụ lục số 3: Giao diện để vào xem sổ cái

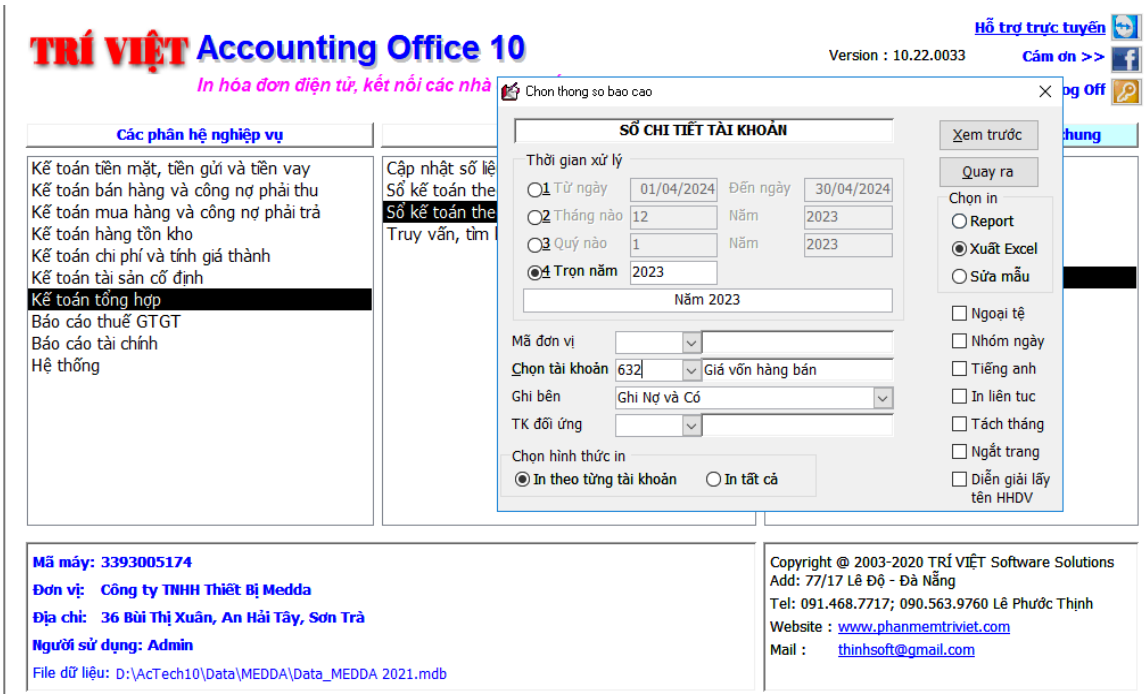

Phụ lục số 4: Giao diện để vào xem sổ chi tiết tài khoản

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết Bị Medda
Địa chỉ: 36 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản 156 - Hàng hóa

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
23/05	PXK112	KH_124	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA K	Bán hàng	632	0	11,969,257
23/05	PXK113	KH_127	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ D	Bán hàng	632	0	15,780,391
24/05	PXK114	KH_73	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BỒN	Bán hàng	632	0	5,060,606
25/05	PC064	KH_31	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 000	1111	5,454,545	0
25/05	PNK139	KH_22	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NG	Mua hàng nhập kho	331	13,200,000	0
26/05	PXK115	KH_11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Y TẾ H	Bán hàng	632	0	5,454,545
...	...	...	...	...	...	...	...
29/05	PXK121	KH_133	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ Y TẾ	Bán hàng	632	0	3,111,904
...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	PXK373	KH_6	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA K	Bán hàng	632	0	15,119,188
				Tổng cộng phát sinh		**4,659,099,281**	**4,379,636,191**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**4,659,099,281**	**4,379,636,191**
				Số dư cuối kỳ		**1,290,160,378**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
		Phan Hoàng Anh

Phụ lục số 5: Sổ chi tiết tài khoản 156